

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK (DRI)

Trụ sở chính: 59 Cao Thắng, P Tân An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0084-262-3867676

Fax: 0084-262-3865303

Website: www.dri.com.vn Email: dri@dri.com.vn

Mã chứng khoán giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội: DRI

Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Nguyễn Việt Tượng**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Điện thoại: 0084-262-3867676

Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk công bố thông tin Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Thông tin này đồng thời đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk vào ngày 02/4/2025 tại đường dẫn: <http://www.dri.com.vn> chuyên mục Quan hệ cổ đông/Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo./.

Dính kèm: *thb*

- Tài liệu ĐHĐCĐ
thường niên 2025.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**



thb
Nguyễn Việt Tượng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK



DRI

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2025

Buôn Ma Thuột, tháng 04 năm 2025

**DANH MỤC TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

TT	DANH MỤC TÀI LIỆU
1	Thông báo mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
2	Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
3	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
4	Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
5	Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
6	Dự thảo Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch năm 2025
7	Dự thảo Báo cáo của Ban điều hành về hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch năm 2025
8	Dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng năm 2025
9	Báo cáo tóm tắt kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024
10	Tờ trình thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025
11	Tờ trình phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2024
12	Tờ trình thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2025
13	Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2025
14	Tờ trình thông qua các hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan của Công ty
15	Tờ trình phê duyệt Dự án đầu tư tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cây cao su của Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk tại Lào
16	Tờ trình về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn UpCOM sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)
17	Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2022-2027)
18	Thông báo về việc đề cử, ứng cử để bầu bổ sung thành viên HĐQT
19	Phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
20	Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

Số: 24/TB-CT

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 03 năm 2025

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: Cổ đông:
Địa chỉ:.....

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6001271719 ngày 24/2/2012 của Sở kế hoạch & Đầu tư Đắk Lắk về việc cấp giấy phép hoạt động cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

Căn cứ Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk trân trọng kính mời cổ đông tham gia họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2025 với thông tin tổ chức như sau:

1. Thời gian: 7 giờ 30 ngày 24 tháng 04 năm 2025.

2. Địa điểm : Hội trường tầng 1 - Trung tâm Tiệc cưới - Khách sạn Dakruco
Số 30 Nguyễn Chí Thanh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

3. Nội dung và tài liệu cuộc họp:

Quý cổ đông vui lòng xem nội dung và tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 tại website công ty <http://www.dri.com.vn> chuyên mục Quan hệ cổ đông - Đại hội đồng cổ đông thường niên. Phiếu biểu quyết được phát tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Ủy quyền tham dự Đại hội: Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ, Quý Cổ đông vui lòng gửi Giấy ủy quyền (theo mẫu) đã ký về địa chỉ Công ty trước ngày 19/04/2025. Để Cuộc họp thành công, rất mong quý cổ đông, nếu không tham dự Cuộc họp, cần ủy quyền cho người khác tham dự đầy đủ.

5. Quý cổ đông/người được ủy quyền đến dự cuộc họp ĐHĐCĐ vui lòng mang theo và xuất trình các giấy tờ sau:

(1) CCCD/CMND/Hộ chiếu/Bản sao giấy CNĐKKD; (2) Thư mời họp; (3) Giấy ủy quyền họp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự họp).

6. Liên hệ hỗ trợ: Bà Bùi Thị Tuyết Nhung – Trưởng bộ phận HC-NS

Điện thoại: 0262-3867676 - Email: dri@dri.com.vn

Địa chỉ: Công ty DRI, 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu VT. *nhuy2*



Nguyễn Việt Tượng



CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(Ngày 24 tháng 4 năm 2025)

Thời gian	Nội dung
7g30 - 8g00	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông - Đón tiếp và đăng ký đại biểu. - Phát tài liệu cho cổ đông.
8g00 - 8g30	Khai mạc cuộc họp đại hội đồng cổ đông o Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. o Thông qua biên bản kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. o Giới thiệu Đoàn chủ tịch – Đoàn Chủ tịch lên làm việc, chủ tọa đề cử Ban thư ký của cuộc họp. o Khai mạc cuộc họp đại hội đồng cổ đông. o Thông qua Chương trình họp và Quy chế làm việc của cuộc họp ĐHĐCĐ; Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT (Biểu Quyết). Đề cử ban kiểm phiếu, tổ giúp việc và xin biểu quyết.
8g30 - 10g20	HĐQT, Trưởng ban KS, Ban điều hành trình bày các báo cáo và xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ o Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2024 và kế hoạch năm 2025; o Báo cáo của Ban điều hành về kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025; o Báo cáo kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Kiểm toán độc lập o Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng năm 2025; o Trình bày các nội dung xin ý kiến biểu quyết của ĐHĐCĐ: 1. Tờ trình về các chỉ tiêu SXKD chính và kế hoạch đầu tư năm 2025; 2. Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025; 3. Tờ trình về phân phối lợi nhuận & trích lập các quỹ năm 2024; 4. Tờ trình về thù lao HĐQT-BKS năm 2025; 5. Tờ trình thông qua Dự án đầu tư tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cây cao su của Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk tại Lào; 6. Tờ trình về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan của Công ty; 7. Tờ trình thông qua chủ trương chuyển sản giao dịch cổ phiếu DRI từ UpCom sang Hose. o Thảo luận và giải đáp thắc mắc của cổ đông
10g20-10g30	Hướng dẫn về biểu quyết thông qua các nội dung và chỉ tiêu.
10g30-10g40	ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết – Thu phiếu biểu quyết.
10g40-10g50	Miễn nhiệm và Bầu bổ sung thành viên HĐQT - Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 3 (2022-2027) - Lấy ý kiến biểu quyết miễn nhiệm thành viên HĐQT bằng thẻ biểu quyết. - Thông qua Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 3 (2022-2027); - Biểu quyết chốt danh sách bầu cử bổ sung thành viên HĐQT; - Hướng dẫn và tổ chức bầu cử;
10g50-11g00	ĐHĐCĐ tiến hành bầu cử và thu phiếu bầu cử.
11g00-11g15	Giải lao. Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu.
11g15-11g40	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử. Thành viên HĐQT mới ra mắt.
11g40-12g00	Bế mạc đại hội: - Thông qua dự thảo <i>Biên bản và Nghị quyết</i> - Tuyên bố bế mạc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
Địa chỉ: 59 Cao Thắng - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk
ĐT: 0262-3867676 - Fax: 0262-3865303
Website: www.dri.com.vn - Email: dri@dri.com.vn

GIẤY ỦY QUYỀN
Tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI)

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK (DRI)

Tên cổ đông :Mã cổ đông.....
Số ĐKKD/CMND/CCCD:.....Ngày cấp :.....
Nơi cấp :
Người đại diện (đối với tổ chức) :Chức vụ :.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở chính :
Số điện thoại :
Số cổ phần sở hữu:
(Bằng chữ :.....)

Tôi/Chúng tôi đồng ý ủy quyền cho người có tên dưới đây có toàn quyền thay mặt tôi/chúng tôi tham dự, thảo luận, biểu quyết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của Cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty DRI tại Cuộc họp Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2025 tổ chức ngày 24/04/2025.

Thông tin người được ủy quyền:

Họ và tên:
Số ĐKKD/CMND/CCCD:..... Ngày cấp:
Nơi cấp :
Địa chỉ thường trú :
Số điện thoại :
Số cổ phần ủy quyền:
(Bằng chữ :.....)

Tôi/Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Công ty; đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ một khiếu nại gì đối với Công ty.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi kết thúc Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của DRI.

CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN , ngày tháng năm 2025
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)) **NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: 1. Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì người ký bên ủy quyền phải là người đại diện theo pháp luật;
2. Người được ủy quyền tham dự vui lòng đem theo bản chính Giấy ủy quyền khi tham dự Cuộc họp;
3. Trường hợp có nhiều hơn một người được ủy quyền thì phải lập Giấy ủy quyền riêng và xác định cụ thể số cổ phần ủy quyền cho mỗi người đại diện.



<DỰ THẢO>

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk.

Nhằm đảm bảo Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Cuộc họp để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng áp dụng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk và khách mời tham dự Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- | | | |
|-----------|---|--|
| - Công ty | : | Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk; |
| - HĐQT | : | Hội đồng quản trị; |
| - BKS | : | Ban Kiểm soát; |
| - BTC | : | Ban tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ; |

- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông;
- Cuộc họp : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên **50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Cuộc họp, Cuộc họp phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp Cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Cuộc họp, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Cuộc họp lần hai và trong trường hợp này Cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng đại biểu tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4.2. Điều kiện cổ đông tham dự Cuộc họp

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 26/03/2025 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

4.3. Khách mời tại Cuộc họp

- Là các chức danh quản lý của Công ty, đại diện công ty kiểm toán độc lập, khách mời, thành viên trong BTC Cuộc họp không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Cuộc họp.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Cuộc họp (trừ trường hợp được Chủ tọa Cuộc họp mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Cuộc họp và được Chủ tọa Cuộc họp đồng ý).

4.4 Đại biểu tham dự Cuộc họp phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Cuộc họp.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Cuộc họp tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Cuộc họp.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng họp.

- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Cuộc họp.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cân trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Cuộc họp để đảm bảo Cuộc họp diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tịch

- Đoàn chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 Thành viên;
- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa Cuộc họp ĐHĐCĐ. Chủ tọa điều hành công việc của Cuộc họp theo nội dung, chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc hoặc đột ngột vắng mặt trong lúc Cuộc họp đang diễn ra quá 30 phút thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa Cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tịch:

• Điều hành các hoạt động của Cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;

- Hướng dẫn các đại biểu và Cuộc họp thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để ĐHĐCĐ biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Cuộc họp yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra Cuộc họp.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tịch: Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Cuộc họp

- Chủ tọa Cuộc họp cử 02 người làm thư ký Cuộc họp.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Cuộc họp;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

4.7 Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông của Cuộc họp gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do chủ tọa giới thiệu tại Cuộc họp.

- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:

* Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

* Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự theo quy định của Điều 145 Luật doanh nghiệp thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

4.8 Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu để ĐHĐCĐ thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.

- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:

• Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.

• Xem xét và báo cáo Cuộc họp những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử.

• Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử.

4.9 Phát biểu tại Cuộc họp

Đại biểu tham dự Cuộc họp khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Cuộc họp. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Cuộc họp tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

Chủ tọa Cuộc họp sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Cuộc họp hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Cuộc họp

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Cuộc họp đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, có mã vạch và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Cuộc họp (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của cổ đông đó.

- Hình thức biểu quyết như sau:

* Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Cuộc họp; Quy chế làm việc tại Cuộc họp; Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị; bầu Ban Kiểm phiếu; miễn nhiệm thành viên HĐQT; chốt số lượng, danh sách bầu bổ sung thành viên HĐQT; thông qua Biên bản Cuộc họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các nội dung khác tại Cuộc họp (nếu có);

* Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông

qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát; Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Cuộc họp (trừ Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT); và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT.

4.10.2 Cách thức biểu quyết

* Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Cuộc họp bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.

* Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tịch. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách cổ đông/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

* Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Đối với phiếu bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, được trình bày trong Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Cuộc họp theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** Là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình,...) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Đối với phiếu bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, được trình bày trong Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ hoặc mã vạch của Công ty; phiếu không có chữ ký và đầy đủ họ tên của đại biểu; phiếu đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ. Đối với phiếu bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, được trình bày trong Quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT.

- Phiếu hợp lệ từng nội dung:

Phiếu biểu quyết để đánh dấu vào các ô được tính không hợp lệ theo từng nội dung, nếu nội dung nào không đánh vào cả ba ô (bỏ trống) hoặc đánh dấu từ hai ô đến ba ô thì xem như

nội dung đó không hợp lệ, các nội dung khác nếu đánh dấu hợp lệ thì vẫn được tính cho từng nội dung hợp lệ.

4.10.4 Thể lệ biểu quyết

- Cú 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 26/03/2025) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 73.200.000 cổ phần tương đương với 73.200.000 quyền biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- Lưu ý:

+ Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất); các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).

+ Cổ đông/đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua kết quả biểu quyết từ Ban Kiểm phiếu.

- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử.

- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Tất cả các nội dung tại Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Cuộc họp.

5. THỰC HIỆN

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Cuộc họp có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập Cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp,

hợp lý khác.

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại Quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

Tp Buôn Ma Thuột, ngày 24 tháng 4 năm 2025

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

**Nguyễn Viết Tượng
CHỦ TỊCH HĐQT**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 59 Cao Thắng -TP. Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk

ĐT: 0262-3867676 Fax: 0262-3865303

Website: www.dri.com.vn - Email: dri@dri.com.vn

DỰ THẢO

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ III (2022 – 2027) CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/04/2023;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/04/2023.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk quy định Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 như sau:

Điều 1. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;
- HĐQT : Hội đồng quản trị;
- BTC : Ban tổ chức Cuộc họp;
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông;
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền);

Điều 2. Chủ tọa tại Cuộc họp ĐHĐCĐ:

Chủ tọa tại Cuộc họp có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (*nếu có*).

Điều 3. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT:

- Áp dụng chung cho việc bầu cử thành viên HĐQT.

- Đối tượng áp dụng tại kỳ đại hội: bầu bổ sung thành viên HĐQT
- Số lượng TV. HĐQT bầu bổ sung : 02 người (01 thành viên HĐQT điều hành/không điều hành và 01 thành viên độc lập HĐQT)
- Nhiệm kỳ: 2022 - 2027
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (theo Điều 25 Điều lệ công ty)

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

- Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, thì số ứng cử viên còn lại do HĐQT đương nhiệm đề cử bổ sung cho đủ số lượng cần bầu và phải công bố rõ ràng trước khi ĐHCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị:

Ứng cử viên tham gia HĐQT ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/ND-CP, cần có thêm các điều kiện sau đây theo quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (Điều 8-Quy chế nội bộ về quản trị Công ty):

- Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức, và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Công ty;

- Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;

- Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;

- Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;

- Phán quyết chuẩn xác;

- Khả năng và ý chí đương đầu với thách thức và tìm tòi cái mới;

- Kỹ năng giao tiếp tốt;

- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Nếu là thành viên độc lập HĐQT thì phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

3. Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên các Đơn xin đề cử, ứng cử của các cổ đông/nhóm cổ đông, Ban tổ chức Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định trình Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Điều 4. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

Điều 5. Phương thức bầu cử:

- Phương thức bầu cử: *(Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)*
 - Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.
 - Cổ đông có thể dồn hết toàn bộ hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một người, một số người hoặc cho tất cả các ứng cử viên, phần phiếu còn lại có thể không bầu cho ứng cử viên nào. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu ghi ở phần thông tin cổ đông cũng như không được vượt quá số ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
 - Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.
- Cách ghi phiếu bầu: *Có 02 cách ghi phiếu bầu:*
 - + Bầu dồn lịch: Cổ đông ghi trực tiếp số phiếu bầu cho từng ứng cử viên tại cột “**Bầu dồn lịch**”. Số phiếu bầu của mỗi ứng cử viên có thể khác nhau tùy theo sự tín nhiệm của người bầu đối với các ứng cử viên nhưng tổng số phiếu bầu phân cho các ứng cử viên được chọn không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu.
 - + Bầu dồn đều: Cổ đông chỉ cần đánh dấu gạch chéo (X) vào cột “**Bầu dồn đều**” tương ứng với số thành viên HĐQT mà cổ đông tín nhiệm.

Điều 6. Phiếu bầu cử

1. Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị: Danh sách ứng cử viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu

2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo mã số tham dự; Phiếu bầu được sử dụng để bầu bổ sung thành viên HĐQT.

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát 01 phiếu bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập theo mã số tham dự (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

- Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải tự mình ghi số phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu, ký và ghi rõ họ tên.

- Trường hợp ghi sai, nếu phiếu bầu chưa được bỏ vào thùng phiếu thì cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác.

3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu quy định của Ban tổ chức Cuộc họp phát ra, không có dấu của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

- Phiếu bị rách, gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; phiếu bầu quá số người quy định hoặc để phiếu trắng không bầu cho ai.

- Phiếu không có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

- Phiếu bầu cử nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu đã được niêm phong.

Điều 7. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu do Ban Tổ chức đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

+ Phát phiếu bầu và hướng dẫn cách thức ghi phiếu bầu.

+ Tiến hành kiểm phiếu bằng phần mềm kiểm phiếu.

+ Công bố kết quả bầu cử trước Cuộc họp.

- Người được giới thiệu bầu vào thành viên HĐQT, không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Ban Kiểm phiếu.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và kiểm phiếu trên phần mềm kiểm phiếu.

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội đồng cổ đông, dữ liệu kiểm phiếu được lưu trữ tại Phòng Hành chính của Công ty, phiếu bầu được niêm phong và lưu trữ tại văn thư của Công ty.

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Điều 148 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14)

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

- Kết quả bầu cử được ghi vào Biên bản bầu cử thành viên HĐQT.

Điều 9. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu.

- Trường hợp sau khi đã công bố kết quả bầu cử mà có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần phúc tra lại kết quả bầu cử thì Ban kiểm phiếu sẽ trực tiếp kiểm tra lại.

- Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử vào thành viên HĐQT bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT (theo phụ lục 1, 2);
- Sơ yếu lý lịch (theo phụ lục 3);
- Bản sao các giấy tờ sau: CCCD/Căn cước/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú;
- Bản cam kết (theo phụ lục 4);
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn (nếu có);
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử như trong điều lệ công ty quy định.
- Người đề cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lăk **trước 17h00 ngày 14/04/2025** theo địa chỉ sau:

Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lăk

Địa chỉ: 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đăk Lăk

Điện thoại: 0262-3867676 Fax: 0262-3865303

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử thành viên để bầu bổ sung thành viên HĐQT tại Cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk. Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế bầu cử này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 để biểu quyết thông qua và có hiệu lực ngay trong Cuộc họp./.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

**NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

.....
Căn cứ Thông báo số...../TB-CT ngày/..... về công bố tổ chức Đại hội Đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lăk, Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp hiện hành. Tôi nhận thấy mình có đủ tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ 3 (2022-2027) của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lăk (DRI)

Tôi cam đoan các thông tin trên là đúng và chịu trách nhiệm về những thông tin đã cung cấp. Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lăk.

Xin trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;
- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản cam kết;



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 59 Cao Thắng -TP. Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk

ĐT: 0262-3867676 Fax: 0262-3865303

Website: www.dri.com.vn - Email: dri@dri.com.vn

....., ngày.....tháng.....năm.....

Phụ lục 2

**ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Áp dụng cho Cổ đông/nhóm cổ đông)**

Kính gửi: Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Cổ đông/ nhóm cổ đông gồm:

STT	Tên cổ đông	Số CMND/CCCD/hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Chữ ký
1					
2					
3					
4					
5					

Căn cứ Thông báo số...../TB-CT ngày....../...../..... về tổ chức cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế biểu quyết trực tuyến tại cuộc họp Đại hội cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk,

Chúng tôi cùng thống nhất như sau:

1. Thống nhất cử Ông/bà với thông tin sau làm đại diện nhóm thực hiện các thủ tục đề cử người tham gia HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk nhiệm kỳ 3 (2022-2027)
 - Họ và tên:
 - Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
 - Ngày cấp.....Nơi cấp.....
 - Địa chỉ thường trú:.....
2. Thống nhất đề cử các ông/bà có tên sau vào HĐQT DRI nhiệm kỳ 3 (2022-2027) gồm:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Trình độ chuyên môn	Địa chỉ thường trú
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				

Tôi/chúng tôi cam đoan các ông/bà có tên trên có đủ tiêu chuẩn và điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của Quy chế bầu cử tại cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk tổ chức ngày 25/04/2024.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo

NGƯỜI/TỔ CHỨC ĐỀ CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức))

- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;
- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản cam kết của từng ứng viên.

11. Chức vụ hiện tại trong Công ty (DRI):.....

12. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:.....

13. Số cổ phần nắm giữ:

Số CP nắm giữ (tại thời điểm): cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: cổ phần, chiếm % vốn điều lệ

14. Các cam kết nắm giữ (nếu có)

15. Các lợi ích có liên quan đến công ty DRI (nếu có)

16. Danh sách người có liên quan nắm giữ cổ phần DRI

1. Mối quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: nắm giữ:

CP, chiếm% vốn điều lệ).

2. Mối quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: nắm giữ:

CP, chiếm% vốn điều lệ).

3.

Tôi cam đoan thông tin trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai.

....., ngày ... tháng ... năm 2025

Hồ sơ đính kèm:

1. Bản sao CMND/CCCD/Hội chiếu;
2. Bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;
3. Hộ khẩu(bản photo)

Ứng cử viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 4

BẢN CAM KẾT
CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 3 (2022 – 2027)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Tên tôi là:

Ngày sinh:

Nơi sinh:

Số CMND/CCCD:

Quê quán:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ chuyên môn:

Hiện đang giữ chức vụ:

Đơn vị công tác hiện nay:

Nếu được trúng cử làm Thành viên HĐQT, tôi cam kết:

1. Đem hết năng lực và trách nhiệm của bản thân để góp phần xây dựng Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk phát triển ổn định, bền vững;
2. Thực hiện đầu đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT theo quy định của điều lệ công ty, các quy chế quản lý nội bộ và quy định của Pháp luật;
3. Cung cấp các thông tin cá nhân cho việc quản lý của Công ty theo quy định trung thực, chính xác.

Trân Trọng!

....., ngày tháng năm 20....

NGƯỜI CAM KẾT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Số:/BC-HĐQT
<DỰ THẢO>

Buôn Ma Thuột, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2025

Kính thưa: - Đoàn Chủ tịch.
- Kính thưa quý vị cổ đông dự Đại hội.

Thực hiện Điều lệ Công ty, thay mặt HĐQT tôi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 (ĐHĐCĐ TN 2025) về hoạt động của HĐQT năm 2024 và nhiệm vụ năm 2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

I- Hoạt động của HĐQT năm 2024:

1. Cơ cấu, thành phần của HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc đến 31/12/2024 gồm 6 thành viên như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT không điều hành	16/09/2015	
2	Bùi Quang Ninh (*)	Phó CT. HĐQT, TV HĐQT không điều hành	25/10/2012	25/04/2024
3	Lê Thanh Cần	TV. HĐQT điều hành <i>Tổng giám đốc DRI</i>	15/04/2017	
4	Trần Lê (**)	TV. HĐQT độc lập	19/04/2022	25/04/2024
5	Tạ Quang Tòng	TV. HĐQT không điều hành	19/04/2022	
6	Nguyễn Trần Giang	TV. HĐQT không điều hành	05/04/2019	
7	Nguyễn Minh	TV. HĐQT không điều hành	15/04/2017	
8	Lê Đình Huyền	TV. HĐQT độc lập	25/04/2024	

(*) Ông Bùi Quang Ninh tạm đình chỉ tư cách thành viên HĐQT và đã được HĐQT thống nhất, nhưng chưa trình ra ĐHĐCĐ.

(**) Ông Trần Lê xin nghỉ theo nguyện vọng cá nhân và đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

2. Hoạt động của HĐQT năm 2024:

Hội đồng quản trị đã sâu sát trong chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình theo Điều lệ công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

Các thành viên HĐQT đã tham gia đi cơ sở nắm tình hình và phát huy tốt vai trò của mình, đóng góp những ý kiến thiết thực, sáng tạo để chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời và hạn chế những rủi ro, thiệt hại cho Công ty.

2.1. HĐQT đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua các nội dung:

- Thông qua các Báo cáo hoạt động của HĐQT, BKS, Báo cáo tài chính năm 2023 soát xét; Báo cáo Ban điều hành về kết quả SXKD 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024;

- Thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2024; Thông qua tờ trình về phân phối lợi nhuận 2023; Thù lao HĐQT, BKS năm 2024; Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024;

- Thông qua sửa đổi một số điều của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

- Thống nhất thông qua các hợp đồng, giao dịch với bên liên quan của công ty;

- Thống nhất thay đổi lộ trình thanh lý tái canh vườn cây cao su tại Daklaoruco;

- Miễn nhiệm ông Trần Lê – Thành viên HĐQT độc lập và bầu bổ sung ông Lê Đình Huyền làm thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2022-2027.

2.2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT:

Việc họp HĐQT đảm bảo mỗi quý họp 01 lần, tại các buổi họp, HĐQT đều đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của kỳ trước, những kết quả đạt được, những khó khăn cần tháo gỡ. Đánh giá, giám sát hoạt động của Ban điều hành theo từng quý, trên cơ sở báo cáo kiểm tra của Ban Kiểm soát, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo Ban điều hành khắc phục các tồn tại, thiếu sót. Các quyết định của Hội đồng quản trị đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty; có ý nghĩa định hướng cho hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành trong ngắn hạn, trung và dài hạn. Ngoài ra để đảm bảo tính linh hoạt trong điều hành, HĐQT chủ động giao cho Chủ tịch HĐQT và TGD một số quyền thuộc thẩm quyền của HĐQT để điều hành sản xuất kinh doanh và báo cáo HĐQT tại phiên họp gần nhất.

HĐQT đã tiến hành 05 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản 07 lần, ban hành 12 Nghị quyết để thống nhất nhiều chủ trương, giải pháp nhằm định

hướng và chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức triển khai các chủ trương lớn. Cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT	23/01/2024	Thông qua sửa đổi Điều 8, Điều 9 Chương III của Quy chế lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty CP đầu tư cao su Đắk Lắk và các Công ty con, ban hành theo Quyết định số 54/QĐ-HĐQT ngày 22/10/2020.
02	02/NQ-HĐQT	27/02/2024	Thống nhất chủ trương cho Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI ký hợp đồng tư vấn chăm sóc và cung ứng vật tư, phân bón cho vườn sầu riêng trong năm 2024; Thông qua nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.
03	03/NQ-HĐQT	19/03/2024	Phê duyệt “ <i>Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn năm 2024-2054</i> ” của Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk.
04	04/NQ-HĐQT	26/03/2024	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD quý I/2024, chỉ đạo một số nhiệm vụ chủ yếu của quý II/2024; Thông qua các chương trình, tài liệu chuẩn bị cho cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2024; Đánh giá xếp loại của tập thể HĐQT và các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc năm 2023; Thông qua các giao dịch, hợp đồng với bên liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT; Thông qua trình ĐHĐCĐ thường niên 2024 về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT độc lập đối với ông Trần Lê đã có đơn xin từ nhiệm chức danh TV HĐQT ngày 23/02/2024.
05	05/NQ-HĐQT	26/04/2024	Thông qua tạm đình chỉ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT đối với Ông Bùi Quang Ninh – là thành viên HĐQT không điều hành từ ngày 25/04/2024.
06	06/NQ-HĐQT	07/05/2024	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024; Thông qua hệ số thưởng từ quỹ thưởng Người quản lý công ty năm 2023.
07	07/NQ-HĐQT	12/07/2024	Thông qua báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2024, chỉ đạo một số nhiệm vụ chủ yếu của 6 tháng cuối năm 2024; Thông qua chủ trương quy hoạch phát triển vùng trồng sầu riêng tại Daklaoruco; Thông qua Quy chế lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động SXKD và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty CPĐT Cao su Đắk Lắk và các Công ty con; Thông qua kéo dài thời gian giữ chức vụ Tổng giám đốc DRI đối với ông Lê Thanh Cần cho đến khi DRI tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; Thông qua kế hoạch tổ chức Kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Daklaoruco; Thông qua thời gian chi cô tức còn lại năm 2023.
08	08/NQ-HĐQT	23/08/2024	Thông qua gia hạn thời gian thanh toán nợ Dakruco vay DRI.
09	09/NQ-HĐQT	18/10/2024	Thông qua báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2024, chỉ đạo một số nhiệm vụ chủ yếu của 3 tháng cuối năm 2024; Bổ sung kế hoạch tài chính năm 2024 cho Công ty CNC DRI; Thông qua chủ

			trương trồng sầu riêng tại Daklaoruco; Thông qua bổ sung kế hoạch phân bón NPK cho vườn cây cao su KTCB Daklaoruco; Thông qua Quy chế công bố thông tin; Thông qua chi tạm ứng cổ tức năm 2024.
10	10/NQ-HĐQT	12/11/2024	Thông qua phương án chi tạm ứng cổ tức năm 2024. Thông qua chủ trương hỗ trợ tài chính cho Dakruco; Thông qua thanh lý 134,29 ha cao su, thực hiện trước vườn ươm cây giống cao su trồng năm 2025 tại Daklaoruco.
11	11/NQ-HĐQT	09/12/2024	Thông qua chủ trương mua 02 xe ô tô cho Daklaoruco; Thông qua chủ trương ký hợp đồng tư vấn duy trì chứng chỉ FSC trong năm 2025 cho Daklaoruco và chủ trương ký hợp đồng vay vốn giữa Daklaoruco và DRI; Thông qua bán cây điều thanh lý tại Daklaoruco.
12	12/NQ-HĐQT	31/12/2024	Thông qua báo cáo sơ bộ kết quả SXKD năm 2024, chỉ đạo triển khai kế hoạch SXKD năm 2025; Tạm giao một số chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2025 cho DRI; Thông qua việc quyết toán quỹ tiền lương năm 2024 tại DRI và các Công ty con; Thông qua chủ trương cho Công ty CNC DRI tạm ứng lợi nhuận năm 2024; Thông qua Công thức bán hàng mủ cao su năm 2025; Thông qua dự án đầu tư trồng sầu riêng tại Daklaoruco; Thông qua chủ trương thanh lý vườn cây cao su lần 2 cho Daklaoruco.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Ban điều hành:

Căn cứ Điều lệ Công ty, HĐQT thực hiện giám sát Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, của HĐQT; kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban điều hành.

HĐQT trực tiếp chỉ đạo và giám sát hoạt động Ban điều hành thông qua các báo cáo thực hiện nghị quyết, các báo cáo kết quả SKXD hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2024; thường xuyên đi nắm thực trạng tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Đối với những vấn đề quan trọng HĐQT luôn trao đổi trước với Ban điều hành trước khi ra quyết định, nhằm tạo sự đồng thuận cao đối với các chủ trương chính sách khi thực hiện.

Ban Điều hành công ty với tinh thần nỗ lực cao đã tuân thủ tốt các quy định của pháp luật; triển khai thực hiện kịp thời và có hiệu quả hầu hết các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; thường xuyên theo dõi sát tình hình và có những biện pháp tháo gỡ khó khăn kịp thời, tiết giảm chi phí... Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính năm 2024 như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So với KH 2024
1	Sản lượng	Tấn			
1,1	Cao su	Tấn	14.000	11.116	79,40%
1,2	Điều	Tấn	137,00	153,42	111,98%
1,3	Chuối	Tấn	655,54	578,19	88,20%
1,4	Sầu riêng	Tấn	300,00	423,01	141,00%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	462,50	494,34	106,88%

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So với KH 2024
3	Giá vốn	Triệu đồng/tấn			
3,1	Giá vốn cao su	Triệu đồng/tấn	30,336	31,980	105,42%
3,2	Giá vốn điều	Triệu đồng/tấn	21,527	10,340	48,03%
3,3	Giá vốn chuối	Triệu đồng/tấn	4,352	4,496	103,31%
3,4	Sầu riêng	Triệu đồng/tấn	34,759	31,175	89,69%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	74,41	139,68	187,72%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	60,63	110,40	182,09%
5	Tỷ lệ xuất khẩu	%	65%	68,07%	104,72%
6	Cổ tức (dự kiến)	%	6%	9%	150,00%
7	Thu nhập	Triệu đồng/người/tháng			
7,1	Lương BQ gián tiếp		18,68	21,67	116,01%
7,2	Lương BQ trực tiếp		6,02	5,39	89,58%

Trong năm 2024 DRI và Daklaoruco phối hợp với Đơn vị tư vấn FSC thực hiện và đã được cấp các chứng chỉ FSC bao gồm: FSC-FM/CoC cho sản phẩm gỗ và mủ cao su trên tổng diện tích là 6.148,03 ha cao su; Chứng chỉ FSC-CoC cho Nhà máy chế biến tại Lào và hoạt động thương mại bán hàng cao su tại DRI và đã xuất 80 tấn sản phẩm cao su đạt chứng nhận FSC. Trong năm 2024 DRI cũng chuẩn bị tốt các điều kiện đáp ứng EUDR và xuất 420 tấn cao su theo EUDR vào Liên Minh Châu Âu.

Hiệp hội cao su Việt Nam đã thực hiện đánh giá giám sát định kỳ nhãn hiệu cao su Việt Nam cho các sản phẩm cao su thiên nhiên SVR3L, SVRCV60 và SVR10; kết quả tuân thủ tốt, Nhãn hiệu cao su Việt Nam tiếp tục được gia hạn sử dụng.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Ban điều hành vẫn còn những thiếu sót, đó là công tác chỉ đạo để kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý tại Lào còn thiếu tính bền vững, cán bộ quản lý chủ yếu là người Việt, biến động nhiều; việc chỉ đạo tổ chức sản xuất chưa thật tốt, chất lượng tay nghề trung bình của công nhân khai thác mủ còn cao, lực lượng công nhân khai thác mủ thiếu trầm trọng và biến động lớn; việc ngăn chặn nạn trộm cắp mủ chưa thật sự hiệu quả... từ đó ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng vườn cây...

4. Thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát:

- Việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐT BXH, theo đó:

- + Tổng quỹ thù lao theo kế hoạch : 777,6 triệu đồng;
- + Thực tế chi trả : 705,66 triệu đồng;
- + %TH/KH : 90,75 %

(Chi tiết trong Báo cáo thường niên 2024)

Nguồn quỹ thù lao trên chỉ chi trả cho Thành viên HĐQT không điều hành (06 người) và Ban kiểm soát (03) người. Thành viên HĐQT kiêm TGD không nhận thù lao,

nhận lương trong tổng quỹ lương của người quản lý chuyên trách theo Thông tư 28/2016 của BLĐTBXH.

- Chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024 là 27,5 triệu đồng/60 triệu đồng, thực hiện 45,8% kế hoạch, bao gồm chi phí hội họp, công tác phí và các chi phí có liên quan khác.

5. Giao dịch giữa công ty với cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Trong năm 2024, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

5.1. Giao dịch giữa DRI với Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk (Dakruco) là cổ đông lớn đang nắm giữ 60,84% vốn điều lệ DRI:

- Dakruco trả tiền nợ gốc Hợp đồng vay vốn số 01/2022/HĐVV ngày 05/09/2022: 40 tỷ đồng.

- DRI cho Dakruco vay: Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng (*Bốn mươi tỷ đồng*) theo NQ HĐQT số 05 ngày 18/05/2023, thời hạn cho vay tối đa: 60 tháng. Lãi suất cho vay thả nổi và không thấp hơn lãi suất cho vay của ngân hàng Vietinbank- CN Đắk Lắk. Tài sản thế chấp của Dakruco: cổ phiếu DRI do Dakruco sở hữu. Đã giải ngân trong năm 2023 là 33.000.000.000 đồng (*Ba mươi ba tỷ đồng*); giải ngân trong tháng 01/2024 là 7.000.000.000 đồng (*Bảy tỷ đồng*); tổng cho vay đến 31/12/2024 là 40.000.000.000 đồng (*Bốn mươi tỷ đồng*).

- DRI cho Dakruco vay dài hạn (Hợp đồng vay vốn số 01/2024/HĐVV ngày 22/11/2024/HĐVV): Hạn mức cho vay: 40.000.000.000 đồng (*Bốn mươi tỷ đồng*) theo NQ HĐQT số 10 ngày 12/11/2024, thời hạn vay 36 tháng. Đã giải ngân ngày 04/12/2024 là 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng*); giải ngân ngày 24/12/2024 là 20.000.000.000 đồng (*Hai mươi tỷ đồng*).

5.2. Giao dịch giữa DRI với công ty con:

a. Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (Daklaoruco) là Công ty con do DRI nắm 100% vốn điều lệ:

- DRI mua mủ cao su của Daklaoruco các loại SVR3L (5.554,54 tấn), SVR10 (1.016,4 tấn), SVRCV50 (171,36 tấn), SVRCV60 (744,66 tấn), giá trị 315.861.901,787 đồng.

- Daklaoruco trả nợ vay trước hạn cho DRI theo Hợp đồng số 01/HĐVV-2022-DRI ngày 30/12/2022 số tiền 907.795,55 USD, tương đương 22.558.719.418 VND.

- DRI cho Daklaoruco vay trung hạn (Hợp đồng vay vốn đầu tư số 02/HĐVV-2024-DRI ngày 30/12/2024): Hạn mức cho vay: 1.750.000 USD (*Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đôla Mỹ*) theo NQ HĐQT số 11 ngày 09/12/2024

b. Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI là Công ty con do DRI nắm 83,87% vốn điều lệ:

- DRI cho Công ty TNHH Nông nghiệp CNC DRI vay hạn mức 15.000.000.000 đồng (*Mười lăm tỷ đồng*) với thời hạn vay 36 tháng; Hợp đồng vay vốn số 02/2023/HĐVV

ngày 20/07/2023 theo NQ HĐQT số 06 ngày 10/07/2023. Đã giải ngân 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng).

- Trả tiền lãi vay cho DRI năm 2024 là 1.240.986.302 VND.

Nhìn chung các giao dịch với cổ đông lớn, cổ đông nội bộ của Công ty đều đúng quy định tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, không có giao dịch với người có liên quan của người nội bộ Công ty.

II - Phương hướng nhiệm vụ năm 2025:

1. Nhận định tình hình năm 2025:

Năm 2025, tình hình địa chính trị vẫn còn diễn biến phức tạp; cộng với chính sách thuế quan khó lường của Tổng thống Donald Trump mà gần nhất là việc Hoa Kỳ áp thuế nhập khẩu 25% hàng hóa từ Canada, Mexico và tăng thêm 10% đối với hàng hóa từ Trung Quốc từ ngày 04/03/2025 ..., dự báo chiến tranh thương mại toàn cầu có thể xảy ra, tình hình trên sẽ ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng và lạm phát có thể quay trở lại, giá cả các mặt hàng, đầu vào cho sản xuất sẽ có nguy cơ tăng lên. Hoạt động sản xuất sẫm lớp tại Trung Quốc vẫn có khả năng tăng trưởng, ít bị ảnh hưởng khi Hoa Kỳ không phải là thị trường xuất khẩu trọng yếu. Theo dữ liệu Trung tâm Thương mại quốc tế về sản lượng xuất khẩu lớp của Trung Quốc đến các thị trường toàn cầu, thị phần xuất khẩu đến thị trường Hoa Kỳ đã giảm mạnh từ 15% vào năm 2018 xuống chỉ còn 3,6% vào năm 2024. Mặt khác việc chuyển dịch sản xuất ngành lớp xe sang các thị trường tiềm năng trong đó có Việt Nam sẽ tăng nhu cầu tiêu thụ nội địa.

Việc suy giảm nguồn cung, khi diện tích cao su ngày càng thu hẹp do các chính sách chống phá rừng, cũng như tình hình thời tiết bất lợi sẽ hỗ trợ cho giá cao su trong năm 2025-2026 và có khả năng trong nhiều năm tiếp theo. Với nhận định về tình hình tiêu thụ và giá cao su vẫn tích cực cùng với việc quản lý tốt chi phí, DRI cũng đã lợi thế khi đạt chứng nhận FSC cho sản phẩm mủ và gỗ cao su, chế biến và thương mại bán hàng cùng với sự sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu EUDR khi xuất hàng vào Liên Minh Châu Âu, hứa hẹn năm 2025 DRI tiếp tục tăng trưởng tốt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Song bên cạnh đó, biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt, khó lường; cộng với nạn trộm cắp mủ tại Daklaoruco, nếu không có biện pháp hữu hiệu sẽ ảnh hưởng lớn đến năng suất, sản lượng mủ cao su, ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận.

2. Định hướng một số chỉ tiêu chính và nhiệm vụ của HĐQT trong kế hoạch SXKD 2025:

- Định hướng một số chỉ tiêu cơ bản năm 2025 như sau:

(1) Tổ chức khai thác 13.500 tấn mủ cao su quy khô; 40 tấn điều tươi; 640 tấn sầu riêng;

(2) Doanh thu 612,95 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế: 137,37 tỷ đồng; Tỷ lệ xuất khẩu mủ cao su từ mức 65%/tổng lượng hàng xuất bán;

(3) Cổ tức: 9% vốn điều lệ;

(4) Đầu tư trồng mới 30 ha sầu riêng và trồng tái canh 95 ha cao su tại Daklaoruco.

3. Một số giải pháp chủ yếu:

- Chỉ đạo sát sao Ban điều hành tổ chức sản xuất, thực hiện tốt các chỉ tiêu mà ĐHCĐ giao, tạo lợi nhuận tích lũy, đảm bảo nguồn tài chính bền vững cho Công ty. Duy trì việc chia cổ tức ổn định cho cổ đông.

- Triển khai mạnh công tác chuyển đổi số, trước mắt thiết kế lại giao diện Website DRI, Daklaoruco. Triển khai phần mềm quản lý văn bản, quản lý vườn cây có tích hợp phân hệ bán hàng theo quy định EUDR từ công ty mẹ đến các công ty con phục vụ cho công tác quản lý, quản trị công ty đồng thời thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo.

- Chỉ đạo Daklaoruco tìm kiếm các giải pháp và chính sách tuyển dụng, giữ nguồn lao động, hạn chế thấp nhất tỷ lệ trống vườn; DRI hỗ trợ Daklaoruco tiếp tục tuyển dụng lao động gián tiếp; đồng thời chỉ đạo triển khai các biện pháp phối hợp với chính quyền địa phương để bảo vệ sản phẩm, đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản lượng mủ cao su được giao.

- Tiếp tục tuyển dụng; bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý; gắn với đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ quản lý các cấp từ Công ty mẹ đến các công ty con, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Kiên định với mục tiêu phát triển bền vững, phát triển kinh tế trên quan điểm trách nhiệm với môi trường và xã hội, hướng đến những thị trường uy tín như Mỹ, EU, Hàn Quốc, Đài Loan... với tỷ lệ xuất khẩu duy trì ổn định 65% trên tổng lượng mủ cao su tiêu thụ hàng năm. Tăng cường tiếp thị và bán sản phẩm đạt chứng nhận FSC FM/CoC; hoàn thiện phần mềm quản lý vườn cây trong đó có phân hệ bán hàng theo quy định EUDR, sẵn sàng bán hàng vào Liên Minh Châu Âu hiệu quả. Không ngừng tiếp cận học hỏi những phương pháp quản lý, chế biến hiệu quả, duy trì các chứng nhận FSC, ISO 9001:2015, ISO 14000:2015, ISO/IEC 17025, Nhãn hiệu cao su Việt Nam, củng cố niềm tin về chất lượng sản phẩm với khách hàng.

- Triển khai Phương án thanh lý vườn cây cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco, theo Phương án đã được ĐHCĐ thường niên năm 2024 thông qua, trên cơ sở linh hoạt, phù hợp với tình hình tài chính của Công ty trong từng giai đoạn; đồng thời có kế hoạch chuẩn bị nguồn vốn để tái canh cao su và dự án trồng mới sâu riêng, năm 2025 trồng tái canh cao su 95 ha và trồng mới sâu riêng 30 ha tại Daklaoruco có hiệu quả. Chỉ đạo Daklaoruco tiếp tục việc mua mủ nguyên liệu để chế biến sản phẩm SVR10, 20 để có thể bù được sản lượng mủ cao su chế biến bị hụt do phải thanh lý vườn cây theo lộ trình, trong năm 2025 sản lượng mua ngoài 1.000 tấn. Kêu gọi nhà đầu tư vào đầu tư nhà máy chế biến gỗ hoặc viên nén năng lượng tại Daklaoruco, để tiêu thụ gỗ cao su thanh lý theo lộ trình đã được Đại hội đồng cổ đông cho chủ trương.

- Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của DRI tại Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao DRI chăm sóc tốt vườn sâu riêng, đảm bảo thu hoạch đạt và vượt kế hoạch do ĐHCĐ giao. Nghiên cứu thủ tục bán sâu riêng xuất khẩu, để tạo tính chủ động trong tiêu thụ hàng hóa.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động năm 2024 và nhiệm vụ chủ yếu năm 2025 của HĐQT, đề nghị Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến để HĐQT Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 giao.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Nguyễn Việt Trọng

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024
và phương hướng nhiệm vụ năm 2025**

(tại ĐHĐCD thường niên DRI ngày 24/04/2025)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Qua một năm thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk xin báo cáo kết quả thực hiện như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

I. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời, sát sao của Hội đồng quản trị, đặc biệt trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Đội ngũ CBCNV tận tâm với công việc, các đồng chí thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ lãnh đạo chủ chốt là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực nông nghiệp. Chất lượng sản phẩm ngày được cải tiến và được khách hàng tin tưởng, đánh giá cao.

- Tình hình tài chính tại Công ty có nhiều khởi sắc, Công ty không còn các khoản nợ vay dài hạn nên chi phí tài chính thấp và ít bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá.

- Hoạt động xuất khẩu của Công ty mẹ DRI thuận lợi, số lượng khách hàng và thị trường ổn định, sản phẩm mủ của Công ty được nhiều khách hàng đánh giá cao.

- Năm 2024 sản xuất sầu riêng gặp nhiều thuận lợi, sản lượng cả năm đạt 423 tấn, vượt 41% so với kế hoạch, giá bán sầu riêng trong các năm gần đây cao và ổn định.

2. Khó khăn:

- Tình hình kinh tế Lào suy giảm và chưa có dấu hiệu hồi phục; tệ nạn xã hội, trộm cắp mủ cao su gia tăng ảnh hưởng đến an ninh trật tự trong vùng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Cũng như công tác kiểm soát, bảo vệ sản phẩm mủ gặp nhiều khó khăn.

- Công tác tuyển dụng lao động bao gồm cả lao động gián tiếp và trực tiếp tại Daklaoruco gặp khó khăn ảnh hưởng đến tổ chức quản lý sản xuất, hoạt động chăm sóc vườn cây và khai thác mủ. Tỷ lệ công nhân trồng vườn cả năm 2024 tại Daklaoruco chiếm 12,02%.

- Biến đổi khí hậu ngày càng ảnh hưởng bất lợi nhiều hơn cho các hoạt động sản xuất

nông nghiệp.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH SXKD NĂM 2024:

1. Công tác sản xuất nông nghiệp:

- Tổng diện tích cây trồng DRI đang quản lý tại Daklaoruco là 9.276,07 ha. Trong đó, diện tích cao su là 8.592,30 ha; diện tích điều là 501,80 ha và cây trồng khác (bạch đàn, vườn ươm) là 13,35 ha; đất trống, hợp thủy, hành lang bảo vệ ven suối: 168,62 ha

- Năm 2024 tổng diện tích cao su khai thác là 8.299,30 ha. Tổng sản lượng mủ cao su khai thác trong năm được 11.116,40/14.000 tấn mủ quy khô, đạt 79,40% kế hoạch năm, giảm 2.736 tấn mủ quy khô so với năm 2023. Năng suất vườn cây bình quân 1,34 tấn/ha, giảm 0,29 tấn/ha so với năng suất bình quân thực hiện của năm 2023.

Bảng TH thực hiện sản lượng mủ năm 2023 và 2024

(Đvt: Tấn)

Đơn vị	Năm 2023			Năm 2024			So sánh KL TH 2024 - 2023
	KH (tấn)	TH (tấn)	TH/KH (%)	KH (tấn)	TH (tấn)	TH/KH(%)	
NT1	4.000	3.723	93,06	3.750	2.942	78,46	-780
NT2	3.750	3.088	82,35	3.300	2.764	83,77	-324
NT3	4.350	4.117	94,65	4.200	3.183	75,78	-934
NT4	2.900	2.924	100,83	2.750	2.227	80,98	-697
Công ty	15.000	13.852	92,35	14.000	11.116	79,40	-2.736

Nguyên nhân chính không hoàn thành kế hoạch sản lượng là do:

+ Công tác tuyển dụng, huy động nhân công khai thác mủ tại Daklaoruco gặp nhiều khó khăn, cùng với việc xử lý kỷ luật sa thải lao động (chủ yếu do trộm cắp mủ vi phạm nội quy lao động) nên tỷ lệ trồng vườn năm 2024 vẫn ở mức cao chiếm 12,02% (trong đó, trồng vườn do thiếu công nhân chiếm 3,16%, trồng vườn do không bố trí cạo choàng được là 8,86%).

+ Mặc dù, đã áp dụng nhiều giải pháp để ngăn chặn, tăng cường bảo vệ sản phẩm mủ nhưng hiệu quả mang lại chưa cao. Tình trạng mất cắp mủ vẫn diễn ra làm giảm sản lượng của Công ty.

+ Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tác động xấu đến hoạt động khai thác mủ của công ty, vào đầu vụ cạo nắng nóng khô hạn kéo dài, vào mùa mưa thì mưa dai dẳng nhiều ngày, mưa lớn làm trôi mủ.

- **Tổng sản phẩm mủ cao su chế biến:** Tổng sản phẩm thực hiện chế biến được là 11.457,73 tấn mủ thành phẩm. Trong đó dây chuyền chế biến mủ nước là 9.360,06 tấn, dây chuyền chế biến mủ phụ là 2.097,67 tấn. Tỷ lệ rót cấp trong chế biến chiếm 0,45% tổng thành phẩm (rót cấp 51,98 tấn).

- **Sản lượng điều:** năm 2024 tổng sản lượng thu hái điều được 153,42/137,00 tấn, đạt 111,98% kế hoạch năm, tăng 23,64 tấn so với năm 2023. Trong đó NT1: 66,73 tấn/46,00 tấn đạt 145% kế hoạch; NT3: 86,7tấn/91,00 tấn, đạt 95% kế hoạch.

- **Công tác chăm sóc vườn cây:** Tổng số nhân công chăm sóc năm 2024 thực hiện 116.610/247.464 công chiếm 47,12%. Cụ thể:

+ *Vườn cao su kinh doanh*: Tổng nhân công thực hiện đầu tư 105.577/232.395 công, sử dụng 45,43% kế hoạch nhân công. Các hạng mục thực hiện như: làm cỏ; chống cháy; thiết kế, mở miệng cao; gắn máng che mưa; bón phân, ... Chất lượng thực hiện đảm bảo, vườn cây sinh trưởng phát triển tốt. Nguyên nhân tỷ lệ sử dụng nhân công kế hoạch thấp là do: Công tác thiết kế, trang bị vật tư khai thác sử dụng công nhân đứng vườn để thực hiện, hạng mục bón phân gặp thời tiết thuận lợi không cần thực hiện cày lấp nên tiết kiệm được chi phí.

+ *Vườn cao su KTCB*: Tổng nhân công thực hiện 10.578/12.309 công, sử dụng 85,93% kế hoạch nhân công. Vườn cây cao su KTCB đã thực hiện công tác làm cỏ; bón phân NPK; cắt tỉa chồi dại; chống cháy mùa khô. Công tác chăm sóc vườn cây đảm bảo, vườn cây sinh trưởng và phát triển tốt.

+ *Vườn điều*: Tổng nhân công thực hiện là 455/2.759 công, sử dụng 16,50% kế hoạch nhân công. Tỷ lệ thực hiện nhân công thấp do vườn điều Muong Khong chuyển sang làm mẫu đại diện sinh thái đáp ứng yêu cầu của FSC, nên tạm dừng đầu tư chăm sóc.

2. Công tác kinh doanh xuất nhập khẩu:

2.1. Sản phẩm mủ cao su: Tổng khối lượng mủ cao su các loại xuất bán trong năm là 10.108,24 tấn, đạt 72,2 % kế hoạch năm 2024. Doanh thu 17,97 triệu USD, đơn giá xuất bán bình quân 1.788,19 USD/tấn cao hơn giá sàn quy định của Công ty 93,53 USD/tấn và tăng 26,27% so với năm 2023. Tỷ lệ hàng hóa xuất khẩu trực tiếp chiếm 68,07% vượt 3,07% kế hoạch được giao.

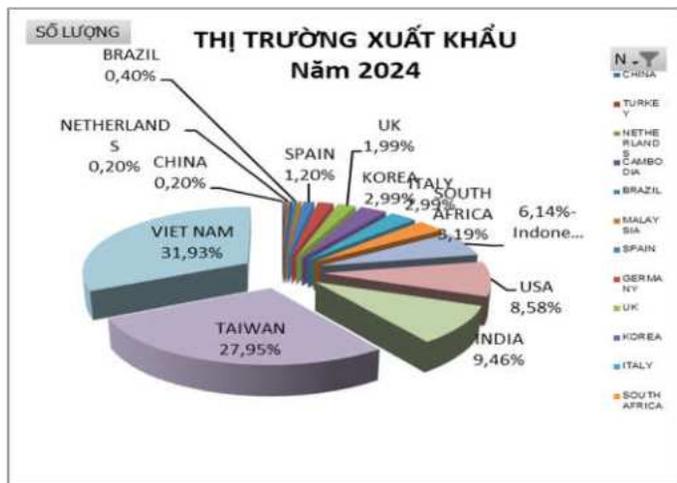
Cơ cấu loại hàng xuất bán cao nhất vẫn là dòng sản phẩm SVR 3L chiếm 71,5% và SVR10 chiếm 12,7% tổng lượng hàng xuất bán năm 2024. Các sản phẩm còn lại như: SVR CV50, CV60, SVR5 đều chiếm dưới 10%.

- Thị trường xuất khẩu chính của DRI trong năm 2024 là Ấn Độ, Đài Loan, Mỹ và các nước EU.

Năm 2024 DRI xếp hạng thứ 45 trong “Top 50 doanh nghiệp xuất khẩu Cao su thiên nhiên dẫn đầu trong năm 2024 theo kim ngạch” do Hiệp hội cao su Việt Nam tổng hợp.

Dưới chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc DRI, cũng như sự cố gắng của tập thể lãnh đạo, cán bộ Daklaoruco, thời gian qua công ty đã duy trì ổn định chất lượng các loại sản phẩm, được khách hàng chấp nhận và đánh giá cao từng bước nâng cao uy tín và khẳng định thương hiệu của mình. Trong năm 2024 Công ty không xảy ra khiếu nại của khách hàng.

- **Về công tác bán hàng EUDR & FSC:** Công ty DRI đã triển khai bán hàng EUDR từ tháng 7/2024, các chuyên gia về EUDR của khách hàng đã đến trực tiếp Công ty và nhà máy chế biến mủ để kiểm tra, đánh giá và có những nhận xét rất tốt về việc tuân thủ quy định EUDR tại Công ty cũng như nhà máy Daklaoruco. Trong năm, Công ty đã xuất bán 423,2 tấn hàng EUDR và 80,64 tấn hàng FSC với giá bán cao hơn giá thị trường từ 150-200 USD/tấn.



2.2. Hạt điều tươi: Doanh thu bán hạt điều tươi là 3,70/2,84 tỷ đồng, đạt 130,43% chỉ tiêu kế hoạch, sản lượng tăng 11,98% và giá bán bình quân tăng 16,5% so với kế hoạch.

3. Công tác nhân sự, tiền lương và chế độ chính sách:

- Tổng số lao động tính đến 31/12/2024 là 2.623 người. Trong đó lao động gián tiếp 246 người (chiếm 9,38%), lao động trực tiếp 2.377 người (chiếm 90,62%). Lao động người Việt Nam 23 người (chiếm 8,88%), lao động người Lào 2.390 người (chiếm 91,12%).

- Năm 2024 Công ty con Daklaoruco đã có nhiều giải pháp để hỗ trợ, thu hút người lao động như: Xây dựng thêm nhà ở, công trình sinh hoạt cho công nhân ở xa, đóng các loại bảo hiểm, tăng đơn giá tiền lương, hỗ trợ nhu yếu phẩm hàng tháng, phụ cấp xa xứ, ... tình trạng biến động lao động có cải thiện so với năm 2023 nhưng vẫn còn rất cao, đặc biệt là công nhân trực tiếp sản xuất.

- Thu nhập bình quân khối lao động gián tiếp 21,67 triệu đồng/người/tháng, đạt 116,01% kế hoạch và tăng 18,49% so năm 2023; lao động trực tiếp 5,39 triệu đồng/ người/tháng, đạt 89,58% so với kế hoạch và tăng 44,17% so với năm 2023 (*tiền lương lao động trực tiếp thấp là do sản lượng khai thác không đạt kế hoạch*).

4. Hoạt động đầu tư dự án Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI:

- Tổng diện tích canh tác là 131,34 ha; trong đó diện tích sầu riêng trồng năm 2018 là 69,09 ha, diện tích trồng chuối xen sầu riêng trồng năm 2020 là 62,25 ha.

- Tổng khối lượng chuối tươi thu hoạch và xuất bán là 578,19 tấn/655,5 tấn, năng suất bình quân 18,06 kg/buồng, thực hiện 88,20% kế hoạch. Tổng doanh thu là 2,02 tỷ đồng đạt 102,75% kế hoạch do giá bán bình quân tăng 16,46%. Sản lượng chuối không đạt kế hoạch, do thanh lý vườn chuối để sầu riêng phát triển.

- Sản lượng sầu riêng là 423,01/300 tấn, đạt 141,00% kế hoạch năm; doanh thu 20,79 tỷ đồng đạt 138,6% kế hoạch; giá bán bình quân 49.148 đồng/kg đạt 98,3% giá bán kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế Công ty đạt 8,59 tỷ đồng.

- Trong năm, tổng nhân công thực hiện chăm sóc vườn cây toàn Công ty là 16.313,51/18.330,16 công chiếm 89,00% kế hoạch sản xuất. Các hạng mục công việc thực hiện như: bón phân thúc (phân nở, NPK); làm cỏ; tưới nước; phun thuốc BVTV định kỳ, phun thuốc kích trái, phun thuốc dưỡng hoa và trái; neo cành, cột trái; phá bỏ hàng chuối gần hàng sầu riêng; tủ thực bì, ...

5. Công tác ISO, chương trình phát triển cao su bền vững:

- Tại Daklaoruco, tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, hệ thống quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Trong năm, Daklaoruco đã được cấp chứng nhận ISO 14001:2015.

- Chứng nhận nhãn hiệu cao su Việt Nam cho các sản phẩm cao su thiên nhiên SVR3L, SVRCV60 và SVR10 tiếp tục được duy trì sử dụng.

- Trong năm, DRI và Daklaoruco phối hợp với Đơn vị tư vấn FSC thực hiện và đã được cấp các chứng chỉ FSC bao gồm: FSC-FM/CoC cho sản phẩm gỗ và mùn cao su trên tổng diện tích là 6.845,36ha; Chứng chỉ FSC-CoC cho chế biến và bán hàng tại Daklaoruco; Chứng chỉ FSC – CoC cho hoạt động bán hàng tại DRI.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2024:

*** Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính ĐHCĐ giao như sau:**

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So với KH 2024
1	Sản lượng	Tấn			
1,1	Cao su	Tấn	14.000	11.116	79,40%
1,2	Điều	Tấn	137,00	153,42	111,98%
1,3	Chuối	Tấn	655,54	578,19	88,20%
1,4	Sầu riêng	Tấn	300,00	423,01	141,00%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	462,50	494,34	106,88%
2,1	Cao su	Tỷ đồng	434,70	444,57	102,27%
2,2	Điều	Tỷ đồng	2,84	3,70	130,43%
2,3	Chuối	Tỷ đồng	1,97	2,02	102,75%
2,4	Sầu riêng	Tỷ đồng	15,00	20,79	138,60%
2,5	Doanh thu khác	Tỷ đồng	8,00	23,26	290,75%
3	Giá vốn	Triệu đồng/tấn			
3,1	Giá vốn cao su	Triệu đồng/tấn	30,336	31,980	105,42%
3,2	Giá vốn điều	Triệu đồng/tấn	21,527	10,340	48,03%
3,3	Giá vốn chuối	Triệu đồng/tấn	4,352	4,496	103,31%
3,4	Sầu riêng	Triệu đồng/tấn	34,759	31,175	89,69%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	74,41	139,68	187,72%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	60,63	110,40	182,09%
5	Tỷ lệ xuất khẩu	%	65%	68,07%	104,72%
6	Cổ tức (dự kiến)	%	6%	9%	150,00%
7	Thu nhập				
7,1	Lương BQ gián tiếp	Triệu đồng/người/ tháng	18,68	21,67	116,01%
7,2	Lương BQ trực tiếp		6,02	5,39	89,58%

*** Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu Đầu tư ĐHCĐ giao:**

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH
I.	Đầu tư Nông nghiệp		11.290,32	10.767,87	95,37%
1	Đầu tư cao su	Tr.đồng	4.994,69	5.185,37	103,82%
2	Đầu tư sầu riêng	Tr.đồng	6.295,63	5.582,50	88,67%
II.	Đầu tư XDCB		25.641,81	19.590,88	76,40%
1	Công ty CPĐT cao su ĐắkLắk	Tr.đồng	1.612,02	279,69	17,35%
2	Công ty TNHH cao su ĐắkLắk	Tr.đồng	23.174,60	18.557,57	80,08%
3	Công ty TNHH NN CNC DRI	Tr.đồng	855,19	753,63	88,12%
	Tổng cộng:		36.932,13	30.358,75	82,20%

*** Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2024:**

STT	Nội dung	Thực hiện năm 2023	Thực hiện năm 2024	So sánh 2024/2023
1	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	443.508.685.141	471.071.619.679	106%
2	Giá vốn hàng bán	284.218.803.700	281.492.627.642	99%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	17.798.917.259	23.205.067.083	130%
4	Chi phí tài chính	19.260.401.577	6.929.393.135	36%
5	Chi phí bán hàng	34.421.706.984	30.531.491.942	89%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.784.815.048	34.232.229.930	128%
7	Lợi nhuận khác	(2.882.825.571)	(1.414.555.386)	49%
*	Lợi nhuận kế toán trước thuế	93.739.049.520	139.676.388.727	149%
8	Chi phí TNDN hiện hành	20.081.207.096	29.273.507.253	146%
**	Lợi nhuận kế toán sau thuế	73.657.842.424	110.402.881.474	150%

Trong năm 2024 các chỉ tiêu về sản lượng mủ cao su và sản lượng chuối tươi không đạt kế hoạch, chỉ tiêu về sản lượng sầu riêng, sản lượng điều, về doanh thu, lợi nhuận đều vượt kế hoạch được ĐHĐCĐ giao.

Chỉ tiêu doanh thu đạt 494,34/462,0 tỷ đồng đạt 106,88% kế hoạch được giao.

Lợi nhuận kế toán sau thuế đạt 110,40 tỷ đồng đạt 182,09% kế hoạch được giao. Tăng 36,75 tỷ đồng so với năm 2023. Nguyên nhân:

- Giá bán mủ cao su bình quân năm 2024 tăng 26,27% so với giá bán bình quân năm 2023, đồng thời công ty có thêm nguồn thu từ sản phẩm sầu riêng với doanh số là 20,79 tỷ đồng đã làm cho tổng doanh thu tăng 6%, trong khi giá vốn lại giảm 1%, dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 19%.

- Doanh thu tài chính năm 2024 tăng 5,4 tỷ đồng nhờ lãi chênh lệch tỷ giá từ thu tiền bán hàng bằng USD, trong khi chi phí tài chính giảm 12,3 tỷ đồng do Công ty không còn khoản vay dài hạn bằng USD, giảm tỷ lệ nợ vay ngắn hạn ngân hàng nên chi phí lãi vay giảm 40% so với cùng kỳ năm 2023 và không bị ảnh hưởng bởi lỗ chênh lệch tỷ giá tiền vay phải trả.

PHẦN THỨ HAI PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2025

I. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

1.1. Cao su:

- + Khai thác: 13.500 tấn mủ quy khô; năng suất bình quân đạt 1,65 tấn/ha;
- + Sản lượng chế biến trong năm: 13.500 tấn;
- + Sản lượng tiêu thụ dự kiến 13.500 tấn;
- + Giá bán bình quân 42,37 triệu đồng/tấn (1.695 USD/tấn);
- + Giá vốn hàng bán 33,74 triệu đồng/tấn (1.350 USD/tấn);

+ Tỷ lệ xuất khẩu: 65% trên tổng lượng hàng xuất bán;

1.2. Điều:

+ Sản lượng 40 tấn hạt điều tươi;

+ Giá bán bình quân 20,0 triệu đồng/tấn (800 USD/tấn);

+ Giá vốn hàng bán 11,28 triệu đồng/tấn (451 USD/Tấn);

1.3. Sâu riêng:

+ Sản lượng 640 tấn quả;

+ Giá bán bình quân 50,05 triệu đồng/tấn;

+ Giá vốn hàng bán 30,59 triệu đồng/tấn;

1.4. Kế hoạch kinh doanh năm 2025:

- Tổng doanh thu và thu nhập khác: 612.955 triệu đồng;

+ *Doanh thu bán hàng: 604.855 triệu đồng. Trong đó: Cao su: 572.020 triệu đồng;*

Điều: 800 triệu đồng; Sâu riêng: 32.035 triệu đồng.

+ *Doanh thu tài chính và thu nhập khác: 8.100 triệu đồng.*

- Tổng chi phí: 475.590 triệu đồng;

+ *Chi phí cao su: 455.557 triệu đồng*

+ *Chi phí điều: 451 triệu đồng*

+ *Chi phí sâu riêng: 19.581 triệu đồng*

- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 137.365 triệu đồng;

- Lợi nhuận sau thuế dự kiến: 110.374 triệu đồng;

- Tỷ lệ xuất khẩu mủ cao su: 65% trên tổng lượng hàng xuất bán

- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2024: 9% vốn điều lệ.

2. Chỉ tiêu về đầu tư:

- **Đầu tư vườn cây KTCB : 22.832 triệu đồng.** Trong đó,

+ Vườn cây cao su đầu tư 9.371 triệu đồng, bình quân 24,21 triệu đồng/ha.

+ Vườn cây sâu riêng trồng mới tại Daklaoruco đầu tư 5.441 triệu đồng, bình quân 178,52 triệu đồng/ha.

+ Vườn cây sâu riêng tại Công ty TNHH NN CNC DRI đầu tư 8.019 triệu đồng, bình quân 128,81 triệu đồng/ha.

- **Đầu tư XDCB: 51.931 triệu đồng,** trong đó:

+ Đầu tư tại Daklaoruco: 50.435 triệu đồng.

+ Đầu tư tại Công ty TNHH NN CNC DRI: 1.496 triệu đồng.

3. Chỉ tiêu về Phát triển bền vững:

- Thực hiện duy trì hiệu lực chứng nhận FSC-FM/CoC cho vườn cây cao su, FSC-CoC

tại Daklaoruco và DRI.

- Thực hiện duy trì chứng nhận Nhãn hiệu Cao su Việt Nam, các chứng nhận ISO 9001:2015, ISO 14001:2015; ISO/IEC 17025:2017.

- Cập nhật hồ sơ quản lý số để tuân thủ quy định chống phá rừng EUDR của Liên minh Châu Âu.

- Thực hiện xây dựng áp dụng phần mềm quản lý và truy xuất nguồn gốc sản phẩm mủ cao su, phần mềm quản lý hồ sơ, văn bản iOffice cho toàn Công ty; thay đổi giao diện trang website của DRI và Daklaoruco.

- Kêu gọi đầu tư nhà máy chế biến gỗ và/hoặc nhà máy chế biến viên nén năng lượng để đáp ứng yêu cầu thanh lý, tái canh vườn cao su.

II. Giải pháp thực hiện:

Để đạt được các chỉ tiêu trên, Ban điều hành đề ra các giải pháp quản lý và điều hành cụ thể như sau:

- **Giải pháp về tổ chức cán bộ:** Kiện toàn công tác tổ chức cán bộ tại Daklaoruco, tập trung tuyển dụng đội ngũ cán bộ quản lý, nhất là đội ngũ cán bộ kỹ thuật; kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý cấp Công ty và nông trường; sắp xếp bộ máy đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đào tạo cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cùng với công tác tổ chức cán bộ, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong quản lý, quản trị Công ty.

- **Giải pháp về kỹ thuật và tổ chức sản xuất:** chỉ đạo thực hiện tốt, đồng bộ các giải pháp kỹ thuật khai thác, tận thu mủ để đạt kế hoạch sản lượng đã đề ra. Tổ chức tốt công tác khai thác mủ cao su, kiểm soát tốt quy trình kỹ thuật khai thác mủ, tuyển dụng và bố trí lao động đầy đủ, chú trọng công tác đào tạo, kiểm tra tay nghề và trang bị vật tư khai thác ngay từ đầu vụ cạo. Thực hiện các công đoạn chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo vườn cây sinh trưởng, phát triển tốt. Nâng cao chất lượng sản phẩm mủ cao su chế biến. Chú trọng chỉ đạo công tác bảo vệ vườn cây, bảo vệ sản phẩm và vật tư; tăng cường phối hợp với địa phương trong công tác đảm bảo an ninh trật tự và bảo vệ tài sản Công ty.

- **Giải pháp về tài chính, tiền lương:** thực hiện tốt việc kiểm soát chi phí, giá thành sản xuất nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT giao. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tài chính nhằm tiết giảm chi phí tài chính, hạn chế ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá. Thực hiện chi trả tiền lương và các khoản hỗ trợ kịp thời, hợp lý để kích thích người lao động tăng năng suất lao động, đảm bảo người lao động yên tâm công tác và gắn bó làm việc lâu dài với công ty.

- **Giải pháp về kinh doanh xuất nhập khẩu:** tiếp tục duy trì mối quan hệ với các khách hàng hiện tại và tích cực mở rộng và khai thác các thị trường mới. Theo dõi diễn biến giá cả thị trường để có chiến lược bán hàng hợp lý, mang lại hiệu quả kinh doanh cao. Tăng cường tìm kiếm khách hàng để xuất bán các sản phẩm có chứng chỉ FSC-FM/CoC, tuân thủ EUDR nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và thương hiệu.

Tiếp tục chỉ đạo Daklaoruco thực hiện mua mủ cao su nguyên liệu về chế biến cao su SRV10, 20 để từng bước bù đắp sản lượng thiếu hụt khi vườn cây đưa vào thanh lý tái canh.

- Chỉ đạo Daklaoruco duy trì tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015; ISO/IEC 17025:2017; duy trì chứng nhận Nhãn hiệu Cao su Việt Nam; chứng nhận FSC-FM cho vườn cây; chứng nhận FSC-CoC tại Daklaoruco và DRI.

- Tiếp tục chỉ đạo chỉ đạo Công ty TNHH NN CNC DRI tập trung chăm sóc vườn sầu riêng trồng năm 2020 và kinh doanh vườn cây trồng năm 2018 hiệu quả, chú trọng tìm kiếm khách hàng để tiêu thụ sầu riêng.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2024 và các chỉ tiêu định hướng năm 2025. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và góp ý kiến để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thanh Cần

“Dự thảo”**BÁO CÁO****Kết quả kiểm soát tại Công ty năm 2024
trình Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát công ty được quy định theo điều lệ Công ty DRI.

Căn cứ các quy chế quản lý của Công ty và kết quả kiểm soát tình hình hoạt động của Công ty năm 2024 .

Ban Kiểm soát (BKS) xin báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên kết quả công tác kiểm soát năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025, cụ thể như sau :

A/ KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2024**I/ Hoạt động của BKS trong năm 2024**

Về cơ cấu nhân sự BKS gồm 03 thành viên. Trong đó 02 thành viên độc lập, 01 thành viên kiêm nhiệm là cán bộ kỹ thuật của Công ty.

Trong năm 2024, BKS đã tiến hành 04 đợt kiểm soát theo định kỳ tại Công ty mẹ và 2 Công ty con, gồm: Công ty TNHH cao su DakLak (Daklaoruco) và công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao DRI (Cty CNC). Các đợt kiểm tra đều có chương trình thời gian nội dung cụ thể. Nội dung kiểm soát chủ yếu đi sâu vào công tác Tài chính - Kế toán; tiền lương; công tác sản xuất; công tác quản lý điều hành; đầu tư sửa chữa mua sắm; Công tác bảo vệ sản phẩm .v.v... Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT tại Công ty và Công ty con. Việc chấp hành pháp luật và tuân thủ Điều lệ của Công ty.

Với tinh thần trách nhiệm cao, các thành viên BKS tham gia đầy đủ các đợt kiểm tra, kiểm soát do Ban triển khai. Ghi nhận, kiến nghị những tồn tại, thiếu sót, cảnh báo để Ban giám đốc Công ty, Công ty con nắm bắt, xử lý, khắc phục. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tích cực nghiên cứu tài liệu để tham vấn vào các chương trình, nội dung, cũng như các chủ trương mang tính định hướng của Công ty.

Quá trình hoạt động BKS luôn được Ban điều hành Công ty và các Công ty con tạo điều kiện thuận lợi, được tiếp cận, cung cấp hồ sơ tài liệu đầy đủ theo yêu cầu. Thực hiện các báo cáo và tham vấn cho HĐQT mang tính trung thực khách quan và xây dựng.

II/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1/ Về hoạt động của HĐQT trong năm 2024 :**

HĐQT duy trì tốt các cuộc họp theo định kỳ và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản khi cần thiết; ban hành 12 Nghị quyết để triển khai và đánh giá kết quả thực

hiện theo tiến độ, xử lý các kiến nghị của Ban điều hành theo thẩm quyền. Thường xuyên giám sát kiểm tra, nắm tình hình tại các Công ty con để chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành thực hiện tốt các chỉ tiêu Nghị quyết và định hướng lớn của Công ty. Xem xét giải quyết và cho ý kiến kịp thời đối với các kiến nghị của Ban điều hành phát sinh trong quá trình sản xuất. Quan tâm chỉ đạo về công tác nhân sự, tổ chức bộ máy, tuyển dụng nhân sự; chế độ tiền lương; công tác bảo vệ sản phẩm và quan hệ địa phương trong vấn đề hỗ trợ bảo vệ sản phẩm. Đôn đốc thực hiện chương trình phát triển cao su bền vững FSC, hoàn thiện hồ sơ bán hàng theo quy định EUDR của Liên Minh Châu Âu, để đáp ứng yêu cầu xuất khẩu vào Châu Âu. Triển khai một số nội dung quan trọng mang tính định hướng: Lộ trình thanh lý cao su; nghiên cứu chuyển đổi một số diện tích trồng thử nghiệm Sầu riêng để tìm hướng đi mới. Chỉ đạo các nội dung để kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty Daklaruco; Thường xuyên theo dõi kiểm tra tình hình đầu tư và nuôi trái của vườn sầu riêng Cty CNC, cho chủ trương phá bỏ vườn chuối để tập trung cho cây sầu riêng phát triển. Chỉ đạo công tác chuẩn bị nhân sự để thay thế các vị trí chủ chốt tại Công ty mẹ và Công ty con...

Các thành viên HĐQT luôn có tinh thần trách nhiệm cao trong việc đóng góp, tham vấn vào nội dung nghị sự để lựa chọn đưa vào Nghị quyết những nội dung cụ thể, thiết thực mang tính chiến lược. Có sự đoàn kết, có sự kết nối và chỉ đạo Ban điều hành nỗ lực thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp, phân quyền.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính của Nghị quyết:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	So với KH 2024
1	Sản lượng	Tấn			
1.1	Cao su	Tấn	14.000	11.116	79,40%
1.2	Điều	Tấn	137,00	153,42	111,98%
1.3	Chuối	Tấn	655,54	578,19	88,20%
1.4	Sầu riêng	Tấn	300,00	423,01	141,00%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	462,50	494,34	106,88%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	74,41	139,68	187,72%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	60,63	110,40	182,09%
4	Tỷ lệ xuất khẩu	%	65%	68,07%	104,72%
5	Cổ tức (dự kiến)	%	6%	9%	150,00%

Các thành quả đạt được như Báo cáo HĐQT đã nêu đó là việc duy trì hoạt động SXKD trong những điều kiện khó khăn tại Daklaoruco về lạm phát, thời tiết, dịch bệnh, thiếu nhân lực lao động, an ninh trật tự phức tạp .. Nhưng vẫn mang lại những kết quả nhất định. Mặc dù sản lượng cao su không đạt theo kế hoạch nhưng nhờ giá bán tốt và tiết giảm chi phí nên các Công ty con đều có lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra, góp phần giúp Công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu lợi nhuận cả năm. Tình hình tài chính công ty lành mạnh, bảo toàn và phát triển vốn.

Các chỉ tiêu không đạt được theo Nghị quyết ĐHĐCĐ chủ yếu là sản lượng khai thác mủ cao su (sản lượng cao su đạt 79,4%, khối lượng hạt 2.736 tấn mủ khô). Nguyên nhân chủ yếu là: thời tiết không thuận lợi; thiếu hụt nhân lực quản lý và công nhân khai thác mủ; thất thoát mủ. (Đã được phân tích kỹ tại báo cáo của HĐQT và báo cáo của Ban điều hành). Chỉ tiêu về sản lượng chuỗi không đạt do đã ngừng đầu tư, thanh lý để tập trung đầu tư vào vườn sầu riêng.

Nhìn chung năm 2024 trong bối cảnh tình hình chung ngành cao su bước đầu có dấu hiệu phục hồi về giá bán, song việc thực hiện kế hoạch sản lượng hết sức khó khăn. Tuy nhiên, HĐQT đã sâu sát tình hình, lãnh đạo Công ty đạt được chỉ tiêu hiệu quả cuối cùng đó là lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra. HĐQT quyết định trình ra đại hội tăng tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông từ 6% lên 9%. Nhằm quan tâm hơn nữa quyền lợi của cổ đông và nhà đầu tư so với kết quả SXKD đã đạt được.

2/ Về Ban điều hành Công ty.

Hoạt động của ban điều hành đã triển khai kịp thời Nghị quyết của HĐQT. Bộ máy từ Ban Giám đốc xuống các phòng ban có sự phối hợp tốt, các phòng đã phát huy được khả năng, trách nhiệm và hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Ban lãnh đạo Công ty đã theo sát tình hình SXKD tại các Công ty con. Sẵn sàng tăng cường nhân sự hỗ trợ cho Công ty con trong một số thời điểm và lĩnh vực cụ thể để hoàn thành nhiệm vụ chung. Hoạt động về kinh doanh bán hàng tại Công ty đã phát huy tốt năng lực, theo dõi sát tình hình thị trường; chủ động triển khai tìm hiểu và lập hồ sơ bán hàng theo quy định EUDR; chào bán giá cao hơn khung giá công ty ban hành.

Những khó khăn phát sinh từ Công ty con Daklaoruco ảnh hưởng đến việc không hoàn thành kế hoạch sản lượng đó là: Về thời tiết hạn hán đầu năm nhưng lại mưa bão liên tục dồn dập vào quý 3 do biến đổi khí hậu; Nhân lực lao động vừa thiếu hụt vừa biến động lớn (Công nhân nghỉ nhiều và tuyển dụng lại cũng nhiều) làm chất lượng tay nghề giảm. Môi trường làm việc căng thẳng, áp lực nên không tuyển dụng và giữ chân được cán bộ. Nội bộ có sự luân chuyển lớn, nguồn cán bộ quản lý kế cận thiếu hụt nghiêm trọng, các chính sách tuyển dụng của Công ty chưa có tác dụng. Tình hình trộm cắp mủ xảy ra khá phức tạp, việc mất mủ ngay từ công nhân cạo mủ và có sự tiếp tay của một số cán bộ quản lý cấp tổ. Tổng số vụ việc được phát hiện và bắt giữ là 1.114 vụ, thu về 66,2 tấn mủ quy khô.

Bên cạnh khó khăn trong công tác quản lý sản phẩm thì tại Daklaoruco lại làm rất tốt công tác quản trị chi phí, cụ thể như sản lượng Điều vượt kế hoạch nhưng chi phí thực hiện chỉ 41% kế hoạch. Về Cao su kinh doanh ngoài chi phí lương khai thác chạy theo sản lượng thì một số chi phí thực hiện khác đều tiết giảm như: Chi phí chăm sóc chỉ hết 45,4%; chi phí Nguyên vật liệu 84,1%, chi phí vận chuyển 68,5%, chi phí chế biến 88,8%; Khối lượng mủ xuất bán 10.714 tấn/14.000 tấn tỷ lệ 76,5% nhưng doanh số bán gần đạt chỉ tiêu nhờ giá bán tăng hơn so với giá kế hoạch (1.746 usd/1.500 usd/ tấn mủ).

Tại đơn vị Cty NN CNC DRI, Ban lãnh đạo Công ty cử người thường xuyên theo dõi giám sát quá trình chăm sóc làm trái cho đến khi thu hoạch. Sản lượng

vượt kế hoạch nhưng chi phí không tăng ngoài yếu tố tiền lương. Một số chi phí còn tiết giảm như văn phòng phẩm, khánh tiết, dụng cụ. Đây cũng là năm đầu tiên Công ty CNC DRI có lợi nhuận tốt nhất nhờ kết quả SXKD từ cây sầu riêng.

Ban điều hành cũng đã thực hiện hoàn thành chương trình lấy chứng nhận FSC-FM/CoC; Hoàn thành việc lập Dự án lộ trình tái canh cao su; đề án trồng thử nghiệm cây Sầu riêng trên đất Lào theo chủ trương của HĐQT. Chỉ đạo công tác đầu tư chăm sóc cây sầu riêng tại Cty CNC DRI chuẩn bị cho mùa vụ mới ...

Ngoài kết quả đã đạt được thì vẫn còn một số tồn tại:

- Chưa có giải pháp tốt để tuyển dụng nhân sự hỗ trợ Công ty con tại Lào.
- Chưa có sự hỗ trợ hiệu quả trong công tác quản lý sản phẩm mủ cao su.
- Nội bộ Ban lãnh đạo Công ty con tại Lào có hiện tượng phân công, phân nhiệm không rõ ràng; thiếu sức mạnh trong quản lý điều hành. Cán bộ cấp quản lý cũng như nhân viên gián tiếp nghỉ việc nhiều, nhưng Ban lãnh đạo Công ty không kịp thời ổn định tình hình.
- Hệ thống cán sự kỹ thuật tại Lào vừa thiếu vừa yếu nên không kiểm soát hướng dẫn được công nhân để xảy ra phổ biến các tình trạng cạo phạm, dày dăm, vượt mức kiểm soát, mặt cạo tái sinh xấu, tỷ lệ cây khô miệng cạo gia tăng.

3/ Đánh giá các giao dịch nội bộ:

Năm 2024 Công ty DRI có cho Công ty mẹ vay tiền để giải quyết khó khăn trong ngắn hạn đã được thông qua xin ý kiến tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Việc ký kết hợp đồng vay trên nguyên tắc lãi suất theo quy định của ngân hàng thương mại, có tài sản đảm bảo là cổ phiếu DRI. Các phát sinh đều có Nghị quyết của HĐQT để thực hiện. Qua soát xét việc vay mượn này không ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính và khả năng thanh toán của Công ty, không phát hiện các dấu hiệu bất thường trong các giao dịch nội bộ nêu trên và được thực hiện đúng quy định của pháp luật và theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đề ra. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính Công ty DAKRUCO (cổ đông lớn của DRI) hết sức khả quan, đã bán được cổ phiếu DRI theo dự kiến với giá tốt, đồng thời được các Ngân hàng cho vay hoàn vốn đầu tư cao su tái canh cao su nên khả năng trả nợ của DAKRUCO rất tích cực trong thời gian tới.

4/ Tình hình tài chính công ty :

BKS thống nhất với số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập soát xét và phát hành cho năm 2024. Được báo cáo chi tiết tại ĐHĐCĐ và thông qua công thông tin của Công ty. Cụ thể :

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		223,161,266,873	180,145,227,844
I.	TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110		81,129,688,423	60,334,618,849

II.	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120		10,000,000,000	10,000,000,000
III.	CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	130		7,504,461,050	38,308,179,204
IV.	HÀNG TỒN KHO	140		115,992,123,201	65,399,095,898
V.	TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150		8,534,994,199	6,103,333,893
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		506,282,506,815	462,345,391,115
I.	CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	210		80,000,000,000	43,000,000,000
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	80,000,000,000	43,000,000,000
II.	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (220=221+224+227)	220		375,452,097,992	358,532,083,781
1.	Tài sản cố định hữu hình (221=222+223)	221	5.9	370,055,797,147	353,135,782,936
	- Nguyên giá	222		752,260,910,266	671,660,545,112
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(382,205,113,119)	(318,524,762,176)
3.	Tài sản cố định vô hình (227=228+229)	227	5.10	5,396,300,845	5,396,300,845
	- Nguyên giá	228		5,909,403,812	5,892,241,116
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(513,102,967)	(495,940,271)
IV.	TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN	240		36,786,161,163	46,576,970,160
V.	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	250		3,000,000,000	3,000,000,000
V.	TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	260		11,044,247,660	11,236,337,174
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		729,443,773,688	642,490,618,959
	NGUỒN VỐN				
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		138,818,057,129	105,239,078,828
I.	NỢ NGẮN HẠN	310		138,818,057,129	105,239,078,828
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		590,625,716,559	537,251,540,131
I.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	410	5.22	590,625,716,559	537,251,540,131
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.22	732,000,000,000	732,000,000,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		732,000,000,000	732,000,000,000
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	5.22	(350,133,069,914)	(376,878,191,350)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	5.22	50,211,220,806	43,186,847,037
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.22	152,506,887,437	134,255,665,451
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		729,443,773,688	642,490,618,959

Nhìn chung tình hình tài chính Công ty ngày càng tốt. Tài sản ngắn hạn và tiền mặt đều tăng so với năm trước. Khoản phải thu dài hạn là tiền cho Công ty mẹ vay như đã giải trình ở phần giao dịch nội bộ. Hàng tồn kho hiện có 2.803 tấn mù cao su với giá nhập kho 20,8 triệu đồng/tấn, nếu tính theo giá thị trường hiện nay đã có lời gấp đôi giá tồn kho. Tài sản cố định đã khấu hao tương đương 50% giá trị. Tại phần nguồn vốn khoản chênh lệch tỷ giá hơn 350 tỷ đồng, nguyên nhân quy đổi từ tiền kip (Lak) sang tiền Việt Nam (Vnd). Trong thời hạn 05 năm trở lại đây tiền Lak liên tục mất giá so với Vnd từ mức tỷ giá Vnd/Lak là 2,6 thì giờ đây tỷ giá Vnd/Lak là 1,13 nên xảy ra hiện tượng nêu trên. Khi tiền Lak phục hồi thì khoản chênh lệch này sẽ hết. Hiện nay công ty bán mù cao su bằng hình thức xuất khẩu (tính bằng USD) nên có lợi thế rất lớn cho Công ty khi đồng USD mạnh hơn đồng nội tệ Lào (Lak) rất nhiều.

Với tình hình giá mù phục hồi và ổn định, Công ty đang tích cực củng cố lại bộ máy điều hành tại Daklaoruco trên nền tảng tài chính vững mạnh. Cùng với đó tại Cty NN CNC DRI, vườn sầu riêng kinh doanh phát triển tốt khả năng sản lượng

sẽ gia tăng cao hơn so với năm trước. Hy vọng Công ty DRI sẽ gặt hái nhiều thắng lợi đem lại lợi ích lớn hơn cho cổ đông và nhà đầu tư trong năm 2025.

B/ KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NĂM 2025 :

Thực hiện quy định của Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động, Ban kiểm soát đề ra các mục tiêu nhiệm vụ cơ bản sau đây :

1/ Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành theo quy định của Điều lệ; Kiểm tra kiểm soát hoạt động SXKD và đầu tư tại Công ty mẹ và các Công ty con. Kiểm soát công tác kế toán tài chính, công tác mua và bán hàng; Giám sát các hợp đồng giao dịch nội bộ; Giám sát công tác bảo mật và công bố thông tin, thực hiện chế độ chính sách người lao động, việc chấp hành pháp luật.

2/ Thực hiện chương trình kiểm soát hoạt động tại Công ty Daklaoruco, Công ty CNC DRI theo định kỳ (mỗi quý một lần).

3/ Kiểm soát và cảnh báo rủi ro trong thực hiện pháp luật, thực hiện chế độ chính sách người lao động, rủi ro về môi trường, về quy trình kỹ thuật, tài sản vườn cây.

4/ Thực hiện kiểm tra kiểm soát theo yêu cầu của HĐQT công ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn của Công ty. Thực hiện chương trình kiểm tra kiểm soát đột xuất khi phát hiện các dấu hiệu sai phạm quy định quy chế hoặc vi phạm pháp luật.

5/ Phản hồi cho HĐQT và Ban điều hành những bất cập phát hiện trong quá trình kiểm tra kiểm soát, đề xuất các giải pháp khắc phục (nếu có).

6/ Tham gia các cuộc họp của HĐQT công ty, tích cực nghiên cứu và góp ý các nội dung được tham dự với tư cách tham vấn để HĐQT xem xét, quyết định.

7/ Các công việc khác theo quy chế hoạt động, quy chế quản trị và theo Điều lệ công ty.

Trên đây là Báo cáo kết quả kiểm soát năm 2024, định hướng nhiệm vụ công tác kiểm soát trong năm 2025. BKS xin trình bày trước ĐHĐCĐ thường niên.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Nơi gửi :

- HĐQT, Ban điều hành;
- Cổ đông công ty;
- Thành viên BKS.

Nguyễn Thạc Hoàn

Báo cáo Tóm tắt kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam (Chi báo cáo sơ bộ kết quả kinh doanh hợp nhất còn chi tiết báo cáo đã công bố thông tin trên trang web Công ty)

1. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2024.

(Theo báo cáo kiểm toán số 208/2025/BCKTHN-HCM.00895 ngày 10/03/2025 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam)

STT	Nội dung	Năm 2024 (đồng)	Ghi chú
1	Doanh thu	494.327.686.762	
1.1	Doanh thu thuần BH & cung cấp dịch vụ	471.071.619.679	
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	23.205.067.083	
1.3	Thu nhập khác	51.000.000	
2	Tổng Chi phí	354.651.298.035	
2.1	Giá vốn hàng bán	281.492.627.642	
2.2	Chi phí bán hàng	30.531.491.942	
2.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.232.229.929	
2.4	Chi phí tài chính	6.929.393.135	
2.5	Chi phí khác	1.465.555.387	
3	Lợi nhuận trước thuế	139.676.388.727	
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.273.507.253	
5	Lợi nhuận sau thuế	110.402.881.474	
6	Lãi cơ bản/cổ phiếu	1.489	

2. Ý kiến của kiểm toán :

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số: 06/TTr-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025

Kính thưa quý cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24 tháng 2 năm 2012;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk được thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
- Căn cứ Nghị quyết số: 12/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024; Nghị quyết số:03/NQ-HĐQT, ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025 như sau:

I. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025:

1- Chỉ tiêu về khối lượng:

1.1- Tổng diện tích cây trồng: **9.418,24 ha**

- Tổng diện tích cây cao su: 8.588,69 ha, trong đó:

+ Diện tích cao su KTCB: 387,03 ha;

+ Diện tích cao su khai thác: 8.201,66 ha.

- Diện tích cây điều: 465,67 ha.

- Diện tích vườn cây Công ty NN Công nghệ Cao DRI : 142,17 ha

- Diện tích cây Sầu riêng tại Daklaoruco: 30,48 ha

- Diện tích cây trồng khác: cây keo+ hành lang ven suối: 191,23 ha.

1.2- Sản lượng các loại sản phẩm khai thác trong năm:

- Cao su khai thác: 13.500 tấn mù khô; năng suất bình quân đạt 1,65 tấn/ha;

- Sản lượng điều: 40 tấn quả tươi; năng suất bình quân đạt 86 kg/ha;

- Sản lượng Sầu riêng: 640 tấn; năng suất bình quân đạt 62 kg/cây;

2. Chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận, cổ tức:

2.1- Tổng doanh thu và thu nhập khác: 612,95 tỷ đồng, trong đó:

+ Bán mù cao su thành phẩm : 572,02 tỷ đồng (giá bán bình quân 1.695 USD/tấn), trong đó xuất khẩu 65% của tổng sản lượng tiêu thụ 13.500 tấn.

+ Bán điều tươi : 0,8 tỷ đồng (giá bán bình quân 800 USD tấn tươi);

+ Bán Sầu riêng: 32,03 tỷ đồng (giá bán bình quân 50,05 triệu đồng/tấn tươi);

+ Doanh thu tài chính + thu nhập khác : 8,1 tỷ đồng.

2.2- Tổng chi phí: 475,59 tỷ đồng, trong đó:

- + SXKD cao su : 455,55 tỷ đồng (giá vốn: 1.350 USD/tấn)
- + SXKD điều : 0,45 tỷ đồng (giá vốn: 451 USD/tấn)
- + SXKD Sầu riêng : 19,58 tỷ đồng (giá vốn: 30,59 triệu đồng/tấn)

2.3- Lợi nhuận trước thuế: 137,37 tỷ đồng;

2.4- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2025 dự kiến: 9% vốn điều lệ.

3- Thu nhập bình quân: gián tiếp: 18,68 triệu đồng/người/tháng; trực tiếp là: 6,02 triệu đồng/người/tháng.

II. Các chỉ tiêu đầu tư năm 2025:

1. Đầu tư vườn cây KTCB: 22,83 tỷ đồng, trong đó:

- Cao su 9,37 tỷ đồng, với diện tích 387,04 ha, chi phí đầu tư bình quân là 24.213.814 đồng/ha.

- Sầu riêng trồng mới tại Daklaoruco: 5,44 tỷ đồng với 30,48 ha, chi phí đầu tư bình quân là 178.520.867 đồng/ha.

- Sầu riêng: 8,02 tỷ đồng, tương ứng với diện tích 62,25 ha, chi phí đầu tư bình quân 128.814.585 đồng/ha.

2. Đầu tư XDCB:

Tổng mức đầu tư năm 2025 là: **51,19 tỷ đồng**, trong đó Công ty TNHH CNC DRI: 1,49 tỷ đồng; Daklaoruco: 49,70 tỷ đồng.

Trên đây là Tờ trình của HĐQT Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên; *ih*
- BKS;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Lương

Số: 07/TT-ĐHQT

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH
V/v Phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2024

Kính thưa Quý cổ đông!

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
 - Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk được ĐHDCĐ thường niên năm 2023 thông qua;
 - Căn cứ Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;
 - Căn cứ Nghị quyết số: 03/NQ-HĐQT ngày 28/3/2025 của HĐQT Công ty.
- Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1. Lợi nhuận năm 2023 chuyển sang	0	Theo NQ ĐHDCĐ 2024 thông qua
2. Lợi nhuận sau thuế năm 2024	110.402.881.474	Theo BCTC 2024 đã kiểm toán
3. Lợi nhuận không chia	5.991.447.274	Lợi nhuận Công ty con bù trừ lỗ lũy kế, cổ tức của cổ đông không kiểm soát, trích lập các quỹ tại công ty.
4. Lợi nhuận hợp nhất chưa phân phối đến ngày 31/12/2024: 4=(1+2-3)	104.411.434.200	
5. Trích lập quỹ: 5=(5.1+5.2+5.3)	21.530.286.840	
5.1 Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 10%	10.441.143.420	10% LN được chia
5.2 Trích quỹ đầu tư, phát triển 10%	10.441.143.420	10% LN được chia
5.3 Trích quỹ thưởng Người quản lý	648.000.000	Theo điểm a, mục 2 điều 18 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH
6. Lợi nhuận còn lại sau trích quỹ 6=(4-5)	82.881.147.360	
7. Cổ tức năm 2024 dự kiến 9% VDL	65.880.000.000	9% vốn điều lệ
8. Trích thuế thu nhập chuyển LN từ Lào về Việt Nam	8.048.119.409	10% LN dự kiến chuyển về (dự kiến thuế 7,16 tỷ LAK theo bảng kê).
9. Lợi nhuận sau thuế còn lại: 9=(6-7-8)	8.953.027.951	Số này sẽ chia cho cổ đông vào năm 2026.

(Số liệu theo BCTC hợp nhất 2024)

Mức cổ tức đề nghị tăng từ 6% kế hoạch lên 9% do lợi nhuận của Công ty đạt kỳ vọng

- Đã tạm ứng cổ tức 2024 : 4%
- Cổ tức còn lại : 5% tương đương 500 VNĐ/cổ phiếu
- Thời gian chi cổ tức : Dự kiến từ 15/7/2025-15/8/2025

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

- Nơi nhận:
- ĐHCĐ TN 2025;
 - HĐQT; BKS;
 - Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 60012717
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ CAO SU
ĐẮK LẮK
T. BUN MATHUOT - T. ĐẮK LẮK

Nguyễn Việt Lương

Số: 08/TTr-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH
V/v Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2025

Kính thưa Quý Cổ đông,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ Quy định về Quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số: 03/NQ-HĐQT ngày 28/03/2025 của HĐQT Công ty;

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về thực hiện chi phí thù lao của HĐQT, BKS năm 2024 và dự kiến mức thù lao của HĐQT và BKS 2025 như sau:

1- Kết quả thực hiện năm 2024 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024:

- Tổng quỹ thù lao theo kế hoạch : 777,6 triệu đồng;
- Thực tế chi trả : 705,66 triệu đồng;
- %TH/KH : 90,75%

Mức thù lao trên được áp dụng cho người quản lý không chuyên trách (TV HĐQT không điều hành (06 người) và thành viên BKS (03 người));

2- Dự kiến thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2025:

Năm 2025 theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025, thù lao chi trả cho người quản lý không chuyên trách (TV HĐQT không điều hành 7 người và thành viên BKS 3 người) được xác định bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của thành viên quản lý chuyên trách thì tổng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách là 864 triệu đồng cao hơn mức thực hiện của năm 2024, do lợi nhuận Kế hoạch năm 2025 trên 137 tỷ đồng và năng suất lao động dự kiến tăng 18,19% so với năm 2024. Thù lao này được tính vào chi phí sản xuất năm 2025.

Vậy đề nghị ĐHĐCĐ thống nhất mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2025 là 864 triệu đồng.

Kính trình ĐHĐCĐ!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- TV HĐQT; BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CAO SU ĐẮK LẮK
(DRI)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09.../TTTr-HDQT

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Kính thưa Quý Cổ đông,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ công bố Danh sách các Công ty Kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán các Tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 19/4/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HDQT ngày 28/3/2025 của HDQT Công ty;

Hội đồng quản trị xét thấy các Công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C;
2. Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.
3. Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Có đủ năng lực và kinh nghiệm để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty; Hai Công ty Tư vấn A&C, Công ty AFC Việt Nam đã từng kiểm toán Công ty những năm trước đây nên hiểu về đặc thù ngành nghề kinh doanh của Công ty. Riêng Công ty KPMG Việt Nam mong muốn sẽ hợp tác và tư vấn chuyển đổi BCTC theo FIRS cho năm sau.

Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HDQT và Ban kiểm soát lựa chọn 01 trong các Công ty kiểm toán nói trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2025;
- TV HDQT; BKS;
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Tường

Số: 10 /TTr-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 03 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v thông qua các hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Mục r Khoản 2 Điều 15 và Khoản 3 Điều 49 của Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 19/4/2023;
- Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI) kính trình ĐHĐCĐ thường niên 2025 xem xét thông qua việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với bên có liên quan thuộc thẩm quyền chấp thuận của ĐHĐCĐ, cụ thể:

1. Thông qua chủ trương ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty DRI có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính công bố tại thời điểm gần nhất.

- Đối tượng ký kết hợp đồng, giao dịch: Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (công ty con do DRI đầu tư 100% vốn); Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk (Công ty là cổ đông lớn); Công ty TNHH NN Công nghệ cao DRI (công ty con do DRI đầu tư 83,87% vốn).

- Nội dung ký kết hợp đồng, giao dịch: các hợp đồng mua bán vật tư, thiết bị, thành phẩm, vay, cho vay, bảo lãnh... theo giá trị tại từng thời điểm và từng hợp đồng cụ thể trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và tuân thủ quy định của Công ty và pháp luật.

2. Thời gian thực hiện các hợp đồng, giao dịch: từ ngày Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua các nội dung nêu trên có hiệu lực cho đến khi ĐHĐCĐ có Nghị quyết mới thay thế.

3. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty quyết định thông qua, hoặc ký kết thực hiện từng hợp đồng, giao dịch cụ thể căn cứ theo tình hình thực tế của Công ty. Ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2025 thông qua đến khi ĐHĐCĐ có Nghị quyết mới thay thế và không bị giới hạn bởi thời hạn 01 năm.

Căn cứ vào nội dung nêu trên, HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2025 xem xét, thông qua.

Kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT.



Nguyễn Việt Trường

Số: 4 /TTr-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Phê duyệt Dự án tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cây cao su của Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Nước CHDCND Lào

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24 tháng 2 năm 2012;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk được thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2023;
- Căn cứ Nghị quyết số: 12/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024; Nghị quyết số: 03/NQ-HĐQT, ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Dự án tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cao su tại Daklaoruco như sau:

1. Cơ sở pháp lý:

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024 của cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk năm 2024 thông qua thay đổi diện tích, lộ trình thanh lý vườn cây tái canh tại Daklaoruco.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 20/01/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Thống nhất thuê đơn vị tư vấn lập Dự án tái canh cây cao su và phê duyệt Tổng kinh phí thuê đơn vị tư vấn.
- Căn cứ Dự án tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cây cao su của Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Nước CHDCND Lào do đơn vị Tư vấn lập.

2. Thông qua Dự án tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cây cao su của Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Nước CHDCND Lào, cụ thể:

- Tên dự án: **Dự án tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cây cao su của Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.**
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH cao su Đắk Lắk
- Đơn vị thực hiện: Công ty TNHH cao su Đắk Lắk

- Địa điểm: Nông trường 1, Nông trường 2, Nông trường 3, Nông trường 4, thuộc Tỉnh Champasak và Tỉnh Salavan, Nước CHDCND Lào.

- Thời gian đầu tư: 2025 – 2032; chu kỳ kinh doanh (khai thác mù) 20 năm.

- Quy mô dự án: **4.081,64 ha**

+ Nông trường 1: 1.117,58 ha

+ Nông trường 2: 1.255,41 ha

+ Nông trường 3: 862,84 ha

+ Nông trường 4: 845,81 ha

- Tổng vốn đầu tư (2025-2032): **36.423.300 USD**

Chi tiết các hạng mục đầu tư:

STT	Hạng mục	Thành tiền (USD)	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí đầu tư cho vườn cao su	31.304.138	85,95%
2	Chi phí lãi vay	5.119.162	14,05%
3	Đầu tư TSCĐ khác vườn cây	0	0%
@	Tổng cộng	36.423.300	100%

- Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn tự có của Công ty : 14.510.403 USD (# 40%)

- Vốn vay ngân hàng : 21.912.897 USD (# 60%)

- Hình thức đầu tư: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý và thực hiện dự án

(Đính kèm chi tiết Dự án)

Trên đây là Tờ trình của HĐQT Công ty về Dự án tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cây cao su của Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT; BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Lương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

DỰ THẢO

DỰ ÁN TÁI CANH

**TRỒNG MỚI, CHĂM SÓC, KHAI THÁC 4.081,64 HA CÂY
CAO SU CỦA CÔNG TY TNHH CAO SU ĐẮK LẮK
TẠI NƯỚC CHDCND LÀO**

Chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK



Năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

DỰ ÁN TÁI CANH

**TRỒNG MỚI, CHĂM SÓC, KHAI THÁC 4.081,64 HA CÂY
CAO SU CỦA CÔNG TY TNHH CAO SU ĐẮK LẮK
TẠI NƯỚC CHDCND LÀO**

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

Năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. LÝ DO HÌNH THÀNH DỰ ÁN:	1
II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỀ LẬP DỰ ÁN:	2
CHƯƠNG I.....	4
SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ.....	4
I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG	4
1. Dự báo nhu cầu tiêu thụ cao su.....	4
2. Dự báo tình hình sản xuất cao su thiên nhiên:.....	8
II. NHỮNG ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI KHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CAO SU TẠI LÀO	9
CHƯƠNG II	12
GIỚI THIỆU VÙNG DỰ ÁN.....	12
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN	12
1. Vị trí địa lý.....	12
2. Địa hình	12
3. Khí hậu thời tiết.....	13
4. Thủy văn, nguồn nước	14
5. Thổ nhưỡng.....	15
II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG DỰ ÁN:	15
1. Khái quát kinh tế xã hội.....	15
1.1 Tỉnh Salavan	15
1.1.1. Dân số, dân tộc, lao động.....	15
1.1.2. Kinh tế	16
1.1.3. Xã hội.....	16
1.2 Tỉnh Champasak	17
12.1. Dân số, dân tộc, lao động.....	17
1.2.2. Kinh tế	18
1.2.3. Xã hội.....	19
2. Cơ sở hạ tầng:	20
3. Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty	21
4. Đánh giá vùng dự án.....	23
4.1. Thuận lợi.....	23
4.2. Khó khăn.....	23
CHƯƠNG III	24
GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ, MỤC TIÊU, QUY MÔ DỰ ÁN	24
I. GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ:	24
1. Chủ đầu tư:.....	24
2. Thông tin tên tổ chức kinh tế thành lập tại Lào:.....	24
3. Kết quả sản xuất kinh doanh.....	25
4. Đánh giá chung về kết quả quản lý điều hành SXKD:	26
5. Định hướng sản xuất kinh doanh.....	26
II. MỤC TIÊU, HÌNH THỨC ĐẦU TƯ, QUI MÔ DỰ ÁN:	27
1. Mục tiêu:.....	27
2. Hình thức đầu tư:	28
3. Quy mô đầu tư:	29
CHƯƠNG IV	30
CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ.....	30
I. ĐẦU TƯ NÔNG NGHIỆP	30
1. Phương án sử dụng đất:	30
2. Kế hoạch đầu tư sản xuất kinh doanh:.....	31

3. Giải pháp kỹ thuật và chăm sóc vườn cây:	34
II. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH CƠ SỞ HẠ TẦNG	42
1. Nhà cửa, vật kiến trúc	42
2. Giao thông:	43
3. Hệ thống điện:.....	43
4. Hệ thống cấp, thoát nước:	43
5. Hệ thống thông tin liên lạc:	43
CHƯƠNG V	44
CHƯƠNG TRÌNH SẢN XUẤT.....	44
I. TỔ CHỨC MUA SẴM VẬT TƯ NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO:	44
II. PHƯƠNG ÁN SẢN PHẨM, TỔ CHỨC TIÊU THỤ:	44
III. DỰ KIẾN NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG:	44
CHƯƠNG VI.....	46
TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ SẢN XUẤT.....	46
I. TỔ CHỨC, QUẢN LÝ	46
1. Sơ đồ tổ chức sản xuất - kinh doanh:.....	46
2. Cơ cấu, tổ chức thực hiện:	47
II. BỐ TRÍ LAO ĐỘNG	47
III. CHẾ ĐỘ ĐÀO TẠO	47
1. Chế độ đào tạo:	47
2. Chế độ tiền lương:	48
CHƯƠNG VII	49
TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐẾN CÁC YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG	49
I. Trong giai đoạn khai hoang, trồng và chăm sóc cao su KTCB:	49
II. Những tác động đến môi trường khi dự án đi vào hoạt động:	51
CHƯƠNG VIII	53
PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH.....	53
I. VỐN ĐẦU TƯ	53
1. Nhu cầu vốn đầu tư:.....	53
2. Tiến độ đầu tư:.....	53
II. PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH DOANH:	55
1. Dự kiến doanh thu hàng năm của dự án:	55
2. Dự kiến chi phí:	56
3. Kết quả sản xuất kinh doanh toàn chu kỳ:.....	57
III. CÁC CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN:	58
1. Thời gian hoàn vốn:	58
2. Tỷ suất sinh lời doanh thu (lãi ròng/doanh thu) bình quân toàn chu kỳ dự án:	58
3. Hiện giá thu nhập thuần của dự án – NPV:	58
4. Tỷ suất thu hồi vốn nội bộ của dự án (IRR):	58
5. Đóng góp tài chính của dự án cho ngân sách nhà nước.....	59
IV. KHẢ NĂNG HOÀN TRẢ VỐN VAY ĐẦU TƯ	59
1. Kế hoạch vay:	59
2. Phương án trả nợ vay:.....	60
3. Cân đối nguồn vốn trả nợ vay và lãi vay đầu tư hàng năm	60
V. HIỆU QUẢ VỀ KINH TẾ XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN:	60
1. Đóng góp cho ngân sách nhà nước:	61
2. Hiệu quả kinh tế xã hội:.....	61
3. Hiệu quả môi trường:.....	61
CHƯƠNG IX.....	63
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	63
I. KẾT LUẬN:	63
II. KIẾN NGHỊ:	63

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Bảng dự báo nhu cầu cao su thiên nhiên 2000-2035.....	5
Bảng 2: Dự báo sản lượng sản xuất cao su thiên nhiên thế giới (2000-2035).....	8
Bảng 3: Dự đoán sản lượng của các nước sản xuất cao su thiên nhiên hàng đầu thế giới	8
Bảng 4: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính:.....	25
Bảng 5: Tổng hợp diện tích đầu tư dự án.....	30
Bảng 6: Kế hoạch diện tích trồng tái canh cao su.....	31
Bảng 7: Chi phí đầu tư trồng mới và chăm sóc cao su (01 ha).....	31
Bảng 8: Kế hoạch đầu tư vốn trồng tái canh cao su.....	32
Bảng 9: Kế hoạch đầu tư vốn hàng năm trồng tái canh cao su.....	32
Bảng 10: Kế hoạch diện tích, năng suất, sản lượng khai thác mủ cao su.....	33
Bảng 11: Bảng chỉ tiêu áp dụng phân bón cho cao su	39
Bảng 12: Các hoạt động gây tác động ô nhiễm môi trường thời kỳ khai hoang, trồng và chăm sóc cao su KTCB	49
Bảng 13: Các hoạt động gây tác động ô nhiễm môi trường thời kỳ chăm sóc và khai thác mủ cao su.....	51
Bảng 14: Tổng hợp vốn đầu tư và lãi vay của dự án	53
Bảng 15: Phân kỳ đầu tư dự án năm 2025-2032.....	54
Bảng 16: Phân kỳ đầu tư dự án năm 2033-2039.....	54
Bảng 17: Tổng hợp doanh thu và lợi nhuận hàng năm	55
Bảng 18: Bảng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh cả chu kỳ	57
Bảng 19: Kế hoạch trả nợ vay đầu tư dài hạn	59

PHẦN MỞ ĐẦU

I. LÝ DO HÌNH THÀNH DỰ ÁN:

Cây cao su có nguồn gốc là cây rừng vùng nhiệt đới Amazon, Nam Mỹ. Mủ cao su có đặc tính đàn hồi, không thấm nước nên từ những năm 1900 đã được sử dụng làm nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp, nhiều nhất là trong ngành sản xuất săm lốp xe (ô tô, máy bay...). Mặc dù đã được bổ sung bằng nguồn cao su nhân tạo nhưng cao su thiên nhiên vẫn là nguyên liệu không thể thiếu, nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng theo đà phát triển của kinh tế thế giới.

Đến nay, cùng với việc áp dụng công nghệ chế biến mới, gỗ cao su trở thành một sản phẩm thứ hai quan trọng từ cây cao su, đã nâng cao thêm giá trị kinh tế của cây cao su, góp phần giảm thiểu đáng kể việc khai thác rừng để lấy gỗ, hạn chế những tác hại đến môi trường của nạn phá rừng.

Về mặt môi trường sinh thái, diện tích cây cao su đã góp phần đáng kể cho việc che phủ đất, chống xói mòn. Nhiều nhà nghiên cứu đã chứng minh cây cao su hoàn lại một khối lượng chất dinh dưỡng đáng kể cho đất như cây rừng do bộ lá rụng hàng năm. Cây cao su có nhu cầu phân bón không cao và là cây có khả năng hấp thụ khối lượng khí Các-bô-nic rất lớn. Do vậy, cây cao su đang được xem là một giải pháp để giảm tác hại của hiệu ứng nhà kính do khí thải từ các ngành công nghiệp thải ra môi trường. Nhiều nước trên thế giới đã xác định cây cao su như là một cây rừng, ở Việt Nam, cây cao su hiện đã được coi là cây đa mục đích có thể sử dụng cả cho mục đích nông nghiệp và lâm nghiệp theo như công bố của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 2855/QĐ/BNN-KHCN ngày 17/09/2008.

Với lợi ích to lớn của cây cao su cả về kinh tế, xã hội, môi trường, từ năm 2004 đến nay, Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đắc Lắc đã thực hiện dự án tại các tỉnh Nam Lào đạt hiệu quả cao; Đến nay đã hết chu kỳ khai thác, nhưng công ty hiện đang tiếp tục quản lý và sử dụng theo Hợp đồng tô nhượng đất đã ký kết giữa Công ty TNHH cao su Đắc Lắc với chính phủ Lào. Chính vì vậy công ty tiến hành lập dự án tái canh trồng mới cho vườn cây cao su kém hiệu quả, vườn cây có mật độ cây khai thác thấp do ảnh hưởng mưa lốc làm gãy đổ trong quá trình kinh doanh. Với mục tiêu khai thác hiệu quả tiềm năng sử dụng đất, ổn định diện tích vườn cây cao su của công ty, tạo nguồn nguyên liệu tập trung để gắn sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến để mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Để thực hiện chủ trương của Chính phủ hai nước với các hiệp định hợp tác kinh tế về phát triển cây cao su, sử dụng hợp lý có hiệu quả tài nguyên đất,

ổn định và phát triển diện tích cao su trên địa bàn các tỉnh nam Lào, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đăk Lăk (DRI) hiện đang giao Công ty TNHH Cao su Đăk Lăk quản lý 8.605,76 ha cao su, 577.93 ha điều và các loại cây khác trên địa bàn các tỉnh Nam Lào, trong đó có một số diện tích vườn cây cao su sinh trưởng kém, mật độ thưa thớt do gãy đổ và không còn hiệu quả khai thác. Chính vì vậy, rất cần thiết để công ty đã tiến hành thanh lý vườn cây và thực hiện trồng tái canh cao su từ năm 2025 – 2032. Để triển khai phù hợp với thực tế đầu tư hiện nay và cân đối nguồn vốn để đầu tư cho vườn cây trong giai đoạn tiếp theo. Công ty cổ phần đầu tư Cao su Đăk Lăk (DRI) tiến hành Lập dự án tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cây cao su của Công ty TNHH Cao su Đăk Lăk tại nước CHDCND Lào.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP DỰ ÁN:

- Luật khuyến khích và quản lý đầu tư nước ngoài tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm 2011 và 2014.
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật;
- Giấy phép đầu tư nước ngoài số 111-04/UBH của Ủy Ban Kế Hoạch và Đầu Tư nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào, cấp ngày 06/12/2004.
- Giấy phép số 2488/GP ngày 22/06/2005 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư nước CHXHCN Việt Nam về “Cho phép Công ty Cao su Đăk Lăk thành lập và đầu tư tại các tỉnh Salavan và Champasak tại nước CHDCND Lào”.
- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 2488/BKH-ĐTRNN/DDC3 cấp ngày 25/12/2014 của Bộ Kế hoạch và đầu tư Nước CHXHCN Việt Nam.
- Giấy đăng ký tô nhượng (Sửa đổi lần 4) số: 016-16/KĐ/ĐT4 ngày 30/3/2016 của Bộ kế hoạch và đầu tư nước CHDCND Lào, cấp cho Công ty TNHH Cao su Đăk Lăk.
- Quyết định số 4689/QĐ-BNN-TT ngày 01/12/2021 “Ban hành quy trình kỹ thuật cây cao su ” của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Hợp đồng tô nhượng đất nhà nước để tiến hành dự án trồng Cao su và cây công nghiệp tại tỉnh Champasak và tỉnh Salavan ngày 31/11/2009; Các văn bản, chính sách đã ban hành của 2 tỉnh Champasak và Salavan liên quan đến hợp đồng thuê đất phát triển dự án trồng Cao su của Công ty.

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;

- Nghị quyết số: 10/NQ-HĐQT ngày 30/12/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk;

- Biên bản đã ký giữa đại diện của Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk, Sở Nông Lâm nghiệp tỉnh Champasak và vườn Quốc gia Dong Hua Sao ngày 08/9/2023 về “ xác định diện tích chông lán, Quy định đơn giá nộp nghĩa vụ và thời hạn hợp đồng trong việc quản lý, cấp giấy chứng nhận vườn cây... tại Vườn quốc gia Dong Hua Sao”;

- Biên bản đã ký giữa đại diện của Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk, Sở Nông Lâm nghiệp tỉnh Champasak ngày 03/07/2024 về việc quản lý, bảo vệ rừng quốc gia Dong Hua Sao tỉnh Champasak (Vị trí đất cho sử dụng, quy định nộp nghĩa vụ và thời hạn thuê đất).

- Kết quả điều tra, đánh giá hiện trạng sử dụng đất của Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (Daklaoruco) tháng 6 năm 2023;

- Quy trình kỹ thuật cây cao su được ban hành kèm theo Quyết định số 4689/QĐ-BNN-TT ngày 01/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

CHƯƠNG I

SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG

1. Dự báo nhu cầu tiêu thụ cao su

Việc dự báo nhu cầu tiêu thụ rất quan trọng để hoạch định chiến lược phát triển cao su thiên nhiên. Trong lịch sử, giá cao su thiên nhiên luôn bị điều tiết bởi nhu cầu, chứ không chịu ảnh hưởng nhiều bởi nguồn cung. Nhu cầu từ ngành công nghiệp sản xuất lốp xe chiếm 60 – 70% sản lượng cao su là yếu tố chính tác động tới thị trường cao su thế giới.

1.1. Nhu cầu thế giới:

Nhu cầu tiêu thụ cao su thiên nhiên trên thế giới từ nay đến năm 2035 được nhiều tổ chức Quốc tế nghiên cứu và dự đoán sẽ tăng liên tục theo nhịp độ phát triển kinh tế, đà tăng dân số thế giới cũng như mức sống xã hội kéo theo sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành chế tạo vỏ, lốp xe và các ngành công nghiệp khác sử dụng nguyên liệu cao su thiên nhiên.

Cao su là một loại vật liệu polymer có tính đàn hồi, chịu ma sát, chịu nén và lâu hỏng nên có nhiều ứng dụng như sản xuất vỏ, ruột xe, các chi tiết trong xe hơi, dụng cụ y tế, găng tay, băng tải, dây đai, nệm, giày dép, đồ chơi... Có đến 70% sản lượng cao su được sử dụng làm vỏ, ruột xe. Vì thế, phát triển công nghiệp cao su phụ thuộc rất nhiều vào tăng trưởng của ngành công nghiệp ô tô. Trong nhiều thập niên sắp tới, với đà tăng trưởng nhanh chóng của những nền kinh tế mới nổi chiếm phần lớn dân số thế giới như Trung Quốc, Ấn Độ và các nước Châu Á, Đông Âu và các nước Nam Mỹ khác, nhu cầu về vỏ lốp xe hơi sẽ tăng lên rất lớn. Trong những thập niên sắp tới, với đà tăng trưởng nhanh chóng của những nền kinh tế lớn mới nổi và đông dân nhất thế giới như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil và các nước Châu Á, Đông Âu và Nam Mỹ khác, nhu cầu về vỏ lốp xe sẽ tăng lên rất lớn. Ở khu vực các nước phát triển, nhu cầu cao su thiên nhiên để sản xuất lốp máy bay và xe đua cũng gia tăng vì các nước này cung cấp phần lớn sản phẩm này cho toàn thế giới.

Trong bối cảnh tình hình chính trị tại khu vực và các nước cung cấp dầu mỏ thiếu ổn định, tài nguyên dầu mỏ ngày càng cạn kiệt, giá dầu mỏ tăng cao, lên xuống thất thường, nguyên liệu sản xuất cao su nhân tạo từ nguyên liệu dầu mỏ khó khăn, càng làm nhu cầu cao su thiên nhiên tăng nhanh. Dự báo nhu cầu cao su thiên nhiên và nhân tạo đến năm 2035 theo bảng sau:

Bảng 1: Bảng dự báo nhu cầu cao su thiên nhiên 2000-2035

Đvt: 1.000 tấn

Sản phẩm	2000	2005	2010	2015	2020	2025	2030	2035
1-Dùng sx vỏ xe	9.827	11.164	12.688	14.267	15.838	17.428	19.032	20.651
2-Sản phẩm khác	6.081	6.758	7.476	8.103	8.734	9.394	10.091	10.651
3-Csu thiên nhiên	7.204	8.493	9.528	10.601	11.681	12.784	13.893	15.027
4-Csu nhân tạo	8.164	9.429	10.627	11.770	12.891	14.038	15.158	16.275
Tổng (3+4)	15.368	17.922	20.155	22.370	24.572	26.821	29.050	31.301

Nguồn: LMC international and Pro Forest, 5/2005 (Rubber Eco project of IRSG.)

- Tỷ lệ sử dụng cao su thiên nhiên trong tổng lượng cao su tiêu thụ được phục hồi từ năm 1990 đến nay, nâng từ mức 30% năm 1980 lên 35% năm 1990 và đến nay là 42 - 45%. Giá dầu thô tăng cao liên tục làm ảnh hưởng đến giá cao su tổng hợp, do đó nhiều nhà công nghiệp đã tìm lại nguồn cao su thiên nhiên để thay thế. Mặt khác quan điểm bảo vệ môi trường cũng nâng đỡ việc gia tăng sử dụng các nguồn nguyên liệu sinh học.

- Ngành cao su thế giới hiện đang trong giai đoạn thiếu cung nhẹ. Theo ước tính của Hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC), trong năm 2023, sản lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên đạt 15,50 triệu tấn, tăng 9,1% so với năm 2022; trong khi đó, sản lượng khai thác chỉ tăng 3,4%, đạt 15,14 triệu tấn. Điều này khiến thị trường toàn cầu thiếu hụt khoảng 0,36 triệu tấn.

- Ước tính mới nhất của hãng chứng khoán Phú Hưng Securities (PHS) cho thấy, thị trường cao su thế giới trong giai đoạn 2024 - 2025 sẽ còn tiếp tục thâm hụt thêm khoảng 0,6 - 0,8 triệu tấn/năm khi sản lượng không theo kịp nhu cầu sử dụng. Cụ thể, với đà hồi phục nhu cầu tiêu thụ diễn ra từ nửa cuối năm 2023, PHS dự báo nhu cầu tiêu thụ cao su thiên nhiên toàn cầu trong giai đoạn 2024 - 2025 sẽ tăng trưởng với tốc độ trung bình 4 - 6% khi các lĩnh vực tiêu thụ chính như sản xuất lốp xe ô tô và trang thiết bị y tế tăng trưởng mạnh mẽ. Đáng chú ý, hãng sản xuất lốp xe hàng đầu thế giới Michelin cho biết, mức tiêu thụ lốp xe nguyên bản (OEM) trên toàn cầu trong năm 2023 đã quay trở lại như mức năm 2019; trong khi, thị trường lốp thay thế vẫn duy trì tăng trưởng ổn định.

- Tính riêng tại Trung Quốc - nơi tiêu thụ 40% tổng sản lượng cao su thiên nhiên toàn cầu, sản lượng lốp xe năm 2023 đã “bùng nổ”, tăng 15,5% so với năm 2022 và sản lượng lốp xe xuất khẩu cũng tăng hơn 11%, lên cao nhất 7 năm qua. Một số nhà sản xuất lốp xe lớn tại Trung Quốc cho biết đơn hàng trong năm nay đang ở mức cao và dự kiến sẽ duy trì công suất tối đa. Tương tự, hoạt động sản xuất và xuất khẩu lốp xe của Thái Lan và Ấn Độ trong năm 2023 cũng tăng trưởng tích cực và được dự báo sẽ tiếp tục tăng cao. Trong khi đó, nguồn

cung cao su thiên nhiên toàn cầu dự kiến sẽ chỉ tăng trưởng bình quân khoảng 1 - 3%/năm trong giai đoạn 2024 - 2025. Hiện tăng trưởng nguồn cung từ nhóm các quốc gia, gồm: Bồ Biển Nga, Việt Nam, Ấn Độ và Trung Quốc (chiếm tổng 30% sản lượng cao su thiên nhiên toàn cầu) sẽ đạt mức khai thác tối đa trong vài năm tới đây. Trong khi đó, diện tích canh tác cao su tại Thái Lan và Indonesia (chiếm 51% tổng sản lượng mùn cầu) liên tiếp sụt giảm và chưa có dấu hiệu dừng lại do dịch bệnh trên cây cao su cùng với xu hướng các hộ nông dân chuyển sang trồng các cây công nghiệp khác có hiệu suất kinh tế cao hơn khi việc trồng cây cao su mất từ 5 - 7 năm mới có thể khai thác mùn được.

- Từ đầu năm 2024 đến nay, giá cao su thiên nhiên trên thị trường thế giới đã tăng đáng kể. Chủ yếu do ảnh hưởng bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan, đặc biệt là nhiệt độ cao kéo dài và thời tiết khô hạn do hiện tượng El Niño gây ra tại các khu vực sản xuất chính ở Đông Nam Á. Điều kiện khí hậu không thuận lợi này dẫn đến lượng mưa không đủ, từ đó hạn chế sản lượng cao su nguyên liệu và thắt chặt nguồn cung trên thị trường. Mặc dù thời tiết đã được cải thiện trong thời gian gần đây nhưng cơn bão Yagi trong tháng 9 vừa qua đã tác động nghiêm trọng đến sản xuất cao su tại Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan và Malaysia, ảnh hưởng đến nguồn cung nguyên liệu trong mùa cao điểm. Tại Trung Quốc, siêu bão Yagi đã khiến cho các vùng sản xuất cao su chính của đảo Hải Nam như Lâm Cao và Trùng Mai bị thiệt hại tương đối nặng, làm ảnh hưởng nguồn cung nguyên liệu dự kiến tăng trong mùa cao điểm khiến giá cao su tăng mạnh. Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA) đưa ra dự báo kim ngạch xuất khẩu cao su của nước ta trong năm 2024 sẽ đạt khoảng 3 tỷ USD.

1.2. Nhu cầu trong nước Việt Nam:

Ngành công nghiệp sử dụng nguyên liệu Cao su thiên nhiên trong nước phát triển chưa mạnh, chỉ tiêu thụ khoảng 30% tổng sản lượng cao su, 300.000 tấn cao su được sử dụng trong sản xuất chế biến, còn lại hơn 1 triệu tấn nguyên liệu cao su để xuất khẩu. Việc này đã mở ra một dư địa lớn cho xuất khẩu nguyên liệu cao su, đặc biệt trong bối cảnh nguồn cung cao su toàn cầu tiếp tục thiếu hụt. Trong tương lai cùng với sự phát triển của ngành công nghiệp chế biến cao su, nhu cầu tiêu thụ cao su thiên nhiên trong nước sẽ tăng lên rất nhiều. Những năm gần đây mức tăng trưởng khá, trên 10% hàng năm. Chính phủ đang khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển, đặc biệt đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

Hiện nay, có khoảng hơn 20 doanh nghiệp tại Việt Nam sản xuất lốp xe, chiếm phần lớn thị trường là các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty hoá chất

Việt Nam như Công ty CP Công nghiệp cao su Miền Nam, Công ty CP cao su Đà Nẵng, Công ty cao su Sao Vàng và một số doanh nghiệp liên doanh hoặc vốn nước ngoài. Hiện Việt Nam mới sản xuất được 65-70% nhu cầu lốp ô tô và xe tải trong nước. Sản lượng lốp xe máy 2 bánh và xe đạp được gia tăng và đáp ứng đủ nhu cầu trong nước, đồng thời xuất khẩu sang 1 số nước như Đài Loan, Malaysia, Singapore, Argentina, Brasil, Ý, Pháp, Hy Lạp và 1 số nước Châu Phi. Lốp xe bố chéo đang chiếm đa số trên thị trường VN. Gần đây lốp xe ra-di-an đang tăng trưởng nhờ hệ thống đường xá tại VN được cải thiện, tuy nhiên năng lực sản xuất còn thấp so với nhu cầu. Caosumina chỉ sản xuất khoảng 50.000 lốp xe ra-di-an mỗi năm.

Theo dự báo của Bộ Công Thương, mức tiêu dùng ô tô tại Việt Nam sẽ tiếp tục tăng mạnh trong những năm tới, đặc biệt là khi nhiều hiệp định thương mại tự do song phương (FTA) có hiệu lực. Cụ thể, vào năm 2025, nhu cầu ô tô của Việt Nam sẽ đạt khoảng 800.000 – 900.000 xe và tới năm 2030 sẽ tăng lên 1,5 – 1,8 triệu chiếc. Quy định tăng tỷ trọng xe sản xuất, lắp ráp trong nước sẽ tạo ra dư địa tăng trưởng cho tiêu thụ sản phẩm lốp trong nước. Với tình hình đó, dự báo trong năm nay và các năm tới, doanh số lốp xe ô tô có khả năng tăng trưởng khá, đặc biệt là lốp Radial (sợi mảnh thép).

Theo dự báo, thị trường sản phẩm lốp ô tô đạt giá trị 122 tỷ USD vào năm 2026, với tốc độ CAGR hơn 3% trong giai đoạn dự báo, 2021-2026. Trong bối cảnh này, tốc độ tăng trưởng về giá trị của thị trường sản phẩm lốp Việt Nam được dự báo cao gấp 2 lần so với mức bình quân của thế giới, đồng thời cũng cao hơn mức bình quân 6% của nhóm thị trường đang phát triển.

Ngoài ra còn phải kể đến nhu cầu tiêu thụ gỗ cao su. Gỗ cao su đã và đang có vị thế quan trọng cho cả ngành cao su và ngành gỗ. Trong những năm gần đây, mỗi năm ngành cao su cung ứng ra thị trường khoảng 4,5-5 triệu m³ gỗ. Gỗ cao su cũng đã trở thành nguồn cung gỗ nguyên liệu quan trọng cho ngành gỗ Việt Nam. Nguồn cung này có nguồn gốc từ các vườn cao su thanh lý trong nước, thường từ 25-27 năm sau khi năng suất mủ của cây không còn hiệu quả kinh tế. Lượng gỗ cao su thanh lý cung cấp ra thị trường mỗi năm trong giai đoạn 2018 – 2023 sẽ có sự sụt giảm mạnh, chỉ còn khoảng dưới 50% lượng cung hàng năm trong giai đoạn 2015 – 2017. Năm 2024, khối lượng gỗ thanh lý được dự đoán tăng đột biến so với giai đoạn 2018 – 2023, lên tới 7,3 triệu m³. Giai đoạn 2026 – 2030 lượng gỗ cao su thanh lý thu được mỗi năm sẽ tương đương với trung bình của giai đoạn 2015 – 2017.

2. Dự báo tình hình sản xuất cao su thiên nhiên:

Tổ chức nghiên cứu cao su quốc tế (IRSG) và Công ty LMC International., Ltd Luân Đôn đã thực hiện các nghiên cứu, phân tích và dự báo sản lượng cao su thiên nhiên thế giới đến năm 2035, theo bảng sau:

Bảng 2: Dự báo sản lượng sản xuất cao su thiên nhiên thế giới (2000-2035)

ĐVT: (ngàn tấn)

Năm	1995	2000	2005	2010	2015	2020	2025	2030	2035
S.lượng	6.026	7.017	8.793	9.528	10.601	11.681	12.784	13.893	15.027

Trong đó dự đoán sản lượng của các nước sản xuất cao su thiên nhiên hàng đầu thế giới như sau:

Bảng 3: Dự đoán sản lượng của các nước sản xuất cao su thiên nhiên hàng đầu thế giới

ĐVT: (ngàn tấn)

Năm	2005	2010	2015	2020	2025	2030	2035	% tăng
Thái lan	2.997	3.031	3.163	3.306	3.446	3.645	3.825	1%
Indonesia	1.925	2.175	2.625	3.425	3.775	4.400	4.975	3%
Malaysia	1.219	1.141	1.057	1.000	898	801	693	-2%
Ấn độ	753	847	918	998	1.089	1.173	1.268	2%
Trung Quốc	602	649	709	774	843	917	996	2%
Việt Nam	469	548	634	728	827	936	1.054	3%

Nguồn: LMC International and forest, 5/2005 (Rubber Eco Project of IRSG)

Về nguồn cung, hiệp hội các quốc gia sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC) tiếp tục nâng dự báo thiếu hụt nguồn cung cao su tự nhiên trong năm nay. ANRPC hạ dự báo nguồn cung cao su tự nhiên năm 2024 từ 14,54 triệu/tấn xuống 14,5 triệu/tấn do tác động của điều kiện khí hậu kém thuận lợi trong giai đoạn pha El Nino chuyển sang pha La Nina. Bệnh rụng lá lan rộng tác động tiêu cực đến sản lượng và chất lượng cao su. Người dân trồng cao su tại nhiều nước như Thái Lan, Indonesia và Malaysia chưa sẵn sàng mở rộng diện tích vùng trồng trở lại. Ngoài ra, các quốc gia có nguồn cung cao su lớn đã có chính sách hạn chế sản lượng, hợp tác quản lý nguồn cung giữa các quốc gia để cân đối với thị trường. Thái Lan (chiếm 33% sản lượng thế giới) cắt giảm diện tích đất trồng cao su trong 20 năm tới. Indonesia – đứng thứ 2 về xuất khẩu cao su trên thế giới – có xu hướng chuyển đổi đất trồng cao su sang trồng dầu cọ và các loại nông sản khác có giá trị kinh tế cao hơn.

Về diện tích toàn thế giới khoảng 14,5 triệu ha, trong đó lớn nhất là Indonesia với 3,55 triệu ha. Thứ hai là Thái Lan 2,94 triệu ha. Thứ ba là Malaysia 1,0 triệu ha. Thứ năm là Trung Quốc 800 ngàn ha. Thứ 6 là Ấn độ 650

ngàn ha. Việt Nam xếp thứ 4 về diện tích. Theo Hiệp hội Cao su Việt Nam (VRA), tính tới hết năm 2023 tổng diện tích cây cao su đạt hơn 911,2 nghìn ha, chiếm 6,3%, trong đó diện tích đang thu hoạch đạt gần 723,2 nghìn ha.

Về xuất khẩu cao su thiên nhiên, nhiều năm qua Việt Nam đứng thứ 3 thế giới. Chỉ sau Thái Lan, Indonesia về sản lượng và giá trị xuất khẩu, vượt xa những đối thủ mạnh như Ấn Độ, Malaysia, Trung Quốc... Từ năm 2011 Việt Nam xếp thứ 4 với lượng cao su xuất khẩu ròng là 760 ngàn tấn, sau Thái Lan, Indonesia, Malaysia. Việt Nam chủ yếu chế biến cao su định chuẩn kỹ thuật (SVR), từ mủ nước thu được trên các vườn cao su quy mô lớn, chiếm khoảng 80% sản lượng. SVR 3L hiện nay là sản phẩm chính và chiếm tỷ lệ khoảng 42,9%. Đến năm 2023, cả nước xuất khẩu được 2,14 triệu tấn cao su thiên nhiên.

Ngành cao su Việt Nam đã có quá trình tích lũy kinh nghiệm, vốn, tiến bộ kỹ thuật, tạo được những giống cao sản để phát triển những vườn cao su đạt hiệu quả cao, có lợi thế lớn khi đầu tư phát triển cao su tại các nước láng giềng như Lào, Campuchia. Từ năm 2005 một số dự án trồng cao su tại Lào đã được triển khai; Đến nay riêng Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR) đang quản lý 124.127 ha tại khu vực Lào và Campuchia. Các công ty thành viên VRG không chỉ phát triển sản xuất kinh doanh (SXKD) mà còn đặc biệt chú trọng đến đảm bảo phúc lợi cho người lao động (NLĐ), an sinh xã hội tại vùng dự án. Những năm qua, khu vực Lào duy trì năng suất vườn cây ổn định. Cụ thể: Năm 2019 khai thác 19.872,13 ha, sản lượng 35.072,7 tấn. Năm 2020 khai thác 20.427 ha, sản lượng 36.265,3 tấn. Năm 2021 khai thác 21.161,4 ha, sản lượng 35.752,09 tấn. Năm 2022 khai thác 21.554,4 ha, sản lượng 36.357,9 tấn. Năm 2023 khai thác 22.473,9 ha, sản lượng 33.844,2 tấn.

II. NHỮNG ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI KHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CAO SU TẠI LÀO

Vùng dự án được nối liền với các tỉnh Trung, Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan thông qua các Quốc lộ 13 và 18. Nhất là quốc lộ 18 nối với cửa khẩu quốc tế Bờ Y- Ngọc Hồi của Việt Nam. Vùng dự án nằm trong tam giác phát triển của 3 nước Đông Dương nối với Thái Lan và Myama. Đây là thuận lợi rất lớn để vùng dự án có điều kiện phát triển kinh tế cũng như hội nhập khu vực.

Từ năm 2004, thực hiện Chương trình hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Lào, nhất là chủ trương sang giúp nước bạn Lào, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc (DRI) được cấp phép thực hiện dự án trồng cao su tại bốn tỉnh nam Lào. Từ lúc triển khai dự án công ty đã trải qua những khó khăn, từ tuyên

truyền, vận động đến giải thích, đưa bà con đi tham quan mô hình trồng cao su ở Việt Nam... dần dần bà con đã hiểu ra, tin tưởng ủng hộ công ty triển khai dự án.

Đồng thời được sự quan tâm của Chính phủ, chính quyền các cấp, các ban, ngành nước bạn Lào nên sau 20 năm hoạt động, Công ty TNHH Cao su Đắc Lắc tại Lào bước đầu đã hoàn thành các mục tiêu của dự án, không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cao mà còn góp phần nâng cao đời sống của bà con các bộ tộc Lào trong vùng dự án; đồng thời tô đẹp thêm mối quan hệ mật thiết, son sắt, thủy chung giữa nhân dân hai nước Việt - Lào anh em.

Đặc thù của các tỉnh nam Lào có nhiều thuận lợi như đất đai chủ yếu là đất đỏ Bazan có tầng dày, thoát nước tốt, giàu dinh dưỡng, thời tiết ít gió vào mùa khô, mùa mưa kéo dài đến tám tháng trong năm và độ cao trung bình chỉ 250 -280 m so với mặt nước biển. Nhìn chung điều kiện tự nhiên như khí hậu thời tiết, đất đai phù hợp với sinh lý sinh thái cây cao su và một số loại cây trồng khác như điều, ca cao.... Tuy nhiên chế độ gió trong những tháng mùa khô khá mạnh nên có ảnh hưởng đến việc sinh trưởng của cao su trong thời kỳ kiến thiết có bản.

Được sự ủng hộ của các cấp chính quyền nhân dân trên địa bàn. Quá trình phát triển, cây cao su đã khẳng định được chỗ đứng trong đời sống và làm thay đổi từ nhận thức đến đời sống vật chất của người dân địa phương. Đã giải quyết được việc làm hàng ngàn lao động tại địa phương, qua đó góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của vùng dự án.

Công ty TNHH cao su Đắc Lắc hiện đang quản lý trên 8.605,76 ha cao su. Toàn bộ diện tích trồng cao su nằm trên địa bàn 2 huyện Bachieng và Pathoomphone thuộc tỉnh Champasak và huyện Lao Ngam thuộc tỉnh Salavan gồm 4 nông trường. Đến nay hầu hết vườn cây trồng từ năm 2004-2005 **đã gần hết chu kỳ kinh doanh**, sản lượng của công ty sụt giảm hàng năm. Một trong những giải pháp chính để nâng cao năng suất và sản lượng mủ cao su là thực hiện tái canh cao su là mục tiêu quan trọng của phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Lào trong việc bảo vệ môi trường, nâng cao sản lượng. Với những biện pháp kỹ thuật từ nhiều năm của cán bộ kỹ thuật và công nhân vùng dự án, khâu chọn giống và chăm sóc chu đáo; quá trình tái canh không chỉ giúp duy trì mà còn tăng cường sức sống của cây cao su, từ đó mang lại một nguồn thu nhập ổn định cho công ty. Dự kiến từ năm 2025 trồng mới theo kế hoạch tái canh vườn cao su.

Qua những phân tích thị trường với nhu cầu của thị trường thế giới cũng

như trong nước. Từ những điều kiện thuận lợi trên, bên cạnh chu kỳ thuê đất theo Hợp đồng tô nhượng đất đã ký kết giữa Công ty TNHH cao su Đắc Lắc với chính phủ Lào. Việc đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án trên diện tích đất này là yêu cầu cần thiết để nâng cao được hiệu quả sử dụng đất cũng như tiết kiệm được chi phí đầu tư đến mức thấp nhất. Do đó Công ty Cổ phần **đầu tư** Cao su Đắc Lắc thống nhất “Lập Dự án tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cây cao su của Công ty TNHH Cao su Đắc Lắc tại nước CHDCND Lào”.

CHƯƠNG II

GIỚI THIỆU VÙNG DỰ ÁN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

* Vùng dự án của Công ty nằm trong cao nguyên Bolaven – miền Nam của Lào. Toàn công ty nằm trên địa bàn 2 huyện Bachieng và Pathoomphone thuộc tỉnh Champasak và huyện Lao Ngam thuộc tỉnh Salavan, có tổng diện tích đang quản lý và sử dụng là 10.186,67 ha, gồm 02 khu vực:

- Khu vực 1, tỉnh Champasak (huyện Bachieng và Pathoomphone): vị trí: 14⁰ 59' 24" – 15⁰ 10' 48" vĩ độ Bắc, và 108⁰ 49' 48" – 109⁰ 03' 00" kinh độ Đông; có tổng diện tích đang quản lý và sử dụng là 6.010,56 ha.

- Khu vực 2, tỉnh Salavan (huyện Lao Ngam): 15⁰ 27' 00" – 15⁰ 28' 24" vĩ độ Bắc, 108⁰ 52' 48" – 109⁰ 08' 24" kinh độ Đông; có tổng diện tích đang quản lý và sử dụng là 4.176,11 ha.

Tọa độ địa lý của các đơn vị trực thuộc Công ty

TT	Tên đơn vị	Địa danh (huyện)	Kinh độ (X) Đông		Vĩ Độ (Y) Bắc		Diện tích quản lý, SD (ha)
			Từ	Đến	Từ	Đến	
1	Nông Trường 1	Bachieng	105,909	105,984	15,042	15,144	2.888,33
2	Nông Trường 2	Laongam	105,045	105,955	15,447	15,574	2.478,47
3	Nông Trường 3	Pathumphone	105,912	105,995	14,875	15,002	3.122,23
4	Nông Trường 4	Laongam	106,002	106,144	15,420	15,621	1.697,64

* Vị trí trụ sở các nông trường:

Nông trường 1. Trụ sở tại Bản Maysivilay, huyện Bachieng, tỉnh Champasak;

Nông trường 2. Trụ sở tại Bản Vankhanan, huyện Laongam, tỉnh Salavan;

Nông trường 3. Trụ sở tại Bản Lak 29, huyện Pathumphone, tỉnh Champasak;

Nông trường 4. Trụ sở tại Bản Noong Ke, huyện Laongam, tỉnh Salavan.

2. Địa hình

Vùng dự án của Công ty nằm trên cao nguyên Bolaven có địa hình tương đối bằng phẳng, có mức độ chia mặt đất nhỏ, độ dốc thấp dần từ dãy núi Trường Sơn đến thung lũng sông Mê Kông, có độ cao trung bình 280 mét so với mực nước biển.

Các khu đất dự án có địa hình tương đối bằng phẳng, có độ dốc trung bình từ 3 – 8°, đây là dạng địa hình khá thuận lợi cho việc canh tác nông nghiệp, đặc

biệt là các cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như: cây cao su, điều và các loại cây ăn trái...

3. Khí hậu thời tiết

Khu vực nằm trong vùng nhiệt đới nóng ẩm, mang các đặc điểm: Chia thành 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5-10 và mùa khô từ tháng 10-4 của năm tiếp theo.

* Nhiệt độ:

- Tỉnh Champasak: nhiệt độ trung bình 27,9⁰C đối với mùa mưa 28,17⁰C và mùa khô là 27,55⁰C.

+ Nhiệt độ trung bình cao nhất trong năm 32,5⁰C

+ Nhiệt độ trung bình thấp nhất trong năm 23,2⁰C

- Tỉnh Salavan: nhiệt độ trung bình 24,2⁰C, đối với mùa mưa 27,95⁰C và mùa khô 26,5⁰C.

+ Nhiệt độ trung bình cao nhất trong năm 34,9⁰C

+ Nhiệt độ trung bình thấp nhất trong năm 20,6⁰C

* Độ ẩm:

- Tỉnh Champasak: độ ẩm trung bình 70% trong các tháng của mùa mưa 78,67%, mùa khô 61,5%;

- Tỉnh Salavan: độ ẩm trung bình 77% trong các tháng của mùa mưa 82%, mùa khô 71,5%.

* Lượng mưa:

- Tỉnh Champasak: tổng lượng mưa trong năm khoảng 2.347 mm, số lượng ngày nắng 144 ngày, lượng mưa trung bình các tháng trong mùa mưa 294,35mm/tháng, trung bình trong các tháng mùa khô 11mm/tháng. Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 9, tháng 12 và tháng 1 hầu như không có mưa.

- Tỉnh Salavan: tổng lượng mưa trong năm khoảng 2.452 mm, số lượng ngày nắng 142 ngày, lượng mưa trung bình 380mm/tháng, mùa khô 26mm/tháng.

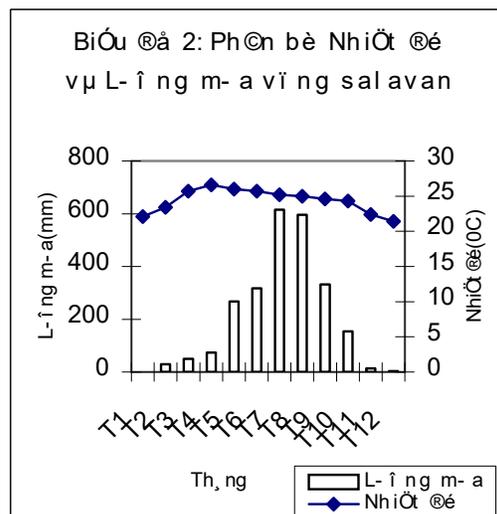
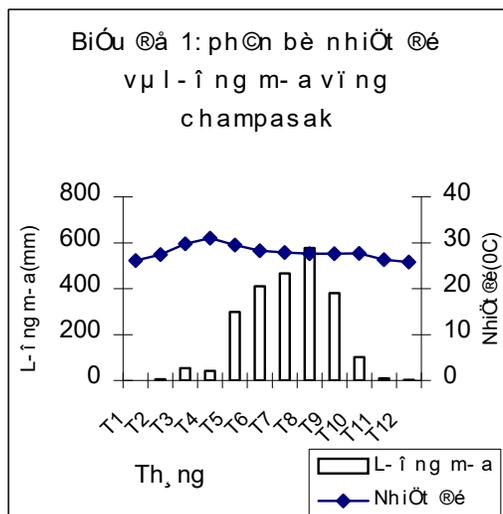
* Tốc độ gió:

Tốc độ gió trung bình 02 m/giây. Hướng gió thay đổi theo mùa và theo từng tháng trong năm, từ tháng 02 đến tháng 09 hàng năm là gió từ hướng Đông Nam và từ tháng 10 đến tháng 01 năm tiếp theo là từ hướng Bắc. Tuy nhiên

trong mùa khô đôi khi có gió mạnh 4-5m/s. Do vậy trong thời gian trồng mới và chăm sóc cần có đai rừng chắn gió.

Tổng hợp một số chỉ tiêu khí tượng 2 tỉnh Salavan & Champasak

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Champasak	Salavan
1	Trung bình nhiệt độ không khí năm	°C	27,9	24,2
2	Trung bình nhiệt độ không khí tối cao	°C	32.2	31.8
3	Trung bình nhiệt độ không khí tối thấp	°C	23.3	16.5
4	Độ ẩm trung bình năm	%	70	75
5	Độ ẩm trung bình các tháng mưa	%	79	81
6	Độ ẩm trung bình các tháng khô	%	62	70
7	Lượng mưa trung bình năm	mm	2.347	2.452
8	Lượng mưa trung bình các tháng mưa	mm	294	380
9	Lượng mưa trung bình các tháng khô	mm	11	26
10	Số ngày mưa	ngày	144	142
11	Chế độ bốc hơi năm	mm	1.137	
12	Chế độ bốc hơi các tháng mưa	mm	58	
13	Chế độ bốc hơi các tháng khô	mm	110	
14	Số giờ nắng	giờ	2.476	2.204



4. Thủy văn, nguồn nước

Cả hai khu vực Champasak và Salavan có hệ thống sông suối tương đối nhiều. Trong đó, tỉnh Salavan có một số suối có lượng nước nhiều trong mùa khô như: suối Ten, suối Tan, suối Păng, còn lại là suối nhỏ thường mùa khô không có nước. Đối với tỉnh Champasak có suối Nặm Om, suối Lu Si là những

suối lớn và có dòng sông Mê Kông chảy qua. Tuy nhiên do đặc điểm khí hậu thời tiết và đất đai nên lượng dòng chảy của 2 mùa rất khác biệt, mùa mưa lượng nước lớn gây ngập úng một số vùng trũng thấp, ngược lại mùa khô thì hầu như khô cạn, lượng dòng chảy trên các sông suối giảm mạnh có nơi khô kiệt .

5. Thổ nhưỡng

Nhìn chung khu vực dự án tại tỉnh Champasak và tỉnh Salavan đều thuộc nhóm đất nâu đỏ phát triển trên đá bazan không những chiếm đa số mà còn có những tính chất như tầng dày sâu và ổn định, phân bố tập trung liên vùng rộng lớn, thành phần cơ giới chủ yếu là sét pha thịt hoặc sét, đất có kết cấu tốt toi xốp thoáng khí, giàu thành phần các chất dinh dưỡng. Đây là những đặc điểm tốt cho việc phát triển các cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày như cao su, cà phê, cao cao, điều, bông vải.

+ Nhóm đất đỏ bazan

Phân bố ở các nông trường 1, 2 và 4: Đất đỏ bazan có tầng đất dày >100cm, có đặc điểm lý và hóa tính như sau:

- Lý tính: đất có thành phần cơ giới sét hoặc sét pha thịt, tỷ lệ sét từ 60% trở lên, đất có kết cấu viên, toi xốp khá cho nên đất có khả năng giữ ẩm tốt.

- Hóa tính: đất có tầng mặt hơi chua pH_{H_2O} từ 5,2 đến 5,5; hàm lượng cacbon, đạm, lân ở mức cao, kali tổng số và lân dễ tiêu ở mức trung bình; các chất trao đổi như canxi, magie và các cation trao đổi đều ở mức trung bình.

+ Nhóm đất cát pha

Phân bố chủ yếu ở Nông trường 3: Đất có tỷ lệ sét thấp nên có đặc điểm: thấm nước nhanh, giữ nước kém, dễ bị khô hạn, thoáng khí, chất hữu cơ bị phân giải và rửa trôi nhanh, tỷ lệ mùn trong đất thấp.

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG DỰ ÁN:

1. Khái quát kinh tế xã hội

1.1 Tỉnh Salavan

Tình hình phát triển kinh tế chủ yếu dựa vào nông lâm nghiệp; các ngành công nghiệp, thương mại dịch vụ hầu như chưa phát triển, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, cơ sở kinh tế văn hoá, giáo dục y tế còn thiếu, cơ sở hạ tầng chưa phát triển. Vùng dự án nằm xa trung tâm tỉnh Salavan là vùng dân cư thưa thớt chậm phát triển, tuy nhiên đất đai khá thuận lợi cho việc phát triển cao su.

1.1.1. Dân số, dân tộc, lao động

- Toàn tỉnh có 10 dân tộc, gồm các nhóm dân tộc chính: Lao Lum, Lao Thâng; Có 02 tôn giáo chính: Phật giáo và Thiên chúa giáo;

- Tổng dân số: 424.808 người. trong đó: dân số nữ: 214.379 người;

- Lao động trong độ tuổi lao động 317.538 người. trong đó: lao động nữ 162.261 người.

1.1.2. Kinh tế

+ Nông Lâm nghiệp

Cơ cấu các ngành nông lâm nghiệp bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy lợi. Tập trung sản xuất đáp ứng nhu cầu cung cấp lương thực, một số mặt hàng được xuất khẩu trong đó: gạo đạt 1,9 triệu tấn, bằng 88% kế hoạch so với 5 năm trước, tăng 13%; Cà phê đạt 130 nghìn tấn, bằng 77% kế hoạch; khoai lang đạt 116 nghìn tấn, gấp hơn 2 lần kế hoạch; sắn đạt 2,8 triệu tấn tăng gấp 3 lần; bắp đạt 79 nghìn tấn vượt kế hoạch gấp 2 lần. Ngoài ra đã đẩy mạnh phát triển trên diện rộng về chăn nuôi cá, bò và lợn...

Hoạt động lâm nghiệp: tỉnh đã và đang thực hiện các hoạt động bảo vệ, khôi phục, phát triển rừng nhằm giữ gìn, bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động môi trường liên quan đến rừng. Chú trọng quản lý 3 loại rừng: rừng bảo tồn, rừng sản xuất và rừng phòng hộ, trồng mới 40.449 ha với tỷ lệ che phủ rừng là 300 nghìn ha, chiếm 62% trong 3 loại rừng.

+ Công nghiệp

Có 533 nhà máy công nghiệp tăng 47 nhà máy so với 5 năm trước. Tổng giá trị sản phẩm công nghiệp chế biến và thủ công nghiệp đạt 1.700 tỷ kip vượt 12% kế hoạch, giao dịch hàng hóa đạt 7.652 tỷ kip vượt 42% kế hoạch, giá trị xuất khẩu 1.853 tỷ kip, vượt 69% kế hoạch, kiểm tra, giám sát - quản lý giá cả hàng hóa ở mức bình thường.

+ Năng lượng - Khai thác mỏ

Sản xuất được 2.244 triệu KWh điện, tăng 11% so với 5 năm trước, so với kế hoạch vượt 2,2%, mở rộng điện lưới 126 bản, 8 huyện đều được sử dụng 100% điện. Khai thác than đá được 480 nghìn tấn, đá vôi được 1.650 nghìn tấn, đất nung được 150 nghìn tấn, đá xây dựng 70 nghìn tấn.

1.1.3. Xã hội

+ Giáo dục và thể thao

Hệ thống giáo dục được phát triển và mở rộng, chất lượng giáo dục được nâng cao. Vấn đề thiếu giáo viên được giải quyết ở mức khá, tỉnh đã chính thức

công bố hoàn thành giáo dục trung học bổ túc (tính thứ 7 trong cả nước). Toàn tỉnh có 785 trường học. Trong đó:

- Giáo dục mầm non: Toàn Tỉnh có 84 trường mẫu giáo công lập và tư nhân (03 trường tư nhân). Tổng học sinh 11.963 người, nữ là 6.036 người. Tổng giáo viên là 534 người, nữ là 523 người.

- Giáo dục tiểu học: Tổng số trường tiểu học của toàn Tỉnh là 605 trường công lập. Tổng số học sinh 51.388 người, nữ 24.735 người. Tổng số giáo viên 2.208 người, nữ 1.182 người.

- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông: Tổng số trường trung học cơ sở của toàn Tỉnh là 94 trường (cấp 2 và liên trường cấp 2-3). Tổng số học sinh 29.499 người, nữ 14.029 người. Tổng số giáo viên 1.594 người, nữ 804 người.

- Dạy nghề: Toàn tỉnh có 02 trường dạy nghề (01 trường tư nhân). Tổng học viên 853 người, nữ 230. Tổng số giáo viên 66 người, nữ 17 người.

- Ngoài ra tỉnh Salavan còn có trường 1 trường cao đẳng sư phạm, 01 trung tâm tiếng Việt và 01 trung tâm ICT.

- + Y tế: Tập trung nâng cấp chất lượng và mở rộng các dịch vụ đa dạng như: dịch vụ miễn phí, khuyến khích, giám sát việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững SDG (The Sustainable Development Goals).

- + Văn hóa và du lịch:

- Thành lập 19.720 gia đình văn hóa, thành lập 203 bản văn hóa, thành lập phòng ban gương mẫu cấp tỉnh được 10 phòng ban và huyện 39 phòng ban;

- Đã đầu tư nhiều kinh phí để phát triển các điểm du lịch hiện đại, đặc biệt là điểm du lịch tự nhiên Phu Pha Suk, nơi có hang động đẹp với các khối đá sáng bóng lấp lánh. Chiều dài của hang theo khảo sát ban đầu là hơn 7km, xung quanh là rừng tự nhiên. Tỉnh đã xây dựng một số cơ sở hạ tầng như đường, điện, hồ chứa nước, ao cá, các chòi ngắm phong cảnh... Đồng thời, cải tạo, nâng cấp các nguồn du lịch tự nhiên tiềm năng như: thác Lo, Keng Ku, Pak Set và các điểm du lịch trên địa bàn huyện... Tổng cộng có 490 nghìn lượt khách du lịch đến tham quan, tạo nguồn thu trực tiếp và gián tiếp hơn 69 triệu USD.

1.2. Tỉnh Champasak

Tỉnh có nền kinh tế khá phát triển vùng dự án gần với các khu dân cư và các tuyến đường nối trung tâm kinh tế Champasak với các tỉnh Salavan, Sê Kông ở phía Đông và tỉnh Savanakhét ở phía Bắc.

12.1. Dân số, dân tộc, lao động

- Toàn tỉnh có 22 dân tộc, gồm các nhóm dân tộc chính: Lao Lum, Lao Thâng, Lao Suông;
- Có 02 tôn giáo chính: Phật giáo và Thiên chúa giáo;
- Tổng dân số: 705.876 người. Trong đó: dân số nữ: 355.130 người;
- Tình hình lao động trong tuổi làm việc: tổng số lao động là 554.346 người, trong đó: ngành nông nghiệp: 335.729 người chiếm 61%; ngành công nghiệp: 60.080 người chiếm 11%; ngành dịch vụ 132.562 người chiếm 24%; thất nghiệp ở mức 5% tương đương với 25.975 người, so với cùng kỳ năm 2023 tăng 21,36% tương đương với 4.572 người.

1.2.2. Kinh tế

Nhìn chung nền kinh tế xã hội của tỉnh có nhu hướng phát triển tốt, duy trì được trật tự an ninh xã hội và chính trị, tạo giá trị sản phẩm trong nước đạt **42.993,11** tỷ kíp, vượt kế hoạch 17,2%. Mức phát triển đạt tới mức 6% vượt kế hoạch 0,6%. Bình quân trên đầu người là 2.532 USD trên người.

Tổng giá trị sản phẩm trong nước năm 2024 đạt 42.993,11 tỷ. Tỷ lệ phát triển của tỉnh ở mức 6,1%. Trong đó: Ngành nông nghiệp chiếm: 32,59%; Ngành công nghiệp chiếm: 23,58%; Ngành dịch vụ chiếm: 43,83% của GDP.

Tình hình xuất khẩu: Thực hiện được 434,58 triệu USD. Hàng xuất khẩu chủ yếu là nông sản (nguyên liệu), rau quả và sản phẩm công nghiệp chế biến. Tình hình nhập khẩu: thực hiện được 377,76 triệu USD. Hàng nhập khẩu chủ yếu được nhập khẩu để tiêu thụ như: lương thực, thực phẩm, dụng cụ văn phòng phẩm, vật tư phục vụ sản xuất, đồ điện tử, phương tiện và phụ tùng.

Tình hình thu vào ngân sách nhà nước: thực hiện được 3.075,18 tỷ kíp. Đối với công tác sử dụng ngân sách đã thực hiện 968,3 tỷ kíp/kế hoạch 760,76 tỷ kíp.

+ Nông lâm nghiệp

Cơ cấu các ngành nông lâm nghiệp bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy lợi:

- Trồng trọt: gồm cây lương thực, cây ăn trái và cây công nghiệp: Cây lương thực: với diện tích 70.586 ha, sản lượng đạt 1.434.977 tấn; Cây lúa với 2 vụ trong năm (vụ Đông Xuân và vụ Hè Thu); Rau, củ, quả: diện tích 26.640 ha, với sản lượng đạt 116.101 tấn; Các loại cây chính là cây Cà phê: diện tích thu hoạch 49.080 ha, đạt 452.662 tấn hạt đỏ tương đương với 214.597 tấn hạt nhân. Cao su: diện tích thu hoạch 29.424 ha, sản lượng 147.120 tấn (mủ nước). Cây ăn

trái: diện tích 12.234ha, sản lượng 85.800 tấn. Các loại cây chính như: bơ, sầu riêng, nhãn, chôm chôm...

- Chăn nuôi: gồm chăn nuôi gia súc (lợn, bò, cừu,...), gia cầm (gà công nghiệp, vịt, chim cút...). Sản lượng đạt 47.296 tấn;

- Lâm nghiệp: với diện tích 1.062.648 ha rừng, tỉnh đã và đang thực hiện các hoạt động bảo vệ, khôi phục, phát triển rừng nhằm giữ gìn, bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động môi trường liên quan đến rừng;

+ Công nghiệp - Thương mại:

- Tổng giá trị thu mua sản phẩm trong nước: 21.374,4 tỷ kíp, tăng 8,4 % so với cùng kỳ, đạt kế hoạch đề ra 99,5%.

- Tổng sản phẩm chế biến và thủ công thực hiện được 6.421,68 tỷ kíp, so với cùng kỳ tăng 13% vượt kế hoạch đề ra 8,7%. Tổng giá trị tiêu thụ sản phẩm công nghiệp – thủ công: 8.575,53 tỷ kíp, tăng 12% so với cùng kỳ, vượt kế hoạch 7,5%.

- Tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa: 283,81 triệu USD, Trong đó: Xuất khẩu cao su cốm: đạt 64,93 triệu USD; Xuất khẩu cà phê thành phẩm: đạt 4,05 triệu USD; Xuất khẩu gạo (nếp): đạt 9,92 triệu USD; Xuất khẩu lâm sản khác: đạt 4,18 triệu USD.

1.2.3. Xã hội

+ Giáo dục

- Giáo dục mầm non: Năm học 2019-2020, toàn tỉnh có 273 cơ sở giữ trẻ và trường mẫu giáo công lập và tư nhân; Tổng số lớp học là 749 lớp. Tổng học sinh 17.987 người, nữ là 8.981 người. Tổng giáo viên là 217 người, nữ là 212 người.

- Giáo dục tiểu học: Tổng số trường tiểu học của toàn Tỉnh là 748 trường công lập và tư nhân; Tổng số lớp học 2.882 lớp. Tổng số học sinh 76.984 người, nữ 37.624 người. Tổng số giáo viên 3.041 người, nữ 1.982 người.

- Giáo dục trung học cơ sở: Tổng số trường trung học cơ sở của toàn Tỉnh là 167 trường (cấp 2 và liên trường cấp 2-3); Tổng số lớp học 1.720 lớp. Tổng số học sinh 52.530 người, nữ 26.072 người. Tổng số giáo viên 3.428 người, nữ 2.009 người.

- Giáo dục trung học phổ thông: Tổng số trường trung học phổ thông của toàn tỉnh là 82 trường; Tổng số lớp học 1.161 lớp. Tổng số học sinh 35.065 người, nữ 17.769 người. Tổng số giáo viên 1.292 người, nữ 700 người.

- Dạy nghề: Toàn tỉnh có 33 cơ sở dạy nghề, trung tâm tiếng Anh, trung

tâm Tin học.

- Giáo dục bậc cao: Toàn tỉnh có 10 cơ sở giáo dục bậc cao (đại học, cao đẳng) thuộc khối công lập và tư nhân; Tỉnh có 01 trường đại học (Trường đại học Champasak - Km 7 - thành phố Pakse - tỉnh Champasak).

+ Văn hoá

Hoạt động văn hoá: chủ động khôi phục và nâng cao nền văn hoá dân tộc mang tính dân tộc, tiến bộ. Tạo dựng gia đình văn hoá được 1.000 hộ gia đình, bản văn hoá được 10 bản;

Hoạt động du lịch: Tập trung cải thiện, cung cấp thông tin du lịch cho du khách trong và ngoài nước, quảng bá sản phẩm du lịch tỉnh Champasak tại các triển lãm khác nhau, chú trọng quy hoạch, phát triển và quản lý các dịch vụ du lịch để từng bước hoàn thiện, đặc biệt là huy động, xúc tiến các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, cải thiện, nâng cấp hệ thống dịch vụ du lịch. chất lượng dịch vụ chính xác, phù hợp với quy định, dịch vụ thuận tiện. Tổng lượng khách du lịch trên địa bàn tỉnh là 117.116 lượt. Trong đó: 57.613 lượt khách nội địa; 17.807 lượt khách quốc tế và 41.695 lượt khách du lịch biên giới. Tạo doanh thu 12,26 triệu USD đạt 19% kế hoạch.

+ Y tế: Tỉnh có 01 bệnh viện đa khoa cấp tỉnh với 250 giường bệnh, 04 bệnh viện cộng đồng loại A, 05 bệnh viện cộng đồng loại B, 01 trung tâm dịch vụ sức khỏe, 75 bệnh viện nhỏ, 53 phòng khám bệnh tư nhân và 257 hiệu thuốc tân dược tư nhân.

2. Cơ sở hạ tầng:

2.1. Giao thông:

- Đường bộ: Quốc lộ 13 chạy qua vùng dự án nối Thành phố Hồ Chí Minh đến Viên Chăn qua các tỉnh Bình Dương, Bình Phước qua cửa khẩu quốc tế Hoa Lư (VN) đến tỉnh Kratie, Stung Chen (CPC) rồi đến Thành phố Pakse (Lào). Hiện nay đã có tuyến xe Bus chạy hàng ngày giữa TP Hồ Chí Minh với TP Pakse.

- Quốc lộ 16 15, 16, 18, 23 nối Tỉnh Champasak, qua các tỉnh Saravane, Se Kong, Attapu đến các cửa khẩu Bờ Y và các cửa khẩu giáp các tỉnh Kon Tum, Quảng Nam, Thừa Thiên Huế (VN). Có các tuyến xe khách vận chuyển hành khách và hàng hóa của 2 nước hàng ngày.

- Các tuyến đường tỉnh, huyện đến các Bản, các nông trường: Nhìn chung các tuyến đường bộ được kết nối với trục giao thông chính của tuyến hành lang kinh tế Đông Tây, nối với các tỉnh Đông Bắc và Thủ đô **Bangkok (Thái Lan)**;

với các tỉnh Tây Nguyên, duyên hải Trung bộ và thành phố Hồ Chí Minh (VN); các tỉnh Đông Bắc và Thủ đô **Phnôm Pênh (Campuchia)** các tuyến đường nhựa, mặt đường tốt, thông thoáng đi lại thuận tiện.

+ Đường hàng không : Hiện có sân bay quốc tế Pakse có đường bay đến Viên Chăn, LuongPhrabang và thành phố Hồ Chí Minh (VN).

+ Đường thủy : Có sông Mê Kông chạy qua, các đoạn phía Bắc Pakse là biên giới 2 nước Thái – Lào, tuy nhiên vận chuyển đường sông không phát triển, phía Nam có thác trên sông, nên không hình thành tuyến đường sông đến Thành phố Phnôm Pênh và các tỉnh Nam bộ Việt Nam.

Các tuyến đường tỉnh lộ hiện có trong vùng dự án:

+ Vùng Salavan: có các tuyến đường chính như: Tuyến tỉnh lộ 16 Xê Đôn đi Lào Ngam, đi qua khu vực dự án 13 km, nền đường cấp phối. Tuyến tỉnh lộ 161 từ Ban Hokongbe - Lào Ngam đi Ban Natan Đông-Xê Đôn chạy qua khu vực dự án khoảng 24 km, nền đường cấp phối. Ngoài ra trong khu vực dự án còn các tuyến giao thông liên Bản.

+ Vùng Champasak các nông trường được nối liền bằng quốc lộ 13, các tuyến nối được xây dựng, đường cấp phối phục vụ cho công tác phát triển cao su, một số tuyến đường trong khu dân cư được nâng cấp.

2.2. Hệ thống điện

Thủy điện là thế mạnh của Lào, hiện nay cũng như trong tương lai Lào là nước xuất khẩu điện cho Thái Lan, Việt Nam và Campuchia, các công trình thủy điện lớn đã và đang được đầu tư xây dựng. Sản lượng điện tăng đáng kể từ năm 2010 đến nay. Khu vực dự án được cung cấp điện ổn định từ các nguồn thủy điện, các tuyến đường dây cao thế 220KV, 110KV và mạng điện trạm và đường dây hạ thế cấp điện đến các trung tâm nông trường và các điểm dân cư. Hiện tại Công ty đã sử dụng điện lưới quốc gia cung cấp cho nhà máy chế biến cao su công suất 18.000 tấn/ năm, điện cho sinh hoạt được đảm bảo.

Trên địa bàn vùng dự án thuộc tỉnh Champasak, Salavan các bản đã có điện thắp sáng phục vụ sinh hoạt. Vùng Champasak ở các khu vực ven vùng dự án đều có lưới điện quốc gia, các nông trường đã sử dụng điện lưới quốc gia, nguồn cung cấp ổn định, rất thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty TNHH Cao su Đắc Lắc là công ty con thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc (DRI) đầu tư 100% vốn. Hiện nay quỹ đất để phát triển cây cao su bền vững **không còn**, đồng thời Công ty TNHH Cao su Đắc Lắc là

đơn vị có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm, vốn, kỹ thuật tiến bộ; Có thị trường tiêu thụ ổn định. Đặc biệt có đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề có nhiều năm kinh nghiệm là lợi thế thực hiện đầu tư phát triển tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác cao su thành công tại nước CHDCND Lào.

Về diện tích: Công ty được Nhà nước Lào cho thuê, giao cơ bản đã được quản lý sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Tổng diện tích đất Công ty đang sử dụng cho mục tiêu kinh doanh mủ và gỗ Cao su là 10.186,67 ha, bao gồm đất do Công ty thuê ổn định của Nhà nước CHDCND Lào là 7.912,31 ha và 2.274,36 ha do vườn Quốc gia Dong Hua Sao là chủ rừng nhưng Công ty được phép quản lý và sử dụng hết năm 2054 và sẽ trả lại vườn quốc gia theo thỏa thuận. Công ty TNHH Cao su Đắc Lắc hiện đang quản lý trên 8.605.76 ha cao su; trong đó có một số diện tích cao su không đảm bảo mật độ khai thác do gãy đổ, năng suất cho thu hoạch mủ thấp không mang lại hiệu quả.

Về kỹ thuật: Công ty đã từng bước được ứng dụng đưa các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ tiên tiến vào quản lý và SXKD như: công nghệ thông tin, giống cây trồng, cơ giới hóa khâu làm đất và khai thác rừng, công nghệ chế biến... góp phần tinh giảm bộ máy quản lý doanh nghiệp và tăng năng suất lao động.

Về hiệu quả kinh doanh: Trong những năm qua, tuy còn gặp nhiều khó khăn, song hoạt động SXKD của Công ty vẫn được duy trì ổn định và từng bước phát triển, bảo toàn được vốn và có lãi; doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách và thu nhập của người lao động năm sau cao hơn năm trước; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp đối với ngân sách Nhà nước và chế độ chính sách đối với người lao động. Ngoài ra hàng năm Công ty còn tạo việc làm và tăng thu thu nhập cho hàng nghìn lao động là các hộ dân trên địa bàn và các huyện lân cận; góp phần xóa đói, giảm nghèo, ổn định an ninh trật tự trên địa bàn nơi Công ty đóng quân.

Về hoạt động đầu tư: Công ty luôn chủ động xây dựng kế hoạch và đảm bảo nhu cầu vốn đầu tư cho các hoạt động SXKD; thực hiện SXKD tập trung, thâm canh theo hướng bền vững và theo chu kỳ khép kín từ khâu trồng - chăm sóc - quản lý bảo vệ - khai thác tiêu thụ sản phẩm và trồng tái canh. Theo kế hoạch đã được xác định từ khi thành lập, **vườn cây** của Công ty cung cấp ổn định sản phẩm mủ nguyên liệu hàng hóa tập trung và nguồn gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và công nghiệp xây dựng sau khi hết giai đoạn khai thác mủ.

4. Đánh giá vùng dự án

4.1. Thuận lợi

- Điều kiện tự nhiên: Khí hậu, đất đai phù hợp với sự sinh trưởng và phát triển của cây cao su.

- Công ty TNHH cao su Đaklak là đơn vị đã hoạt động 20 năm tại Lào nên có kinh nghiệm trong việc trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su.

- Cơ sở hạ tầng: hệ thống đường giao thông tại các vùng dự án đã được đầu tư tương đối hoàn thiện nên rất thuận tiện trong công tác vận chuyển vật tư, cây giống phục vụ dự án. Mặt khác hệ thống giao thông nội đồng, đường lô, các công trình kiến trúc nhà cửa tại các Nông trường, các Đội sản xuất đã được Công ty đầu tư trước đây (hiện đang sử dụng tốt), nên cũng giảm một phần về chi phí đầu tư các công trình phục vụ dự án.

- Việc triển khai đầu tư dự án tái canh trồng cao su tại khu vực sử dụng ưu tiên là các công nhân đã nhận khoán chăm sóc vườn cây trước đây, trình độ tay nghề kỹ thuật của họ đã thuần thục nên rất thuận lợi cho việc thực hiện dự án.

4.2. Khó khăn

- Lạm phát tại Lào tăng cao, đồng tiền Lào mất giá nhanh làm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và tư tưởng của CBCNV, đặc biệt là người lao động Việt Nam tại Lào.

- Các điều kiện về khí hậu thời tiết trong một vài năm gần đây có xu hướng bất lợi (giờ nắng nhiều, biên độ nhiệt cao,...) cho sinh trưởng của cây cao su, từ đó ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng mủ cao su.

- Việc mở rộng diện tích trồng cao su trong vùng dự án hiện nay rất hạn chế, mặt khác đang dần có xu hướng bị thu hẹp do một số diện tích bị chuyển đổi sang mục đích phục vụ cho dự án rừng bền vững của Công ty (FSC).

- Lực lượng lao động biến động lớn, tình trạng khan hiếm lao động vẫn còn tiếp diễn và công tác tuyển dụng không đạt được như kỳ vọng. Tình hình quản lý sản phẩm mủ cũng gặp nhiều khó khăn.

CHƯƠNG III

GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ, MỤC TIÊU, QUY MÔ DỰ ÁN

I. GIỚI THIỆU CHỦ ĐẦU TƯ:

1. Chủ đầu tư:

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6001 271719 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24/02/2012. Thay đổi lần gần đây nhất (lần thứ 9) vào ngày 09/06/2022.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 59 Cao Thắng, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Điện Thoại: 0262.3867676; Fax: 0262.3867033
- Vốn điều lệ là: 732.000.000.000 VNĐ.
- Số tài khoản: 111 0000 90039 tại Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (Vietinbank).
- Mã số thuế: 6001271719.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động thương mại- kinh doanh xuất nhập khẩu

2. Thông tin tên tổ chức kinh tế thành lập tại Lào:

- Tên giao dịch bằng tiếng Việt Nam: Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk
- Tên giao dịch tiếng Anh: DAKLAK RUBBER LIMITED COMPANY
- Tên viết tắt: DAKLAORUCO
- Website: <http://www.Daklaoruco.com>
- Địa chỉ trụ sở: Bản Tha Luống, TP Pakse, tỉnh Champasak, nước CHDCND Lào.
- Vốn điều lệ là: 25.000.000 USD.
- Số tài khoản: 030.00.12.0000824 (LAK), 03001120003999 (USD) tại Ngân hàng Ngân hàng Lao-Viet Bank- Chi nhánh Pakse.
- Mã số thuế: 223869929900.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến cao su. Xuất khẩu mủ cao su. Nhập khẩu: Vật tư thiết bị sản xuất, chế biến kinh doanh cao su, các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu.
- Hiện tại, Công ty TNHH cao su Đak Lak (Daklaoruco) đang quản lý và sử dụng 10.186,67 ha (gồm diện tích đất thuê của CHDCND Lào và đất được

tạm thời sử dụng đến 2054 của VQG Dong Hua Sao) bao gồm diện tích rừng trồng các loại và đất khác. Diện tích rừng trồng gồm diện tích cao su là 8.605,76 ha; diện tích điều là 561,4 ha và cây trồng khác là 16,53 ha; Có 01 nhà máy chế biến mủ công suất 18.000 tấn/năm. Vườn cây sinh trưởng phát triển tốt cho năng suất cao. Sản phẩm chế biến hiện nay của công ty chủ yếu là SVR 3L, SVR5, SVR10, SVR20, SVR CV50 và SVR CV60 chất lượng sản phẩm tốt, các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu khách hàng; Công ty xây dựng phòng kiểm định chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005. Hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh

1. Các chỉ tiêu

Năm 2024 mặc dù có những khó khăn do ảnh hưởng bởi nền kinh tế thế giới dẫn đến nhu cầu và giá cả thị trường đối với các nhóm hàng hóa như: sản phẩm mủ cao su, điều... Tuy nhiên với sự lãnh đạo của Công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của công ty năm 2024 đề ra.

Bảng 4: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính:

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024 (tấn)	Thực hiện năm 2024 (tấn)	Tỷ lệ (%)
I	Cao su			
1	Sản lượng khai thác	14.000	11.116,40	79,40
2	Sản lượng mủ mua ngoài	500	510,47	102,09
II	Điều			
1	Sản lượng khai thác	137	153,42	112,0
2	Sản lượng xuất bán	137	153,42	112,0

Nguồn: Báo cáo công ty số 03/BC-CT ngày 07/01/2025 của công ty TNHH cao su Đắk Lắk.

- Tổng sản phẩm chế biến: 11.457,73 tấn mủ cao su.
- Tổng sản phẩm xuất bán: 10.714,64 tấn mủ cao su.
- Giá bán mủ cao su thành phẩm bình quân: 1.692,50 USD/tấn, đạt 146,5% so với giá kế hoạch (1.155 USD/tấn).
- Giá bán hạt điều tươi bình quân: 934,05 USD/tấn, đạt 89,81% so với giá kế hoạch (1.040 USD/tấn).
- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024: 394,1 tỷ kíp.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: 113,6 tỷ kíp
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 112,6 tỷ kíp.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: 23,6 tỷ kíp
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 88,9 tỷ kíp.

2. Thị trường sản phẩm

Toàn bộ sản phẩm của công ty được xuất khẩu 100%, Việc bán hàng chủ yếu thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đaklak - DRI (Chủ sở hữu). Thị trường chính của DRI trong năm 2023 là Ấn Độ, Đài Loan, Hàn Quốc và Mỹ.

Năm 2023, sản phẩm cao su của công ty xuất bán sang thị trường Mỹ và các nước châu Mỹ: 1.532,16 tấn chiếm 10,61%; Ấn Độ: 2.419,2 tấn, chiếm 16,75%; Đài Loan: 2.329,28 tấn, chiếm 16,12 %; Korea: 1.693,44 tấn, chiếm 11,72 %; **Daklaoruco bán trực tiếp cho các đối tác khác tại Việt Nam: 5.511,98 tấn, chiếm 38,16%**, khối lượng xuất sang các nước Malaysia, Indonesia, Cambodia, China...

4. Đánh giá chung về kết quả quản lý điều hành SXKD:

Theo báo cáo của Công ty TNHH Cao su cho thấy việc phát triển đầu tư trồng cao su của Công ty tại Lào đến nay đã đạt được nhiều kết quả tích cực tại 2 tỉnh. Tổng diện tích đất Công ty đang sử dụng cho mục tiêu kinh doanh mủ và gỗ cao su là 10.186,67 ha, bao gồm đất do Công ty thuê ổn định của Nhà nước CHDCND Lào là 7.912,31 ha và 2.274,36 ha do vườn Quốc gia Dong Hua Sao là chủ rừng nhưng Công ty được phép quản lý và sử dụng hết năm 2054 và sẽ trả lại vườn quốc gia theo thỏa thuận.

Hiện tại, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 2.552 người. Trong đó nữ 1.016 người, nam 1.536 người. Bao gồm: Số lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn là 1.079 người. Số lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 12 tháng là 1.315 người. Trong đó lao động địa phương (người Lào) là 2.400 người chiếm 94,0% lao động toàn Công ty, chủ yếu ở 2 tỉnh Champasak và Salavan. Công ty luôn quan tâm, chăm lo đời sống, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

Trong những năm qua hoạt động SXKD của Công ty vẫn được duy trì ổn định và từng bước phát triển, bảo toàn được vốn và có lãi; doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách và thu nhập của người lao động; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp đối với ngân sách Nhà nước và chế độ chính sách đối với người lao động.

Toàn bộ sản phẩm của công ty đều được xuất khẩu 100%, Việc bán hàng chủ yếu thông qua Công ty Cổ phần đầu tư cao su Đaklak - DRI (Chủ sở hữu). Thị trường chính của DRI trong năm 2023 là Ấn Độ, Đài Loan, Hàn Quốc và Mỹ.

5. Định hướng sản xuất kinh doanh

- Định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương vùng dự án.

- Thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả diện tích 9.183,69 ha; không để xảy ra tình trạng lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp của Công ty; Nâng cao năng suất, để đạt năng suất đạt bình quân là 1.8 tấn mù/ha/năm và trữ lượng gỗ 153 m³/ha đến 178 m³/ha vào cuối chu kỳ kinh doanh; Sản lượng khai thác mù cho toàn chu kỳ (2024-2054): 363.874 tấn mù, bình quân 11.738 tấn mù/năm và khoảng 240.817 m³ gỗ; Tổng doanh thu hàng năm trên 320,546 tỷ Kip/năm; Nộp ngân sách bình quân hàng năm khoảng 25 tỷ Kip.

- Ổn định việc làm và thu nhập cho công nhân viên và người lao động của Công ty với thu nhập bình quân đạt 4.2 triệu Kip/người/tháng. Tạo việc làm cho lao động địa phương thông qua công tác trồng chăm sóc và bảo vệ, khai thác cao su. Từng bước cải thiện đời sống nhân dân trong vùng dự án, và quan trọng nhất là đã thay đổi được tập quán sống du canh du cư, chuyển dần sang định canh, định cư, sản xuất hàng hóa với quy mô lớn.

- Trong quá trình hoạt động của mình, các công ty đã đóng góp hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội trong vùng dự án như: làm đường, trường học, trạm xá... và chia sẻ khó khăn với nhân dân vùng bị thiên tai với một số tổ chức chính trị xã hội tại các địa phương;

- Phủ xanh những diện tích đất trống có khả năng trồng rừng Cao su hoặc các loài cây khác; Trồng lại rừng sau khai thác gỗ ở cuối chu kỳ kinh doanh; Bảo vệ tốt 9.183,69 ha rừng hiện tại trong đó có 8.605,76 ha rừng cao su; Trong đó có một số diện tích cao su không đảm bảo mật độ khai thác do gãy đổ, năng suất cho thu hoạch mù thấp không mang lại hiệu quả. Do đó công ty sẽ định hướng trồng tái canh cao su nhằm khai thác thế mạnh và tiềm năng đất đai sẵn có để phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo chu kỳ thuê đất của chính phủ Lào.

II. MỤC TIÊU, HÌNH THỨC ĐẦU TƯ, QUI MÔ DỰ ÁN:

1. Mục tiêu:

- Dự án đầu tư trồng tái canh cây cao su là mục tiêu quan trọng trong phương hướng, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm ổn định diện tích vườn cây cao su tại Lào của Công ty Cổ phần đầu tư Cao su Đắc Lắc, phù hợp với chu kỳ thuê đất của Công ty. Việc thực hiện dự án với các mục tiêu sau:

- Ổn định và phát triển diện tích vườn cây cao su của Công ty, áp dụng các biện pháp kỹ thuật mới như: Giống mới, áp dụng các biện pháp canh tác chăm sóc vườn cây cao su mới nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng mù cao su.

- Tạo việc làm và ổn định đời sống lâu dài, nâng cao thu nhập cho CBNV Công ty và người lao động tại địa phương.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai sẵn có, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp chế biến, từ đó tạo ra sản phẩm có chất lượng và giá trị xuất khẩu cao, tăng lợi nhuận cho Công ty, tăng nguồn đóng góp Ngân sách Nhà nước.

- Phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo vệ cảnh quan, tài nguyên đất và tài nguyên nước.

- Góp phần đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương, nâng cao đời sống cho người dân trong vùng.

2. Hình thức đầu tư:

- Chủ đầu tư là Công ty TNHH Cao su Đắc Lắc trực tiếp quản lý và điều hành dự án.

- Hình thức đầu tư của dự án: Đầu tư tái canh trồng mới cây cao su bắt đầu từ làm đất sau khi thanh lý vườn cây cao su già, tiến hành trồng mới, chăm sóc và khai thác mủ cao su vườn cây tái canh.

- Chu kỳ kinh tế cây cao su là 28 năm với 1 năm trồng mới, 7 năm KTCB và 20 năm khai thác, sau khi thanh lý vườn cây bán gỗ cao su sẽ tái canh chu kỳ 2.

- Dự án đầu tư dưới hình thức vốn tự có của Công ty và nguồn vốn vay của ngân hàng. Tổng vốn đầu tư: **31.304.138 USD.**

- Vốn tự có (30,0%): 9.391.241 USD.

- Vốn vay (70,0%) :21.912.897 USD.

- Kế hoạch trả nợ vay hàng năm: 20%.

- Tổng lãi vay thời kỳ KTCB (8,0%): 5.119.162 USD.

- Nguồn vốn tự có và nguồn trả lãi vay thời kỳ đầu tư được cân đối sử dụng từ nguồn khấu hao cơ bản tài sản hàng năm và quỹ đầu tư phát triển trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc (DRI).

*** Hạng mục đầu tư:**

- Đầu tư vườn cây cao su: 31.304.138 USD.

- Vốn đầu tư tái canh cho 01 ha cao su:

Trồng mới : 2.455,5 USD/ha

KTCB 1 đến KTCB 4: 792,0 USD/ha.

KTCB 5 đến KTCB 7: 682,0 USD/ha.

(Xem chi tiết tại Phụ lục biểu số số 02 kèm theo).

- Chi phí đầu tư trồng và chăm sóc 01 ha cao su (*không kể lãi vay ngân hàng và khấu hao các tài sản khác kết cấu vào giá thành đầu tư vườn cây*) là: **7.670 USD/ha.**

3. Quy mô đầu tư:

- Tổng diện tích đất của dự án trồng cao su: 4.081,64 ha
- Khoảng cách trồng: 6,0 x 3,0 (mét). Mật độ bình quân: 555 cây/ha cao su.
- Năng suất cao su bình quân toàn chu kỳ: 1,9 tấn/ha (chu kỳ 20 năm).
- Sản lượng cao su bình quân 7.091,5 tấn/năm.
- Tổng sản lượng cao su khai thác, chế biến và xuất bán cả chu kỳ: 141.830 tấn.

CHƯƠNG IV

CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ

I. ĐẦU TƯ NÔNG NGHIỆP

Dự án đầu tư tái canh, trồng mới và chăm sóc cao su tại Công ty TNHH Cao su Đắc Lắc tại nước CHDCND Lào sẽ sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất hiện có tại các Nông trường trực thuộc từ trước đến nay cho việc sản xuất kinh doanh cao su và tập trung phục vụ dự án cụ thể:

Các công trình nhà điều hành tại các Nông trường, các Đội sản xuất, Nhà kho, sân bãi, công trình phụ trợ, máy móc, thiết bị... đã được đầu tư hoàn chỉnh trước đây, các công trình, hạng mục này hiện còn rất tốt và sử dụng được, nên dự án này không cần đầu tư thêm.

Tuy nhiên công tác bảo vệ vườn cây cao su tái canh trong giai đoạn trồng mới và 3 năm đầu thời kỳ KTCB tránh sự phá hoại của gia súc, chủ đầu tư dự kiến đầu tư thêm một số hạng mục công trình như: hàng rào chống gia súc; Đồng thời gia cố sửa chữa đường giao thông, đường lô một số đoạn bị hư hỏng tại các nông trường tạo điều kiện thuận tiện trong công tác vận chuyển vật tư, cây giống phục vụ dự án.

1. Phương án sử dụng đất:

Căn cứ vào tình hình thực tế đất đai, các yếu tố cơ sở hạ tầng tại khu đất Công ty TNHH cao su Đắc Lắc đang quản lý và sử dụng, dự kiến bố trí sử dụng đất cụ thể từng nông trường như sau:

Bảng 5: Tổng hợp diện tích đầu tư dự án

STT	Đơn vị	Diện tích cao su hiện có (ha)	Diện tích tiếp tục SXKD (ha)	Diện tích lập DA tái canh (ha)
1	NT 1	1.514,39	396,81	1.117,58
2	NT 2	2.164,70	909,29	1.255,41
3	NT 3	1.344,53	481,69	862,84
4	NT 4	1.467,93	622,12	845,81
	Tổng cộng	6.491,55	2.409,91	4.081,64

- Tổng diện tích cao su của dự án: 6.491,55 ha.

- Diện tích cao su chưa hết chu kỳ khai thác, tiếp tục quản lý và sản xuất kinh doanh: 2.409,91 ha.

- Diện tích trồng tái canh cao su: 4.081,64 ha. Tổng số lô thực hiện trồng tái canh là 301 lô trồng tái canh cao su. Trong đó Nông trường 1 (91 lô); Nông

trường 2 (87 lô); Nông trường 3 (59 lô); Nông trường 4 (64 lô) (*Danh sách cụ thể lý lịch từng lô trồng tái canh đính kèm báo cáo*)

Phương án trồng tái canh cao su trồng thuần, Theo thiết kế lô đã định hình, khoảng cách trồng 6m x 3m, mật độ 555 cây cao su/ha.

- Tổng số lô thực hiện trồng tái canh là 301 lô

2. Kế hoạch đầu tư sản xuất kinh doanh:

+ Kế hoạch đầu tư vườn cao su: gồm 08 năm, trong đó 01 năm trồng và 07 năm đầu tư kiến thiết cơ bản cụ thể từng nông trường như sau: (*Phụ lục biểu số 01 đính kèm*).

Bảng 6: Kế hoạch diện tích trồng tái canh cao su

TT	Năm	NT 1	NT 2	NT 3	NT 4	Tổng diện tích (ha)
1	2025	94,55				94,55
2	2026	190,8	94,32			285,12
3	2027	206,84	146			352,84
4	2028	239,31	175,63	53,78	198,91	667,63
5	2029	202,77	217,58	202,99	206,29	829,63
6	2030	183,31	218,46	194,39	227,44	823,6
7	2031		198,62	231,4	213,17	643,19
8	2032		204,8	180,28		385,08
	TỔNG	1.117,58	1.255,41	862,84	845,81	4.081,64

+ Kế hoạch diện tích chăm sóc cao su thời kỳ KTCB và đưa vào khai thác cao su (*Phụ lục biểu số 03 đính kèm*).

- Thời gian thanh lý tùy thuộc vào quy mô diện tích trồng tái canh, hoàn thành và bàn giao đất trước ngày 28/2 hàng năm.

- Sau khi giao nhận đất, các nông trường thực hiện việc thiết kế, khoan hố, trộn phân xả thành lấp hố theo hình thức cuốn chiếu, hoàn thành trước 15/5 hàng năm.

- Từ đầu tháng 6 hàng năm sẽ tiến hành trồng tái canh khi thời tiết có mưa, đất đủ độ ẩm.

- Thời gian kiến thiết cơ bản là: 8 năm (01 năm trồng mới và 07 năm chăm sóc).

Bảng 7: Chi phí đầu tư trồng mới và chăm sóc cao su (01 ha)

TT	Khoản mục	Số lần	ĐVT	Đơn giá USD	Trồng mới		KTCB 1,2,3,4		KTCB 5,6,7	
					KL	Giá trị	KL	Giá trị	KL	Giá trị
I	Chuẩn bị đất - trồng mới					805		-		-
1	Đon mặt bằng	1	Công	10	15,0	150		-		-
2	Thiết kế	1	Công	10	2,5	25		-		-

TT	Khoản mục	Số lần	ĐVT	Đơn giá USD	Trồng mới		KTCB 1,2,3,4		KTCB 5,6,7	
					KL	Giá trị	KL	Giá trị	KL	Giá trị
3	Khoan hố	1	Hố	0,5	555	278		-	-	-
4	Trộn phân, xả thành, lấp hố	1	Hố	0,4	555	222		-	-	-
5	Trồng mới, trồng dặm	1	Bầu	0,2	650	130		-	-	-
II	Nhân công chăm sóc		Công			350		355		245
1	Làm cỏ hàng	4	Công	10	16,0	160	16,0	160	8,0	80
2	Bón phân	2	Công	10	2,0	20	2,0	20	2,0	20
3	Cày chăm sóc	2	ha	30	2,0	60	2,0	60	-	-
4	Phun thuốc phòng bệnh	2	ha	10	2,0	20	2,0	20	2,0	20
5	Tạo hình, cắt tia chồi đại	10	Công	10	5,0	50	5,0	50	5,0	50
6	Chống cháy	1	Công	10	3,0	30	3,0	30	6,0	60
7	Kiểm kê vườn cây cuối năm	1	Công	10	1,0	10	1,5	15	1,5	15
III	Vật tư					1.101		237		237
1	Phân hữu cơ vi sinh	1	m3	15	15,0	225		-		-
2	Phân Ure	2	kg	1	100,0	100		-		-
3	Phân NPK	2	kg	0,9	-	-	250,0	225	250,0	225
4	Thuốc BVTV	2	Lít	4	2,0	8	3,0	12	3,0	12
5	Giống bầu cao su	1	Bầu	1,2	640,0	768		-		-
IV	Chi phí sản xuất chung		USD	200		200		200		200
*	Tổng giá thành đầu tư		USD			2.455,5		792,0		682,0

+ Kế hoạch vốn đầu tư tái canh cây cao su (Phụ lục biểu số 4 đính kèm).

Bảng 8: Kế hoạch đầu tư vốn trồng tái canh cao su

TT	Nội dung	Vốn đầu tư (USD)	Ghi chú
1	Trồng mới	10.022.467	Chăm sóc cao su KTCB với diện tích 4.081,64 ha
2	KTCB 1	3.232.659	
3	KTCB 2	3.232.659	
4	KTCB 3	3.232.659	
5	KTCB 4	3.232.659	
6	KTCB 5	2.783.678	
7	KTCB 6	2.783.678	
8	KTCB 7	2.783.678	
	Tổng số	31.304.138	

Bảng 9: Kế hoạch đầu tư vốn hàng năm trồng tái canh cao su

TT	Năm	Vốn đầu tư (USD)	Trong đó		Ghi chú
			Vốn vay	Vốn tự có	
1	2025	232.168	162.517	69.650	Trồng mới cao su

2	2026	774.996	542.497	232.499	Trồng mới, chăm sóc KTCB
3	2027	1.167.097	816.968	350.129	
4	2028	2.219.513	1.553.659	665.854	
5	2029	3.146.067	2.202.247	943.820	
6	2030	3.777.927	2.644.549	1.133.378	
7	2031	3.955.858	2.769.101	1.186.758	
8	2032	3.792.663	2.654.864	1.137.799	
9	2033	3.014.160	2.109.912	904.248	
10	2034	2.728.449	1.909.914	818.535	Chăm sóc cao su KTCB
11	2035	2.397.216	1.678.051	719.165	
12	2036	1.871.142	1.309.799	561.343	
13	2037	1.262.975	884.083	378.893	
14	2038	701.280	490.896	210.384	
15	2039	262.625	183.837	78.787	
	Tổng số	31.304.138	21.912.897	9.391.241	

+ Kế hoạch về diện tích, năng suất, sản lượng khai thác cao su suốt thời kỳ kinh doanh (*Phụ lục biểu số 09 đính kèm*).

Bảng 10: Kế hoạch diện tích, năng xuất, sản lượng khai thác mủ cao su

TT	Năm	Diện tích khai thác (ha)	NX bình quân vườn cây (tấn)	Sản lượng mủ cao su (tấn)	Tỷ lệ phần trăm so với tổng (%)
1	2033	94,55	1,50	142	0,10
2	2034	379,67	1,62	617	0,43
3	2035	732,51	1,78	1.308	0,92
4	2036	1400,14	1,80	2.523	1,78
5	2037	2229,77	1,85	4.115	2,90
6	2038	3053,37	1,92	5.866	4,14
7	2039	3696,56	1,99	7.370	5,20
8	2040	4081,64	2,04	8.334	5,88
9	2041	4081,64	2,11	8.611	6,07
10	2042	4081,64	2,11	8.630	6,08
11	2043	4081,64	2,09	8.550	6,03
12	2044	4081,64	2,07	8.438	5,95
13	2045	4081,64	2,01	8.217	5,79
14	2046	4081,64	1,97	8.043	5,67
15	2047	4081,64	1,96	8.017	5,65
16	2048	4081,64	1,97	8.046	5,67
17	2049	4081,64	1,98	8.068	5,69
18	2050	4081,64	1,95	7.960	5,61
19	2051	4081,64	1,89	7.708	5,43
20	2052	4081,64	1,84	7.515	5,30
21	2053	3987,09	1,80	7.190	5,07
22	2054	3701,97	1,77	6.561	4,63
TỔNG			1,91	141.830	100,00

3. Giải pháp kỹ thuật và chăm sóc vườn cây:

Dựa trên tình hình thực tế của các lô cao su, công ty đã thực hiện thanh lý theo kế hoạch, các lô trồng tái canh cao su của dự án tương đối bằng phẳng, tận dụng các điều kiện hạ tầng như đường giao thông phân lô, ranh lô đã có sẵn. Áp dụng theo Quy trình kỹ thuật cây cao su được ban hành kèm theo Quyết định số 4689/QĐ-BNN-TT ngày 01/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

3.1. Chuẩn bị đất trồng

- Sau khi vườn cây cao su thanh lý được các nhà thầu nhận mua tiến hành chặt hạ cây cao su. Chủ đầu tư sẽ giải phóng mặt bằng xong trước 28/02 hàng năm theo hình thức cuốn chiếu. Toàn bộ gỗ cao su được vận chuyển giao cho khách hàng

- Công tác chuẩn bị đất trồng phải hoàn tất trước thời vụ trồng mới. Các công trình xây dựng vườn cây bao gồm đường trục và đường lô phải được hoàn thiện trước khi đưa vào trồng cao su;

- Chuẩn bị đất tái canh, trồng mới bao gồm các hạng mục và trình tự công việc: Phần cành nhỏ, lá, xác bã thực vật được gom dọn và rải đều trên băng cao su với độ rộng 3 mét để mục tự nhiên tạo độ mùn cho đất (không được đốt). Giải phóng sạch sẽ xác bã thực vật trên băng rộng 3 mét theo hướng thiết kế hàng cao su, hàng cao su sẽ được thiết kế giữa băng này. San lấp mặt bằng, rà rẫy và gom dọn gốc, rễ, cành nhánh cây còn sót trên băng trồng cao su.

- Đối với các khu vực có bệnh rầy, côn trùng hoặc động vật gặm nhấm gây hại, sau khi gom rẫy, cành, nhánh thành từng đống, khi các tàn dư này đủ khô, tiến hành đốt có kiểm soát;

- Tùy điều kiện thực tế, một số hạng mục trên không cần thực hiện. Sau khi rà rẫy (nếu có) và vệ sinh mặt bằng, không cày xới đất mặt cả trên đất bằng và đất dốc;

- Đất cần được dọn sạch và san lấp các chướng ngại vật trong lô như gốc cây, ụ mồi có đường kính 2 - 3 m, hầm hố, mương rãnh tạo điều kiện cho các khâu làm đất, chuẩn bị trồng mới tiếp theo tiến hành thuận lợi;

- Trên đất bằng, nếu độ xốp đất đạt yêu cầu, khuyến cáo sử dụng cày không lật (cày ngầm) để rà rẫy; Đối với đất dốc, chỉ rà rẫy trên hàng trồng bằng cày không lật, không rà rẫy trên toàn bộ diện tích.

- Thiết kế lô 20- 25 ha (500 x 500 mét) cho các lô trồng có địa hình dốc dưới 8%, những lô ven suối hợp thủy, có độ dốc lớn, tùy theo địa hình cụ thể

thiết kế diện tích lô nhỏ hơn từ 10-15 ha/lô. Đường liên lô được thiết kế mặt đường rộng 6 mét, đường lô rộng 4 mét.

+ *Thiết kế hàng và chuẩn bị hố trồng*: hướng hàng thiết kế tùy theo địa hình khu đất trồng cho phù hợp, chọn hướng trồng vuông góc với hướng dốc của khu đất, những vùng tương đối bằng thì chọn hướng hàng theo hướng Bắc - Nam.

+ *Mật độ khoảng cách trồng*: bố trí trồng cao su thiết kế hàng cách hàng 6m, cây cách cây 3 mét (6m x 3m), mật độ 555 cây cao su/ha.

3.2. Chuẩn bị hố trồng

- Hố trồng: có thể sử dụng cơ giới hoặc thủ công để đào hố. Tùy theo địa hình thực tế, khuyến khích sử dụng phương pháp cày ngầm trước mùa mưa 1-2 tháng trong khâu chuẩn bị đất.

+ Khoan hố bằng cơ giới: đường kính hố khoan ≥ 60 cm, độ sâu ≥ 60 cm;

+ Múc hố bằng cơ giới: kích thước chiều rộng của gàu múc ≥ 60 cm và hố phải đảm bảo chiều sâu ≥ 60 cm. Khi múc hố, lớp đất mặt của lần múc thứ nhất được để riêng sát miệng hố, lớp đất của các lần múc tiếp theo được để lại trong hố; hố đào tối thiểu sau 15 ngày phơi ải mới được phá thành trộn phân lấp hố.

+ Đào hố bằng thủ công: hố có kích thước dài 60 cm, rộng 60 cm, sâu 60 cm, đáy hố rộng 50 x 50 cm. Khi đào thủ công phải để riêng lớp đất mặt và lớp đất đáy;

- Nơi trồng theo đường đồng mức: tâm hố đào cách taluy âm tối thiểu 1m;

- Bón lót: mỗi hố 300 gram phân lân nung chảy, 5 - 10 kg phân hữu cơ hoai mục hoặc các loại phân hữu cơ vi sinh theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

- Trộn phân lấp hố được thực hiện trước khi trồng ít nhất 15 ngày. Lấy lớp đất mặt lấp khoảng 1/2 hố, sau đó trộn đều phân bón lót với lớp đất mặt xung quanh để lấp đầy hố; sau khi bón lót có thể dùng phương pháp cày ngầm để phá vỡ thành hố. Cắm cọc ở giữa tâm hố để đánh dấu điểm trồng.

3.3. Giống cây con và thời vụ trồng

- Áp dụng cơ cấu bộ giống cao su khuyến cáo áp dụng giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến 2030. Dự kiến trồng các giống như RRIV 209, RRIV 114, RRIV 124, RRIV 103, RRIV 106, RRIV 1.

- Xây dựng vườn nhân giống ghép: Từ năm 2025, công ty thiết kế và trồng tập trung 03 ha vườn nhân giống cao su tại Nông trường 1. Vườn nhân được trồng theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam (VRG). Khi đủ điều kiện mời Viện nghiên cứu cao su Việt Nam sang khảo nghiệm và chứng nhận bộ giống.

- Cơ cấu bộ giống cao su được HĐQT DRI phê duyệt tại nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 11/10/2022. Bộ giống RRIV 209; RRIV 114; RRIV 124 chiếm 80% diện tích vườn nhân; Bộ giống RRIV 103, RRIV 106, RRIV 1. chiếm 20% diện tích vườn nhân.

- Xây dựng vườn ươm giống Stump bầu 10 tháng tuổi (2-3 tầng lá): Xác định tổng số cây giống cần để trồng tái canh là 610 cây/ha cho mật độ 555 cây/ha. Chất lượng cây giống rất quan trọng do ảnh hưởng tới chất lượng vườn cây trồng tái canh, do đó cây giống phải đồng đều, dự kiến cây giống xuất vườn ươm để trồng mới trồng dặm đạt tỷ lệ 85%. Như vậy để trồng mới 01 ha cao su cần thiết kế cấm giống là: 718 bầu. Tùy vào diện tích tái canh hàng năm đề chuẩn bị vườn ươm đủ giống trồng. Trong các năm đầu chưa xây dựng xong vườn nhân thì nhập khẩu cây giống Stump trần từ Việt Nam sang để cấm bầu làm vườn ươm.. Quy trình kỹ thuật thiết kế chăm sóc vườn ươm theo quy trình hiện hành của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam (VRG).

- Thời vụ trồng chỉ khi điều kiện thời tiết thuận lợi. Bắt đầu tháng 6 đến tháng 7 (chậm hoặc sớm hơn 15 ngày) Và trồng dặm hoàn chỉnh trước 31/7 năm trồng. Thời vụ phải khẩn trương tận dụng được những cơn mưa đầu mùa để cây phát triển tốt.

3.4. Giống cây trồng

- Cây giống phục vụ tái canh phải đảm bảo thuần giống, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và được công bố đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng trước khi lưu hành. Dự án thực hiện loại vật liệu trồng Stump bầu.

- Để thuận lợi cho việc chăm sóc và sinh trưởng của cây, cây giống trồng trong 01 lô phải có chất lượng tương đồng nhau, tuyệt đối không trồng lẫn lộn các cây giống có nhiều tầng lá ổn định khác nhau.

- Cây giống là bầu cắt ngọn có 1 - 3 tầng lá: Bầu không bị vỡ, cây không bị long gốc, đứt rễ; đường kính gốc ghép ≥ 12 mm (đo ngay mí dưới mắt ghép); mắt ghép nách lá xanh hoặc xanh nâu; gốc ghép không bị trầy, tróc vỏ và không bị nhiễm bệnh;

- Lựa chọn các cây giống tốt nhất tương ứng 10% tổng số giống theo thiết kế để trồng dặm

3.5. Trồng cao su

- Trước khi trồng cần dọn sạch cỏ, rễ cây... xung quanh hố, sau đó dùng cuốc móc đất ngay điểm trồng trong hố với kích thước vừa lớn hơn bầu đất và sâu tương ứng với chiều cao bầu;

- Dùng dao bén (sắc) cắt sát đáy bầu và phần rễ cọc nhú ra khỏi bầu. Trường hợp rễ cọc bị xoắn ở trong bầu phải cắt hết phần rễ xoắn;

- Đặt bầu vào hố trồng cho thẳng đứng, mắt ghép quay về hướng gió chính, mí dưới mắt ghép ngang với mặt đất;

- Rạch túi bầu PE theo đường thẳng đứng rồi kéo nhẹ túi bầu lên; kéo túi bầu tới đâu, lấp đất để nén chặt bầu tới đó. Chú ý không làm vỡ bầu; Thu gom và xử lý túi bầu sau khi trồng theo đúng quy định.

3.6. Trồng dặm

- Trồng dặm định hình vườn cây ngay trong năm thứ nhất trong thời gian 60 ngày sau khi trồng, chậm nhất là năm thứ hai. Trồng dặm bằng cây con đúng giống và có mức sinh trưởng, phát triển bằng với cây trên vườn;

- Trồng dặm trong năm thứ nhất:

+ Đối với vườn trồng bằng bầu có tầng lá, 20 ngày sau khi trồng, dùng bầu có 2 - 3 tầng lá ổn định để trồng dặm lại cây đã bị chết;

+ Số lượng cây giống cần được chuẩn bị để trồng dặm so với số lượng cây tái canh trong năm thứ nhất là 10%;

- Trồng dặm trong năm thứ hai:

+ Trồng bằng bầu có từ 3 tầng lá trở lên;

+ Số lượng cây trồng dặm chuẩn bị theo kết quả kiểm kê cuối năm thứ nhất, tối đa là 5%. Khuyến khích trồng dặm bằng core tum từ năm thứ 2 (nếu có điều kiện sản xuất được core tum).

- Trồng dặm được thực hiện từ đầu thời vụ tái canh và kéo dài tối đa 1 tháng.

3.7. Chăm sóc và bón phân cao su KTCB

+ Tủ gốc cho năm trồng mới

Thực hiện vào cuối mùa mưa, khi đất còn đủ ẩm đối với vườn cây trồng mới. Trước khi tủ gốc phải tiến hành xới phá váng, cuốc xới lớp đất mặt được tủ, tủ cách gốc 10cm, đường kính tủ gốc 0,8m dày tối thiểu 10cm. Sau khi tủ gốc phủ lên trên lớp tủ một lớp đất dày 5cm.

+ Làm cỏ cho cây cao su

Làm cỏ trên hàng cao su Quy định chung làm cỏ hàng và cỏ trên bồn phải

bảo đảm các mục tiêu và yêu cầu giảm thiểu rủi ro cháy vườn cây trong mùa khô và giảm thiểu cạnh tranh của cỏ dại với cao su; Do đó yêu cầu: làm sạch cỏ quanh gốc cao su (đặc biệt là trước khi bón phân ở năm thứ 1, năm thứ 2) không để cỏ dại mọc phủ lên cây cao su. Trong quá trình xử lý cỏ phải lưu ý hạn chế tối đa xói mòn, rửa trôi đối với đất dốc.

- Cách làm: Năm trồng mới: làm sạch cỏ quanh gốc cao su bán kính 0,8 m và cắt cỏ trên hàng; Năm thứ hai, thứ ba: làm sạch cỏ quanh gốc cao su bán kính 1 m và cắt cỏ trên hàng; Năm thứ tư đến hết thời kỳ KTCB: quản lý làm cỏ cách gốc 1,5 m;

- Phương thức làm cỏ: Năm trồng mới: làm cỏ lần đầu bằng thủ công, lần 2 có thể kết hợp làm cỏ và tủ ẩm bằng cây úp 2 đường hai bên vào hàng cao su ở thời điểm cuối mùa mưa, cày cách gốc 1 m; Năm thứ 2 trở đi: áp dụng cơ giới kết hợp với làm thủ công, chỉ sử dụng hóa chất cho những diện tích có cỏ tranh, le, cỏ mỹ, lau lách hoặc tre nứa không thể diệt bằng cơ giới hoặc thủ công.

- Số lần làm cỏ trên hàng cho được quy định tại vùng dự án: năm 1 thực hiện 2 lần/năm; năm thứ 2 thực hiện 3 lần/năm; năm thứ 3 thực hiện 2 lần/năm; năm thứ 5 và năm thứ 5 thực hiện 4 lần/năm và năm thứ 6 trở đi 1 lần/năm.

+ Bón phân cao su

- Bón phân cho vườn cây cao su phải bảo đảm các yêu cầu về mặt quản lý và kỹ thuật, bảo đảm chất lượng, chủng loại phân, chống thất thoát phân và giảm hiệu quả của việc bón phân; không sử dụng phân bón có nguồn gốc từ than bùn. Có thể sử dụng thêm phân bón qua lá phun đều lên tán của cây nhằm kích thích cây sinh trưởng phát triển nhanh hơn, sức sống khỏe hơn.

- Vườn cây KTCB: điều tiết bón theo hiện trạng đất, tình trạng sinh trưởng vườn cây, giảm phân bón ở vườn cây sinh trưởng tốt, tăng cường cho cây sinh trưởng yếu và diện tích sinh trưởng kém, bảo đảm tổng khối lượng phân không vượt mức quy định theo quy trình.

- Chỉ sử dụng phân bón có các chỉ tiêu chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, đã được công bố hợp chuẩn, hợp quy và theo đúng các quy định về quản lý phân bón theo quy định hiện hành; Riêng các loại phân bón tự sản xuất có nguồn gốc hữu cơ (nếu có) khi sử dụng lưu ý công tác bảo vệ môi trường; Ưu tiên áp dụng bón phân theo phương pháp chẩn đoán dinh dưỡng theo vùng để nâng cao hiệu quả kinh tế - kỹ thuật sử dụng phân bón; Nếu chưa có kết quả chẩn đoán dinh dưỡng vùng, áp dụng khuyến cáo phân bón hóa học theo bảng sau:

Bảng 11: Bảng chỉ tiêu áp dụng phân bón cho cao su

Hạng đất	Năm trồng	Nguyên chất (kg/ha)			Phân NPK (kg/ha)	Hoặc phân đơn (kg/ha)		
		N	P ₂ O ₅	K ₂ O	NPK 16-16-8	Urê	Lân NC*	KCl
I	Năm 1	20	20	10	125	43	125	16
	Từ năm 2 trở đi	40	40	20	250	86	250	33
II	Năm 1	22	22	11	137	47	137	18
	Từ năm 2 trở đi	45	45	22	281	97	281	36
III	Năm 1	25	25	12	156	54	156	20
	Từ năm 2 trở đi	50	50	25	312	108	312	41

* Khi giá trị pH H₂O ≥ 6, thay lân nung chảy bằng supe lân.

3.8. Tỉa chồi ngang có kiểm soát

- Năm thứ nhất chỉ tỉa chồi ngang khi tầng lá trên cùng ổn định.

- Từ năm thứ 2 trở đi phải tỉa chồi ngang có kiểm soát: Ở 02 tầng lá ổn định trên cùng của cây (Tính từ dưới lên gọi là tầng A và B) luôn để lại 2 - 3 chồi cùng phát triển; Tỉa hết tầng A khi tầng lá C ổn định, nhưng vẫn giữ lại 2 - 3 chồi cũ của tầng B và 2-3 chồi mới của tầng C. Cứ tiếp tục như vậy đối với tầng D, E ... Duy trì biện pháp tỉa chồi có kiểm soát cho đến khi cây định hình tán.

- Đối với những cây có 2 - 3 tuổi có chiều cao >3 mét nhưng chưa phân cành thì phải cắt ngọn tạo tán. Thời gian: Vào đầu mùa mưa, khi tầng lá trên cùng ổn định, cắt ngọn ở vị trí >3 mét nhưng phải chừa lại 3 lá ở đỉnh đã cắt.

- Lưu lại cành từ độ cao 3m đến 3,5 m để định hình tán. Mỗi vị trí phân cành trên thân chính chỉ giữ lại một cành.

3.9. Phòng trừ sâu bệnh

- Sau khi trồng cây cao su thường có nhiều bệnh hại vì vậy phải thường xuyên theo dõi để phòng trị kịp thời. Nhất là vào mùa mưa ẩm bệnh héo đen đầu lá thường xuất hiện, bệnh gây rụng lá non và làm méo mó các lá già, mặt lá gồ ghề, bệnh gây khô ngọn, khô cành từng phân hoặc chết cả cây.

- Nhận diện triệu chứng bệnh, phương pháp phòng trừ bệnh, loại thuốc và liều lượng sử dụng theo quy định trong quy trình kỹ thuật cây cao su 2020 của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.

- Khi trên vườn cây cao su xuất hiện sâu, bệnh lạ sẽ báo về cơ quan được Nhà nước giao quản lý và lấy mẫu ở bộ phận cây bị hại gửi về Viện Nghiên cứu Cao su để xác định tác nhân gây hại và có biện pháp xử lý đúng và kịp thời.

- Thường cập nhật thông tin về tình hình dịch hại và tham khảo các văn bản chỉ đạo của cơ quan được Nhà nước giao quản lý, các quy định, quyết định của Nhà nước về công tác Bảo vệ Thực vật để tuân thủ thực hiện;

- Không sử dụng các hoạt chất thuốc BVTV khi chưa được khảo nghiệm hiệu quả kinh tế và kỹ thuật; Nồng độ thuốc BVTV khuyến cáo sử dụng là nồng độ hoạt chất, được tính bằng phần trăm (%) và phần triệu (ppm); Chất bám dính được khuyến cáo sử dụng là nồng độ thương phẩm;

- Hạn chế hoặc không được sử dụng các loại thuốc BVTV có gốc kim loại nặng (đồng, chì,...) trên vườn cao su;

- Áp dụng các biện pháp an toàn khi quản lý và sử dụng thuốc BVTV;

- Luôn dùng nước sạch không có tạp chất và pH trung tính để pha thuốc;

- Phương pháp pha thuốc được thực hiện theo đúng quy trình hiện hành.

3.10. Phòng chống cháy cho vườn cây

Trước mùa khô hàng năm (tháng 11 và 12) tiến hành phòng chống cháy lô cao su, thực hiện các biện pháp như sau:

- Làm các đường ngăn lửa cách khoảng 50-100 m. Phát dọn cỏ quanh bìa lô.

- Mùa cao su rụng lá, tổ chức quét hoặc thổi lá, gom lá vào giữa hàng hay hố đa năng. Không được đốt hoặc thu gom mang lá ra ngoài lô.

- Vào mùa khô, phải có biện pháp phòng chống cháy, bảo vệ vườn cây. Đặt biển báo cấm lửa trên đường giao thông chính và đường liên lô;

- Tổ chức đội chữa cháy có trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện chữa cháy và phân công lao động túc trực để làm nhiệm vụ;

3.11. Bảo vệ và quản lý vườn cây

- Những lô trồng tái canh cây cao su có khả năng dễ bị trâu bò hoặc gia súc phá hoại phải có những công trình bảo vệ. Làm hàng rào chống gia súc theo điều kiện cụ thể từng lô. Có lực lượng trực gác để bảo vệ vườn cây.

- Phải hoàn thiện bản đồ lô, thửa vườn cây sau khi trồng xong. Mỗi lô cao su phải có lý lịch vườn cây phục vụ thuận tiện cho việc quản lý và nghiệm thu.

- Trên lô cao su phải có biển báo đầu lô ghi rõ tên lô, năm trồng, diện tích, mật độ, giống và phương pháp trồng. Cuối năm vào tháng 12 phải tiến hành kiểm kê tổng thể vườn cây. Xác định tỷ lệ sống, chất lượng vườn cây để phục vụ cho công tác quản lý.

3.12. Tiêu chuẩn vườn cây cao su đưa vào khai thác

- Chỉ mở miệng cạo những cây có chu vi 50 cm ở 1,0 mét chiều cao đo

cách mặt đất. Độ dày vỏ cây >6mm. Lô cao su KTCB có từ 70% trở lên số cây hữu hiệu đạt tiêu chuẩn mở cạo thì được đưa vào cạo mũ.

- Thời vụ cạo mũ: Việc mở miệng cạo các vườn cây tiến hành vào tháng 3-4 (trước mùa mưa) và tháng 11 (sau mùa mưa). Đối với vườn cây đang khai thác, hàng năm nghỉ cạo lúc cao su thay lá thường vào tháng 1-2. Vào mùa mưa phải chờ vỏ cây khô ráo mới cạo được.

- Vườn cây kinh doanh bình thường được đưa vào cạo úp có kiểm soát từ năm cạo thứ 11. Phân loại vườn cây khai thác:

Nhóm I: Vườn cây ở năm cạo 01 đến năm cạo 09.

Nhóm II: Vườn cây ở năm cạo 10 đến năm cạo 16.

Nhóm III: Vườn cây ở năm cạo 17 đến năm cạo 20.

- Kích thích mũ: Loại hóa chất kích thích mũ được sử dụng có hoạt chất ethephon (acid 2-chloroethyl phosphonic). Nồng độ sử dụng 2.5% cho cây nhóm 1 và 2, nồng độ 5% cho cây nhóm 3 và cạo tận thu trước khi thanh lý.

- Chất kích thích mũ bôi trên vỏ tái sinh (Pa) và trên miệng cạo (La) vào các tháng 5, 6, 7, 10, 11.

- Kỹ thuật bôi: Bôi kích thích trước nhất cạo kế tiếp 24 – 48 giờ; không bôi khi cây còn ướt và không bôi trong mùa khô, mùa rụng lá.

3.13. Chăm sóc, bảo vệ vườn cao su khai thác

- Chăm sóc vườn cây khai thác: Làm sạch cỏ hàng cách cây cao su mỗi bên 1 m và phát cỏ thường xuyên giữa hàng cao su giữ lại thảm cỏ dày từ 10-15cm để chống xói mòn. Không được cày giữa hàng cao su.

- Bón phân cho vườn cây cao su khai thác theo định mức phê duyệt hàng năm. Bảo đảm các yêu cầu về mặt quản lý và kỹ thuật, bảo đảm chất lượng, chủng loại phân. Có thể áp dụng bón phân theo phương pháp chẩn đoán dinh dưỡng theo vùng để nâng cao hiệu quả kinh tế - kỹ thuật sử dụng phân bón.

- Ngoài những bệnh cây tương tự như thời gian kiến thiết cơ bản, vườn cây cao su khi đi vào khai thác còn thêm các bệnh ở thân cây như sau:

(+) Bệnh loét sọc mặt cạo (do nấm *Phytophthora.sp*) trên vườn cây khai thác. Bệnh xuất hiện ở vườn cây khai thác vào mùa mưa, nhiệt độ thấp. Phòng trị bằng Ridomil Mz-72 nồng độ 2% trong nước hoặc có thêm chất bám dính, quét băng rộng 1 1,5m trên miệng cạo sau khi thu mũ.

(+) Bệnh khô miệng cạo (khô mũ toàn phần hoặc khô mũ từng phần) xuất hiện khi chế độ cạo không hợp lý, xử lý bằng cách nghỉ cạo, dùng đót chích thử mũ phía dưới để xác định giới hạn vùng bị khô. Từ chỗ đó cạo song song với

đường cạo cũ một đường sâu tới tầng để cách ly, chống lan rộng xuống phần vỏ phía dưới. Cho nghỉ cạo 1-2 tháng, sau đó kiểm tra tình trạng bệnh nếu khỏi thì cạo lại với cường độ nhẹ hơn.

(+) Bệnh phấn trắng: Trên lá bị bệnh có nấm màu trắng ở hai mặt lá. Biện pháp xử lý là dung bột lưu huỳnh thấm nước (Kumulus, Sulox) nồng độ 0,3% hoặc (Anvil 5SC, Callihex 50SC) nồng độ 0,15%. Phun trên tán lá khi có 10% lá non nhú chần chim trên vườn cây và ngừng khi 80% lá đã già. Thực hiện phun thuốc 3 lần, mỗi lần cách nhau 5-7 ngày vào buổi sáng ít gió.

II. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH CƠ SỞ HẠ TẦNG

Công ty TNHH cao su Đaklak là đơn vị đã hoạt động 20 năm tại Lào. Hiện đang quản lý và sử dụng 10.186,67 ha gồm 4 nông trường trực thuộc. Các điều kiện cơ sở hạ tầng tương đối hoàn thiện phục vụ cho việc trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su cho đến nay.

Thực hiện dự án tái canh cao su sẽ sử dụng toàn bộ các điều kiện tại các nông trường (Nông trường 1, Nông trường 2, Nông trường 3, Nông trường 4) đã và đang hoạt động cho nhiệm vụ quản lý và sử dụng trồng và chăm sóc, khai thác cao su. Tuy nhiên công ty đầu tư làm hàng rào bảo vệ phục vụ cho vườn cây trồng mới và 3 năm đầu thời kỳ KTCB và gia cố sửa chữa một số đoạn tuyến đường trong quá trình sử dụng bị hư hỏng, kịp thời phục vụ dự án tái canh.

1. Nhà cửa, vật kiến trúc:

- Công ty TNHH Cao su Đắc Lắc có văn phòng chính đóng tại bản Thaluong, thành phố Pakse, tỉnh Champasak.

- Trụ sở làm việc gồm Nông trường 1 có trụ sở tại Bản Maysivilay, huyện Bachieng, tỉnh Champasak; Nông trường 2 có trụ sở tại Bản Vankhanan, huyện Laongam, tỉnh Salavan; Nông trường 3 có trụ sở Bản Lak 29, huyện Pathumphone, tỉnh Champasak; Nông trường 4 có trụ sở tại Bản Noong Ke, huyện Laongam, tỉnh Salavan. Các nông trường trực Công ty TNHH cao su Đắc Lắc quản lý (bao gồm khối văn phòng, nhà bảo vệ, kho tàng, nhà để xe, nhà nghỉ công nhân, nhà vệ sinh, công trình điện, nước...) đã được đầu tư hoàn chỉnh trước đây, các công trình này hiện còn rất tốt và sử dụng được, nên dự án này không cần đầu tư thêm.

- Nhà máy chế biến: Sử dụng nhà máy công suất 18.000 tấn/ năm của công ty đã đầu tư tại tỉnh **Champasak**.

2. Giao thông:

- Dự án tái canh sử dụng hiện trạng giao thông hiện có tại các nông trường. Duy trì các đường trục chính, đường lô, ranh thửa hiện trạng các lô cao su thanh lý.

- Các đoạn đường trên hiện đã kết hợp với hệ thống đường trục chính của địa phương phục vụ cho việc vận chuyển khai thác mủ, vật tư, và sản phẩm tiêu thụ.

3. Hệ thống điện:

Khu vực dự án được cung cấp điện ổn định từ các nguồn thủy điện, các tuyến đường dây cao thế 220KV, 110KV và mạng điện trạm và đường dây hạ thế cấp điện đến các trung tâm nông trường, nguồn cung cấp ổn định, rất thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt.

Hiện tại Công ty đã sử dụng điện lưới quốc gia cung cấp cho nhà máy chế biến cao su công suất 18.000 tấn/năm, đảm bảo hoạt động sản xuất.

4. Hệ thống cấp, thoát nước:

Cấp nước phục vụ cho trụ sở làm việc: Sử dụng công trình cấp thoát nước hiện đã có và đang hoạt động tốt.

5. Hệ thống thông tin liên lạc:

Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc gồm điện thoại và máy fax và các mạng Internet cho văn phòng trung tâm Công ty và Nông trường. Hiện đang hoạt động rất tốt. Dự án tận dụng sử dụng hệ thống này không cần đầu tư thêm.

CHƯƠNG V

CHƯƠNG TRÌNH SẢN XUẤT

I. TỔ CHỨC MUA SẮM VẬT TƯ NGUYÊN LIỆU ĐẦU VÀO:

Trong quá trình đầu tư sẽ thực hiện mua sắm các vật tư, nguyên liệu chủ yếu cần thiết cho quá trình trồng, chăm sóc chế biến cao su gồm: Nhiên liệu xăng dầu, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công cụ, dụng cụ chuyên ngành... Sẽ ưu tiên sử dụng các loại hàng hóa, vật tư, nguyên liệu, công cụ lao động tại địa phương hoặc từ Việt Nam sản xuất.

Bên cạnh đó các loại phân bón vô cơ, hóa chất, nhiên liệu... có nguồn gốc nhập khẩu; thì chương trình đầu tư dự án chỉ tiêu thụ sử dụng những loại vật tư đã được công nhận và được phép lưu hành tại Lào theo quy định.

II. PHƯƠNG ÁN SẢN PHẨM, TỔ CHỨC TIÊU THỤ:

Mủ nước và mủ **đông** thu hoạch được sẽ được chuyển về chế biến ngay tại nhà máy của công ty. Nhà máy công ty hiện nay đã được đầu tư và hiện đang đảm bảo hoạt động sản xuất chế biến hết lượng mủ khai thác công suất 18.000 tấn/ năm. Sản phẩm nhà máy công ty chế biến ra các loại sản phẩm sau:

- Sản phẩm chủ yếu của dự án sẽ là loại mủ cốm chất lượng cao: SVR CV50; SVR CV 60, SVR 3L, SVR 5L được chế biến từ mủ nước thu hoạch từ vườn cây chở thẳng về nhà máy; Các loại mủ đông sẽ được chế biến thành mủ SVR 10, 20.

- Trong quá trình sản xuất khối lượng và loại sản phẩm chế biến tùy thuộc vào các yêu cầu của khách hàng và thị trường.

- Sản phẩm mủ cao su nguyên liệu sau khi chế biến được Công ty bán cho Công ty CP **đầu tư** Cao su Đắc Lắc xuất khẩu ra thị trường Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ hoặc xuất khẩu bán trực tiếp.

- Ngoài ra, còn có những sản phẩm phụ là gỗ, củi cao su sau khi vườn cây cao su hết chu kỳ kinh doanh khai thác mủ thì được thanh lý vườn cây.

III. DỰ KIẾN NĂNG SUẤT, SẢN LƯỢNG:

- Tiêu chuẩn vườn cây cao su đưa vào cạo: Cây cao su đạt tiêu chuẩn mở cạo khi bề vòng thân đạt từ 50 cm trở lên, đo cách mặt đất 1m. Lô cao su kiến thiết cơ bản có từ 70% số cây cạo trở lên đạt tiêu chuẩn thì đưa vào cạo mủ. Dự kiến thời gian trồng mới và kiến thiết cơ bản của vườn cây cao su là 08 năm. Tới năm 2033, diện tích vườn cây trồng mới đầu tiên vào năm 2025 sẽ được đưa vào khai thác. Tuy nhiên trên thực tế sản xuất sẽ phân đầu để rút ngắn thời gian kiến thiết cơ bản để nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Dự kiến năng suất, sản lượng cao su: Dựa vào định chuẩn năng suất của các bộ giống cao su được áp dụng cho dự án, căn cứ vào dự báo những tiến bộ về kỹ thuật thâm canh cũng như công tác quản lý trong quá trình chăm sóc khai thác vườn cây cao su, dự kiến năng suất như sau:

*** Sản phẩm cao su:**

Dự kiến năng suất bình quân toàn vườn cây cao su: 1,93 tấn/ha/năm

Thời gian khai thác mủ cao su: 20 năm

Thời gian khai thác của dự án (2033-2054): 22 năm

Tổng sản lượng khai thác cho cả chu kỳ kinh doanh 22 năm: 141.830 tấn

Sản lượng những năm cao hơn 8.500 tấn/năm từ năm 2041 đến năm 2043;
Sản lượng bình quân trong 06 năm cao điểm (từ năm 2040 - 2045 có năng suất bình quân 2,07 tấn/ha): là 8.463 tấn/năm.

*** Sản phẩm phụ:**

Cuối chu kỳ kinh doanh khi thanh lý vườn cây còn có sản phẩm phụ, bao gồm gỗ cao su và củi.

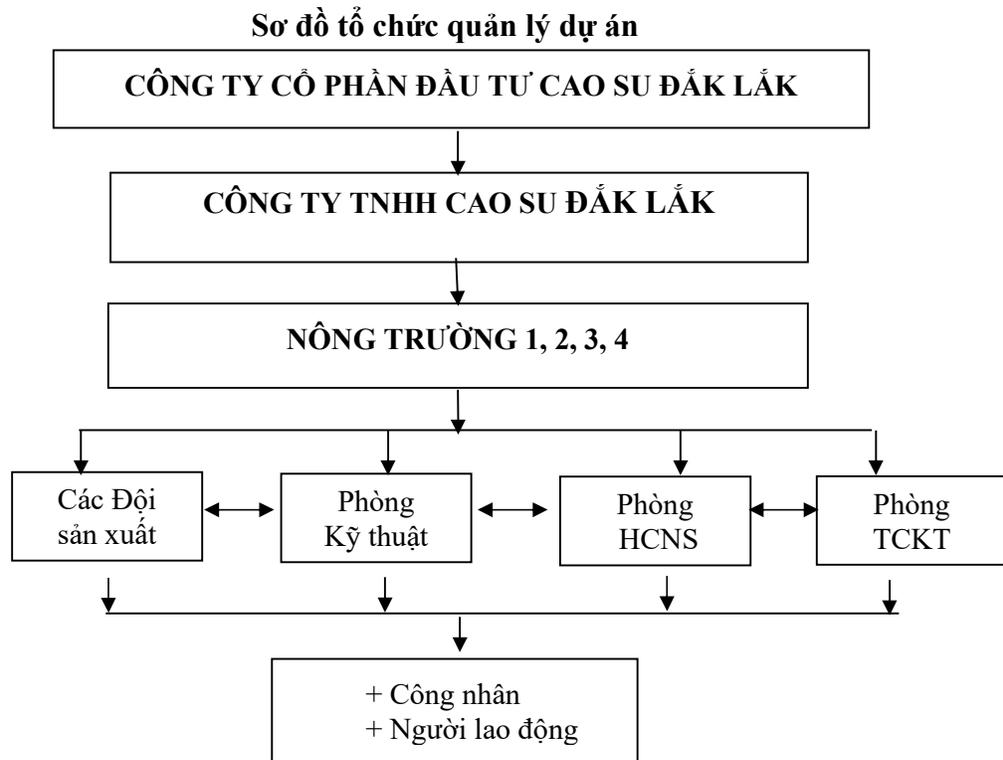
CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ SẢN XUẤT

I. TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

1. Sơ đồ tổ chức sản xuất - kinh doanh:

Đây là dự án đầu tư tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cây cao su của Công ty TNHH Cao su Đắc Lắc tại nước CHDCND Lào. Mô hình tổ chức sản xuất Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc (DRI) - Công ty mẹ sở hữu 100% vốn. Công ty TNHH Cao su Đắc Lắc được giao quản lý trực tiếp dự án, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh các nông trường trực thuộc theo sơ đồ như sau:



Các đội sản xuất là đơn vị trực thuộc các nông trường, chịu sự giám sát quản lý của Nông trường và Công ty về kỹ thuật. Công ty thực hiện chế độ khoán đối với người lao động. Người lao động được khoán toàn bộ chi phí nhân công, chi phí công cụ nhỏ, cụ thể như sau:

- Trồng mới, chăm sóc vườn cây KTCB, vườn cây KD: Công ty giao kế hoạch sản xuất cho các Nông trường, căn cứ vào kế hoạch, định mức và các yêu cầu kỹ thuật, đơn vị giao khoán cho người lao động tại địa phương theo từng hạng mục công việc.

- Khai thác mủ cao su: Đầu vụ khai thác mủ, các nông trường phân chia vườn cạo (Khoảng 450 cây đến 500 cây/phần cạo), xác định sản lượng mủ khai

thác theo vườn cao, sau đó giao khoán cho công nhân trực tiếp cao mủ cao su, Công ty sẽ kiểm tra định kỳ để thưởng phạt công bằng và minh bạch.

- Người lao động được hưởng lương khoán theo sản phẩm, đơn giá tiền lương được công ty xây dựng và phổ biến cho người lao động, đại diện chính quyền địa phương ngay từ đầu vụ.

2. Cơ cấu, tổ chức thực hiện:

- Mô hình tổ chức sản xuất: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk - Công ty mẹ sở hữu 100% vốn tại Công ty TNHH cao su Đắk Lắk.

- Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk được giao quản lý trực tiếp dự án, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Bao gồm các nông trường đã được thành lập trước đây và hiện đang hoạt động quản lý trong phạm vi diện tích vườn cây cao su do Công ty giao nhiệm vụ (Nông trường 1, Nông trường 2, Nông trường 3, Nông trường 4) là các đơn vị trực tiếp thực hiện dự án, triển khai trồng mới tái canh của dự án, bộ máy gồm:

- Ban Giám đốc nông trường (01 GD, 01 hoặc 2 Phó GD)

- Các bộ phận nghiệp vụ trực thuộc BGD gồm: Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kỹ thuật, Phòng Tổ chức Hành chính.

- Giữ nguyên cơ cấu các đội sản xuất có diện tích tái canh cao su như hiện nay để thực hiện 02 nhiệm vụ trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su.

II. BỐ TRÍ LAO ĐỘNG

- Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk quản lý điều hành, chỉ đạo hoạt động toàn bộ dự án.

- Ban lãnh đạo nông trường và các phòng ban, các đội sản xuất trực thuộc tại các nông trường triển khai dự án không thay đổi.

- Lao động trực tiếp chăm sóc vườn cây: Công ty thuê khoán lao động tại địa phương theo thời vụ và hạng mục công việc cần thực hiện.

- Lao động khai thác mủ cao su: Bình quân là 3ha/lao động.

- Lao động gián tiếp: Tiếp tục sử dụng các Cán bộ điều hành tại các Nông trường, các Đội sản xuất trước đây đã được phân công, bổ nhiệm.

- Tuyển dụng lao động: Ưu tiên cho các công nhân lao động tại các Đội sản xuất đã nhận khoán vườn cây trước đây, còn trong độ tuổi lao động, có sức khoẻ đảm bảo được công việc nhận khoán chăm sóc vườn cây cao su.

III. CHẾ ĐỘ ĐÀO TẠO

1. Chế độ đào tạo:

- Công nhân tuyển dụng thực hiện dự án cần trình độ kỹ thuật nhất định, trung bình tổng thời gian huấn luyện tối thiểu để có thể làm việc ở công nhân nông nghiệp là 120 ngày chưa kể các thời gian được tiếp tục tập huấn để triển khai áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong suốt chu kỳ của dự án. Việc huấn luyện

cho công nhân được thực hiện tại chỗ, chủ yếu dưới hình thức từng đợt ngắn ngày và hình thức vừa làm, vừa học, phù hợp với tiến độ triển khai thực hiện dự án và kịp thời áp dụng những kỹ thuật mới. Việc hướng dẫn được thực hiện bởi các cán bộ, công nhân kỹ thuật nhiều kinh nghiệm kết hợp thông qua các mô hình trình diễn, khuyến nông, hội thi tay nghề hàng năm.

- Công nhân lao động trực tiếp luôn được bồi dưỡng kiến thức về quy trình kỹ thuật, trồng, chăm sóc, khai thác cao su để nâng cao tay nghề...

- Những công nhân kỹ thuật tại dự án cần trình độ kỹ thuật cao hơn và các cán bộ kỹ thuật quản lý khác sẽ được hỗ trợ kinh phí đào tạo.

2. Chế độ tiền lương:

- Chế độ lao động và các khoản phụ cấp (lương, các khoản BHYT, BHXH, trợ cấp thất nghiệp...): Được công ty thanh toán theo đúng chế độ của nhà nước.

- Mức lương thấp nhất được áp dụng theo qui định của Nhà nước.

- Công ty sẽ xây dựng hệ thống bậc lương cho lao động gián tiếp theo chức danh, trình độ, thâm niên, ngành nghề... theo đúng các quy định hiện hành.

- Người lao động hưởng lương khoán khai thác mỏ trong thời kỳ kinh doanh. Các nông trường phân chia phần cạo, xác định lượng mỏ khai thác theo phần cạo; xây dựng đơn giá tiền lương được công ty xây dựng và phổ biến cho người lao động, đại diện chính quyền địa phương ngay từ đầu vụ. Công ty sẽ kiểm tra định kỳ để thưởng phạt công bằng và minh bạch.

CHƯƠNG VII

TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐẾN CÁC YẾU TỐ MÔI TRƯỜNG

I. Trong giai đoạn khai hoang, trồng và chăm sóc cao su KTCB:

Trong quá trình khai hoang, trồng và chăm sóc cao su những năm đầu thì những hoạt động có khả năng gây tác động môi trường được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 12: Các hoạt động gây tác động ô nhiễm môi trường thời kỳ khai hoang, trồng và chăm sóc cao su KTCB

Tt	Hoạt động	Nguồn gây tác động	Chất gây ô nhiễm
1	Cưa cắt gỗ, móc gốc cây, rà rế cao su già với diện tích 4.081,64 ha cao su, vận chuyển gỗ tận thu của dự án.	Máy cưa, xe tải vận chuyển gỗ, xe múc, moóc kéo, máy cày.	- Khí thải, bụi, tiếng ồn
2	San gạt, khoan hố trồng cây cao su (4.081,64 ha).	Máy khoan, máy gạt ,máy cày	- Khí thải, bụi
3	Chăm sóc vườn cây, gồm: + Bón phân hoá học + Phun thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu + Làm cỏ, phát dọn cỏ.	Xe tải vận chuyển Các máy móc thực hiện Công nhân chăm sóc	- Khí thải, bụi, tiếng ồn - Rác thải bao bì, thuốc BVTV, phân bón, rác thải nông nghiệp
4	Bảo dưỡng máy móc, thiết bị.	Xe vận chuyển, máy móc, thiết bị	Lượng dầu mỡ thải của xe, máy

- Tác động khí thải phát sinh từ các phương tiện như: chở gỗ cao su tận thu, vận chuyển giống, vật tư trong quá trình trồng và chăm sóc vườn cây cao su; Khi giải phóng mặt bằng, sẽ tiến hành san lấp hố, rà rế và khoan hố trồng cao su. Tuy nhiên vùng dự án cách xa khu dân cư và quá trình khai thác gỗ cao su theo lộ trình 8 năm, giải phóng mặt bằng đến đâu thực hiện trồng tái canh đến đó. Nên tác động khí thải của phương tiện giao thông đến môi trường không khí là không đáng kể.

- Tác động do ô nhiễm bụi từ quá trình vận chuyển của các phương tiện giao thông. Quá trình khai hoang: san lấp hố, rà rế, đào hố trồng cao su của dự án phát sinh khối lượng bụi đất. Do đặc điểm địa hình các vùng trồng tái canh cao su tương đối bằng phẳng, các vườn cây có các trục chính, đường lô, liên lô sẵn có nên không cần san ủi; quá trình khai hoang chỉ diễn ra trong thời gian ngắn, nên lượng bụi phát sinh trong quá trình này là không đáng kể đến môi trường xung quanh khu vực. Tuy nhiên hoạt động này sẽ gây ra một số ảnh hưởng nhất định đến người lao động trực tiếp, cần chú ý có những biện pháp và phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động như:

+ Đề phòng các loại sinh vật độc hại như: Các loại côn trùng, rắn, muỗi độc ...

+ Hạn chế ảnh hưởng do bụi đất đá, khí thải của các phương tiện vận tải, thi công san gạt mặt bằng.

+ Ảnh hưởng do nhiệt độ cao khi phải làm việc ngoài trời trong khu vực đất trống.

+ Tai nạn lao động là điều luôn phải đề phòng đối với bất kỳ một công trường nào. Do thời gian xây dựng dự án tương đối dài nên phải xây dựng nội quy an toàn lao động, trang bị phương tiện bảo hộ lao động, sơ cứu y tế...

- Tác động đến môi trường xung quanh khu vực: Trong giai đoạn thiết kế xây dựng vườn cây có thể có một số tác động tiêu cực như:

+ Ảnh hưởng do bụi phát tán vào môi trường xung quanh. Các loại bụi dạng hạt (đất, cát) này có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân sinh sống ở khu vực lân cận. Tuy nhiên ảnh hưởng cũng rất hạn chế do khu vực thi công xa khu dân cư.

+ Bụi đất phát tán còn có thể tác động xấu đến hệ thực vật khu vực xung quanh, biểu hiện thường thấy là cây cối trong khu vực lân cận thường bị phủ một lớp bụi trên mặt lá, từ đó sẽ cản trở quá trình quang hợp của cây, cây cối sẽ bị còi cọc, chậm lớn. Tuy nhiên thời gian thi công từng khu vực không dài, mùa mưa và khí hậu nhiệt đới gió mùa có tác dụng hạn chế rất nhiều tác động tiêu cực này.

+ Giai đoạn trồng mới làm mất đi lớp phủ thảm thực vật, mùa mưa có thể xảy ra hiện tượng rửa trôi làm giảm độ phì nhiêu của đất và có thể nhất thời làm ô nhiễm nguồn nước mặt gần vùng dự án. Cần khắc phục bằng cách tuân thủ các biện pháp đã được quy định trong quy trình kỹ thuật như thiết kế lô trồng ở nơi có độ dốc.

- Ô nhiễm tiếng ồn tác động không đáng kể đến môi trường xung quanh do khu vực thi công rộng, khu vực dự án ít dân cư sinh sống. Tuy nhiên trong trường hợp có nhiều máy móc hoạt động cùng một lúc, có sự cộng hưởng tiếng ồn, công ty sẽ chú ý đến các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn trong quá trình thi công, bảo đảm độ ồn luôn nằm trong giới hạn cho phép.

- Vấn đề tác động của chất thải sinh hoạt công nhân tuy không đáng kể nhưng cần có những công trình lán trại công nhân với hệ thống cấp thoát nước, vệ sinh tạm đầy đủ, có nội quy vệ sinh công trường để hạn chế tác động xấu của nước thải sinh hoạt và chất thải rắn làm ô nhiễm môi trường.

- Quá trình chăm sóc cao su thời kỳ KTCB, hàng năm dự án sử dụng một lượng hoá chất thuốc BVTV để phòng bệnh hại. Trong quá trình sử dụng sẽ phát sinh mùi hôi của thuốc ảnh hưởng đến sức khoẻ công nhân và môi trường không khí khu vực. Đây là nguồn gây ô nhiễm quan trọng, đối với nguồn ô nhiễm này công ty sẽ có biện pháp giảm thiểu, khắc phục.

II. Những tác động đến môi trường khi dự án đi vào hoạt động:

Khi dự án đã hoàn thành giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản bước vào thời kỳ kinh doanh. Cây cao su đã trưởng thành, tạo thảm phủ xanh tốt sẽ góp phần che phủ đất, cải thiện môi trường không khí xung quanh; Tuy nhiên giai đoạn này cũng có một số hoạt động ảnh hưởng đến môi trường như sau:

Bảng 13: Các hoạt động gây tác động ô nhiễm môi trường thời kỳ chăm sóc và khai thác mủ cao su

TT	Hoạt động gây ô nhiễm môi trường		Chất thải
1	Môi trường không khí	Hoạt động giao thông vận tải.	- Khí thải, bụi, tiếng ồn
		Vận chuyển phân bón, thuốc BVTV, xăng dầu.	- Mùi hóa chất pha chế thuốc BVTV. - Hơi xăng dầu.
		Hoạt động khai thác và vận chuyển mủ.	- Mùi hôi từ mủ cao su, bụi vận chuyển
2	Môi trường nước	Nước mưa chảy tràn	- Nước mưa cuốn theo các chất ô nhiễm
		Hoạt động chăm sóc vườn cây.	- Phân bón và hoá chất hoà tan vào nước mưa.
3	Môi trường đất	Hoạt động chăm sóc vườn cây.	- Chất thải rắn nguy hại (bao bì, lọ,...)
		Hoạt động bón phân, sử dụng thuốc	- Dư lượng phân bón, hoá chất.

- Tác động bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển vật tư, phân bón, hóa chất, mủ nước của dự án được thu gom từ vườn cao su hàng ngày và vận chuyển ngay đến nhà máy chế biến mủ cao su. Tuy nhiên hoạt động trong thời kỳ này không nhiều, nên tác động của khí thải do hoạt động của phương tiện giao thông đến môi trường là không đáng kể.

- Quá trình chăm sóc cao su thời kỳ cao su kinh doanh, hàng năm dự án sử dụng một lượng nhỏ thuốc BVTV như Mêxyl MZ 72, VaZolin khi có bệnh hại, Amoniac chống đông. Trong quá trình sử dụng sẽ phát sinh mùi hôi của thuốc ảnh hưởng đến sức khoẻ công nhân và môi trường không khí khu vực. Đây là nguồn gây ô nhiễm quan trọng, đối với nguồn ô nhiễm này công ty sẽ có biện pháp giảm thiểu.

- Nước mưa chảy tràn sẽ giảm dần theo các năm khi cây cao su lớn. Khi vườn cây cao su từ năm 7-22 thì tỷ lệ dòng chảy mặt chỉ còn khoảng 2%. Nên

đánh giá tác động của nước mưa chảy tràn trong giai đoạn này là không đáng kể đối với môi trường đất và môi trường nước trong khu vực.

- Các bao bì đựng phân bón, các vỏ chai chứa hoá chất BVTN, thuốc kích thích mù... không quản lý chặt chẽ sẽ làm ô nhiễm nguồn nước tại khu vực.

- Khi cây cao su phát triển thì chế độ vi khí hậu của vùng sẽ biến đổi theo hướng tích cực hơn so với giai đoạn trồng mới, đặc biệt là khi cao su bắt đầu giao tán và đủ tiêu chuẩn khai thác.

CHƯƠNG VIII

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

I. VỐN ĐẦU TƯ

1. Nhu cầu vốn đầu tư:

1.1. Tổng mức đầu tư:

Tổng vốn đầu tư (làm tròn) là: **36.423.300 USD**

(Bằng chữ: Ba mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi ba ngàn, ba trăm USD).

1.2. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn tự có (30,0%): 9.391.243 USD.

- Vốn vay (70,0%): 21.912.897 USD.

2. Tiến độ đầu tư:

2.1. Hạng mục đầu tư

Bảng 144: Tổng hợp vốn đầu tư và lãi vay của dự án

Năm đầu tư	Vốn đầu tư tái canh cao su (USD)	Trong đó		Lãi vay thời kỳ đầu tư (USD)	Tổng vốn đầu tư (USD)
		Vốn tự có (30%)	Vốn vay (70%)		
2025	232.168	69.650	162.517	13.001	245.169
2026	774.996	232.499	542.497	53.801	828.797
2027	1.167.097	350.129	816.968	107.878	1.274.975
2028	2.219.513	665.854	1.553.659	207.819	2.427.333
2029	3.146.067	943.820	2.202.247	334.789	3.480.856
2030	3.777.927	1.133.378	2.644.549	461.906	4.239.833
2031	3.955.858	1.186.758	2.769.101	559.276	4.515.134
2032	3.792.663	1.137.799	2.654.864	611.880	4.404.544
2033	3.014.160	904.248	2.109.912	591.483	3.605.643
2034	2.728.449	818.535	1.909.914	546.185	3.274.634
2035	2.397.216	719.165	1.678.051	487.016	2.884.232
2036	1.871.142	561.343	1.309.799	413.850	2.284.992
2037	1.262.975	378.893	884.083	329.976	1.592.951
2038	701.280	210.384	490.896	242.980	944.260
2039	262.625	78.787	183.837	157.323	419.947
TỔNG	31.304.138	9.391.241	21.912.897	5.119.162	36.423.300

(Xem chi tiết phần phụ lục biểu số 12, 13)

- Đầu tư vườn cây cao su: 31.304.138 USD.

- Lãi vay thời kỳ KTCB: 5.119.162 USD.

Như vậy suất đầu tư 01 ha cao su của dự án: bao gồm đầu tư, lãi vay là 8.924 USD/ha. Trong đó: riêng lãi vay trong thời gian kiến thiết cơ bản là 1.254 USD/ha. Nếu không kể lãi vay thì suất đầu tư thuần là 7.670 USD/ha.

2.2. Tiến độ đầu tư vốn:

- Việc tính toán đầu tư hàng năm được căn cứ vào tiến độ trồng tái canh cao su, qua đó xác định tiến độ đầu tư của các năm tiếp theo, có chú ý đến khả năng nguồn vốn cho phép.

- Chi tiết khối lượng và giá trị vườn tái canh cây cao su hàng năm được xác định cụ thể tại các phụ lục kèm theo (*Phụ lục biểu số 04*).

Bảng 15: Phân kỳ đầu tư dự án năm 2025-2032

DVT: USD

TT	Loại hình	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ THEO NĂM							
		2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032
1	TM	232.168	700.112	866.399	1.639.365	2.037.156	2.022.350	1.579.353	945.564
2	KTCB 1	-	74.884	225.815	279.449	528.763	657.067	652.291	509.406
3	KTCB 2	-	-	74.884	225.815	279.449	528.763	657.067	652.291
4	KTCB 3	-	-	-	74.884	225.815	279.449	528.763	657.067
5	KTCB 4	-	-	-	-	74.884	225.815	279.449	528.763
6	KTCB 5	-	-	-	-	-	64.483	194.452	240.637
7	KTCB 6	-	-	-	-	-	-	64.483	194.452
8	KTCB 7	-	-	-	-	-	-	-	64.483
	Tổng cộng	232.168	774.996	1.167.097	2.219.513	3.146.067	3.777.927	3.955.858	3.792.663
	-Vốn vay	162.517	542.497	816.968	1.553.659	2.202.247	2.644.549	2.769.101	2.654.864
	-Vốn tự có	69.650	232.499	350.129	665.854	943.820	1.133.378	1.186.758	1.137.799

Bảng 16: Phân kỳ đầu tư dự án năm 2033-2039

DVT: USD

TT	Loại hình	PHÂN KỲ ĐẦU TƯ THEO NĂM						
		2033	2034	2035	2036	2037	2038	2039
1	TM							
2	KTCB 1	304.983						
3	KTCB 2	509.406	304.983					
4	KTCB 3	652.291	509.406	304.983				
5	KTCB 4	657.067	652.291	509.406	304.983			
6	KTCB 5	455.324	565.808	561.695	438.656	262.625		
7	KTCB 6	240.637	455.324	565.808	561.695	438.656	262.625	-
8	KTCB 7	194.452	240.637	455.324	565.808	561.695	438.656	
	Tổng cộng	3.014.160	2.728.449	2.397.216	1.871.142	1.262.975	701.280	262.625
	-Vốn vay	2.109.912	1.909.914	1.678.051	1.309.799	884.083	490.896	183.837
	-Vốn tự có	904.248	818.535	719.165	561.343	378.893	210.384	78.787

II. PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ KINH DOANH:

1. Dự kiến doanh thu hàng năm của dự án:

1.1. Cơ sở tính toán:

- Sản lượng hàng năm được tính căn cứ vào diện tích dự kiến đưa vào khai thác và năng suất thiết kế của vườn cây cao su khai thác theo chu kỳ 20 năm.

- Giá bán mủ cao su: Thị trường sản phẩm mủ cao su với đặc thù có chu kỳ biến động tăng, giảm giá khá dài. Trung bình từ 3-5 năm. Giá bán sản phẩm mủ cao su trong dự án được tính bằng đơn giá bán bình quân của DRI trong giai đoạn từ 2017-2023. Chi tiết như sau:

TT	Năm	Giá bán B/Q (USD/tấn)
1	2017	1.617
2	2018	1.413
3	2019	1.370
4	2020	1.427
5	2021	1.835
6	2022	1.627
7	2023	1.430
	Giá bình quân	1.552

Giá bán sản phẩm mủ cao su là 1.552 USD/tấn (*bằng giá bán sản phẩm của Công ty bình quân 7 năm*).

- Giá bán gỗ cao su thanh lý: Vườn cây cao su, sau khi được quy hoạch và HĐQT phê duyệt lộ trình tái canh, sẽ được thanh lý khai thác lấy gỗ cao su bán cho các đơn vị SXKD gỗ cao su. Việc khai thác gỗ cao su được thực hiện ngay năm trước để chuẩn bị tái canh cao su năm kế tiếp. Hình thức thu thanh lý gỗ cao su được thực hiện theo cách bán cây đứng tại vườn cây. Giá bán cây cao su thanh lý ước tính bằng số lượng cây là 300 cây/ha và giá bán bình quân là 80.000 kíp/cây. Doanh thu gỗ cao su thanh lý là 24.000.000 kíp/ha tương đương 1.143 USD (*Giá khảo sát tại thời điểm lập dự án*)

1.2. Doanh thu hàng năm:

Bảng 17: Tổng hợp doanh thu và lợi nhuận hàng năm

TT	Năm	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Doanh thu mủ (USD)
1	2033	94,55	141,83	220.112
2	2034	379,67	616,78	957.243
3	2035	732,51	1.307,51	2.029.256
4	2036	1400,14	2.523,49	3.916.455

TT	Năm	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Doanh thu mủ (USD)
5	2037	2229,77	4.115,29	6.386.935
6	2038	3053,37	5.866,29	9.104.476
7	2039	3696,56	7.370,41	11.438.875
8	2040	4081,64	8.333,62	12.933.778
9	2041	4081,64	8.610,63	13.363.695
10	2042	4081,64	8.629,74	13.393.356
11	2043	4081,64	8.549,96	13.269.544
12	2044	4081,64	8.438,21	13.096.096
13	2045	4081,64	8.217,07	12.752.886
14	2046	4081,64	8.043,18	12.483.009
15	2047	4081,64	8.016,94	12.442.288
16	2048	4081,64	8.046,41	12.488.031
17	2049	4081,64	8.068,40	12.522.157
18	2050	4081,64	7.960,27	12.354.336
19	2051	4081,64	7.707,87	11.962.616
20	2052	4081,64	7.514,64	11.662.720
21	2053	3987,09	7.189,98	11.158.852
22	2054	3701,97	6.561,50	10.183.446
	Tổng cộng			220.120.162

(Xem chi tiết tại Phụ lục biểu số số 10 kèm theo).

2. Dự kiến chi phí:

2.1. Cơ sở tính toán:

- Chi phí khai thác mủ cao su:

- + Chi phí nhân công trực tiếp: theo quy chế tiền lương của công ty.
- + Chi phí máy chăm sóc, vật tư, dụng cụ và bảo hộ lao động: theo định mức của công ty.

- Chi phí chế biến mủ cao su

- + Chi phí vận chuyển mủ nước về nhà máy: 107,52 USD/tấn.
- + Chi phí vận chuyển mủ phụ về nhà máy: 105,63 USD/tấn.

(Xem chi tiết tại Phụ lục biểu số số 07 kèm theo).

- Chi phí bán hàng xuất khẩu: 79,57 USD/tấn theo dự toán sau:

TT	Khoản mục	ĐVT	Định mức	Đơn giá USD	CP/tấn USD	Ghi chú
1	Nhân công					
1.1	Nhân công lái xe nâng	Công/tấn		0,90	0,90	
1.2	Công bốc hàng lên xe	Công/tấn		2,00	2,00	
2	Dầu xuất hàng	Lít/tấn	0,150	1,10	0,17	
3	Chi phí làm thủ tục XK	USD/tấn			1,50	
4	CP vận chuyển + thuế VC	USD/tấn			75,00	
	Tổng cộng				79,57	

- Chi phí khấu hao

+ Khấu hao vườn cây cao su: Căn cứ vào tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su hàng năm theo chu kỳ khai thác 20 năm (*chi tiết tại Phụ lục biểu số 11*).

+ Kế hoạch khấu hao đầu tư xây dựng công trình khác vườn cây (*chi tiết tại Phụ lục biểu số 14*).

2.2. Giá thành sản xuất cao su

Tổng giá thành 1 tấn mù cao su thành phẩm BQ hàng năm cả chu kỳ là **1.402 USD/tấn**. (*Đã bao gồm: CP vận chuyển; CP chế biến; CP xử lý môi trường, CP khấu hao vườn cây, KHCB khác, CP sản xuất chung, lãi vay thời kỳ kinh doanh, CP bán hàng...*). Trong đó: Chi phí vận chuyển, chế biến và bán hàng tính theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.

3. Kết quả sản xuất kinh doanh toàn chu kỳ:

+ Tổng sản lượng cao su khai thác và xuất bán: Với chu kỳ khai thác cao su **20 năm**, năng suất BQ cả chu kỳ là **1,94 tấn/ha**. Tổng sản lượng khai thác, chế biến và xuất bán cả chu kỳ **141.830 tấn**.

+ Tổng doanh thu: 220.120.162 USD.

+ Tổng chi phí : 189.356.539 USD.

+ Tổng lợi nhuận trước thuế: 28.254.784 USD.

+ Tổng thuế lợi tức (20%): 5.693.492 USD.

+ Tổng lợi nhuận ròng: 22.561.256 USD.

Bảng 18: Bảng tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh cả chu kỳ

TT	Năm	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận trước thuế	Thuế lợi tức (20%)	Lợi nhuận sau thuế
1	2033	220.112	245.872	-25.760	-	-25.760
2	2034	957.243	996.765	-39.522	-	-39.522
3	2035	2.029.256	2.174.177	-144.922	-	-144.922
4	2036	3.916.455	3.918.964	-2.509	-	-2.509
5	2037	6.386.935	5.789.201	597.733	119.547	478.187
6	2038	9.104.476	7.975.916	1.128.560	225.712	902.848
7	2039	11.438.875	9.711.177	1.727.697	345.539	1.382.158
8	2040	12.933.778	10.758.379	2.175.399	435.080	1.740.319
9	2041	13.363.695	11.075.402	2.288.292	457.658	1.830.634
10	2042	13.393.356	11.177.991	2.215.365	443.073	1.772.292
11	2043	13.269.544	11.155.657	2.113.887	422.777	1.691.110
12	2044	13.096.096	11.115.190	1.980.906	396.181	1.584.725
13	2045	12.752.886	10.945.981	1.806.905	361.381	1.445.524
14	2046	12.483.009	10.849.091	1.633.918	326.784	1.307.134

TT	Năm	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận trước thuế	Thuế lợi tức (20%)	Lợi nhuận sau thuế
15	2047	12.442.288	10.886.273	1.556.015	311.203	1.244.812
16	2048	12.488.031	10.890.941	1.597.090	319.418	1.277.672
17	2049	12.522.157	10.886.439	1.635.717	327.143	1.308.574
18	2050	12.354.336	10.813.069	1.541.267	308.253	1.233.014
19	2051	11.962.616	10.649.622	1.312.994	262.599	1.050.395
20	2052	11.662.720	10.468.539	1.194.180	238.836	955.344
21	2053	11.158.852	10.069.716	1.089.136	217.827	871.309
22	2054	10.183.446	9.311.049	872.397	174.479	697.918
	Tổng cộng	220.120.162	189.356.539	28.254.748	5.693.492	22.561.256

(Xem chi tiết tại Phụ lục biểu số 10)

III. CÁC CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN:

1. Thời gian hoàn vốn:

Căn cứ vào số liệu khấu hao và lãi ròng tích lũy (xem phụ lục biểu số 17: Doanh thu, chi phí, lợi nhuận cả chu kỳ).

Thời gian hoàn vốn không chiết khấu của dự án là 22 năm 4 tháng.

2. Tỷ suất sinh lời doanh thu (lãi ròng/doanh thu) bình quân toàn chu kỳ dự án:

Là: $22.561.256 \text{ USD} / 220.120.162 \text{ USD} = 10,25\%$

3. Hiện giá thu nhập thuần của dự án – NPV:

- Dòng Ngân lưu ròng: **40.602.748 USD**

- Giá trị hiện tại ròng của dự án **NPV = 3.610.178 > 0**.

(Xem Phụ lục biểu số 15 dòng ngân lưu của dự án)

4. Tỷ suất thu hồi vốn nội bộ của dự án (IRR):

- Với chi phí sử dụng vốn ở mức là **8,0%/năm**, dự án có tỉ suất hoàn vốn nội bộ **IRR là 11,2%**.

IRR của dự án là tỷ suất chiết khấu mà với tỷ suất này, NPV của dự án >0. Xét về góc độ khả năng sinh lời, IRR biểu thị tỷ lệ sinh lời lớn nhất mà bản thân dự án đạt được. Xét về khả năng thanh toán, IRR biểu thị mức lãi vay cao nhất mà dự án có thể chấp nhận được khi huy động các nguồn tài trợ đầu tư cho dự án. Với ý nghĩa như vậy, tỷ suất IRR = **11,2%**.

(Xem Phụ lục biểu số 16 Phân tích một số chỉ tiêu tài chính)

=> Cho thấy việc đầu tư Dự án tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cây cao su của Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk tại nước CHDCND Lào là có hiệu quả về mặt kinh tế.

5. Đóng góp tài chính của dự án cho ngân sách nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp cả chu kỳ: **5.693.492 USD.**

IV. KHẢ NĂNG HOÀN TRẢ VỐN VAY ĐẦU TƯ

Dự án cân đối sẽ trả lãi vay trong từng năm, vốn gốc được bắt đầu trả sau 01 năm vay đầu tiên (năm 2025). Dự án sẽ trả xong toàn bộ vốn gốc và lãi vay vào năm 2039 bằng nguồn KHCB, lợi nhuận ròng của dự án và một phần bằng các nguồn hợp pháp khác của công ty trong thời gian KTCB cao su.

1. Kế hoạch vay:

Dự án sẽ bắt đầu vay trung, dài hạn kể từ năm 2025 khi triển khai dự án. Thực hiện trả nợ gốc sau 01 năm ân hạn theo thời kỳ KTCB của cây cao su. Dự án bắt đầu trả nợ gốc trong vòng 5 năm ngay năm kế tiếp phát sinh khoản vay.

- Kế hoạch vay vốn và cân đối nguồn vốn (*Xem chi tiết tại Phụ lục biểu số số 04 và 05 kèm theo*).

- Bảng tính chi tiết lãi vay dự kiến: 8,0%/năm (*Xem chi tiết tại Phụ lục biểu số số 12 kèm theo*).

Bảng 19: Kế hoạch trả nợ vay đầu tư dài hạn

DVT: USD

TT	Năm	Tổng tiền vay hàng năm	Lãi vay hàng năm	Tổng số tiền trả nợ vay hàng năm	Ghi chú
1	2025	162.517	13.001		
2	2026	542.497	53.801	32.503	
3	2027	816.968	107.878	141.003	
4	2028	1.553.659	207.819	304.396	
5	2029	2.202.247	334.789	615.128	
6	2030	2.644.549	461.906	1.055.578	
7	2031	2.769.101	559.276	1.551.984	
8	2032	2.654.864	611.880	1.997.305	
9	2033	2.109.912	591.483	2.364.884	
10	2034	1.909.914	546.185	2.476.135	
11	2035	1.678.051	487.016	2.417.668	
12	2036	1.309.799	413.850	2.224.369	
13	2037	884.083	329.976	1.932.508	

TT	Năm	Tổng tiền vay hàng năm	Lãi vay hàng năm	Tổng số tiền trả nợ vay hàng năm	Ghi chú
14	2038	490.896	242.980	1.578.352	
15	2039	183.837	157.323	1.254.549	
16	2040		84.576	909.333	
17	2041		38.678	573.723	
18	2042		13.737	311.763	
19	2043		2.941	134.947	
20	2044			36.767	
	TỔNG	21.912.897	5.259.095	21.912.897	

(Xem chi tiết tại Phụ lục biểu số số 13 kèm theo).

Toàn bộ lãi tiền vay trong giai đoạn KTCB của vườn cây cao su được tính và kết cấu vào tổng chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định là vườn cây cao su kinh doanh.

Lãi tiền vay trong thời kỳ vườn cây thu hoạch mủ sẽ được phân bổ theo sản lượng mủ hàng năm thu hoạch được.

2. Phương án trả nợ vay:

- Nguồn trả nợ:

+ Nguồn khấu hao tài sản hàng năm.

+ Lợi nhuận sau thuế từng năm của toàn bộ hoạt động SXKD của công ty.

- Thời gian trả nợ: 05 năm, ngay sau năm liền kề phát sinh khoản vay.

3. Cân đối nguồn vốn trả nợ vay và lãi vay đầu tư hàng năm

Công ty vừa đầu tư trồng tái canh 4.081.64 ha cây cao su, đầu tư trồng mới 238.93 ha cây sầu riêng, đồng thời hoạt động SDKD trên diện tích cao su hiện có chưa tái canh. Do đó việc cân đối nguồn trả nợ vốn vay và lãi vay đầu tư được cân đối chung trong tổng thể toàn bộ hoạt động SXKD hàng năm của công ty.

** Kế hoạch vay - đối tượng chịu lãi vay - Kế hoạch vay và trả vay - Nguồn trả nợ vay được phân tích (Xem chi tiết tại phụ lục biểu số 14)*

V. HIỆU QUẢ VỀ KINH TẾ XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN:

1. Đóng góp cho ngân sách nhà nước:

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư trồng tái canh cao su, Dự án sẽ tuân thủ đúng đắn theo các văn bản pháp luật của Nhà nước Lào ban hành, việc đóng góp cho ngân sách nhà nước là nghĩa vụ của Công ty.

Dự kiến khi đi vào khai thác vườn cây và có lãi, dự án sẽ đóng góp cho ngân sách nhà nước từ tiền Thuế thu nhập doanh nghiệp 5.693.492 USD. Ngoài ra, còn đóng 10% thuế thu nhập cá nhân theo thỏa thuận giữa Công ty với chính phủ Lào từ năm 2004.

2. Hiệu quả kinh tế xã hội:

- Xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hóa một cách bền vững và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Dự án tạo nên một khối lượng sản phẩm xuất khẩu có giá trị, tạo thêm việc làm nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân tỉnh Champasak và Salavan nói chung và người lao động tại các vùng dự án nói riêng, Góp phần đảm bảo và ổn định nguồn cung sản phẩm cao su cho nhu cầu của thị trường.

- Dự án thực hiện sẽ góp phần tạo nên vùng dân cư ổn định, kinh tế trong khu vực được phát triển bền vững, trình độ nhận thức và dân trí của người dân trong vùng ngày càng cao. Từ đó có tác dụng tích cực trong việc tuyên truyền những chính sách, chủ trương, ổn định an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các địa phương mà Công ty đóng chân.

- Tạo việc làm ổn định và thường xuyên cho khoảng hơn 1.280 lao động là công nhân đang làm việc tại các nông trường và người dân địa phương từ việc tham gia trồng và chăm sóc vườn cây cao su.

- Dự án sẽ tăng cường các biện pháp hỗ trợ, đào tạo nghề, mở các lớp tập huấn khoa học kỹ thuật kết hợp với thực hành tại vườn cây về kỹ thuật trồng cao su để người dân tại chỗ ổn định đời sống một cách bền vững, từng bước góp phần thúc đẩy việc phát triển cao su tiểu điền trong các nông hộ lân cận vùng dự án. Góp phần đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đối với cây công nghiệp cho các hộ gia đình.

- Thông qua chính sách liên kết đầu tư, với nguồn lực tài chính mạnh mẽ, với kinh nghiệm và khả năng quản lý trong đầu tư phát triển cao su. Dự án mang lại cho người dân những lợi ích vô cùng to lớn từ việc cùng hợp tác liên kết trong việc đầu tư, cùng quản lý và cùng hưởng lợi từ chính sách này.

3. Hiệu quả môi trường:

- Dự án góp phần bảo vệ và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai

của địa phương theo phương châm sản xuất nông nghiệp bền vững, cải tạo môi trường sinh thái góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Việc triển khai tái canh trồng cây cao su ngoài mục đích kinh tế còn góp phần đáng kể trong việc tăng độ che phủ, chống xói mòn rửa trôi, bạc màu thoái hoá đất, giữ độ ẩm cho đất và cải tạo môi trường sinh thái.

- Việc trồng tái canh hoàn chỉnh diện tích cây cao su theo đề xuất của dự án sẽ tạo nên vành đai xanh chắn gió, ổn định và điều hoà khí hậu tại các địa phương, điều tiết nguồn nước, duy trì và tăng cường chức năng phòng hộ đầu nguồn của các con suối trong khu vực.

- Việc đầu tư trồng tái canh vườn cây cao su của Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk ngoài việc giữ ổn định diện tích vườn cây cao su của Công ty, còn tạo nên sự ổn định cho cân bằng sinh thái trong khu vực.

- Công ty tham gia chương trình phát triển cao su bền vững FSC-FM/CoC góp phần cải thiện môi trường tổng thể theo các tiêu chuẩn của thế giới.

CHƯƠNG IX

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN:

- Các điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội và thực tế điều kiện sản xuất kinh doanh tại vùng dự án đã cho thấy việc đầu tư tái canh cây cao su là mục tiêu quan trọng, là định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp và cần thiết, để duy trì ổn định về diện tích vườn cây cao su mà Công ty đang quản lý, thúc đẩy việc phát triển kinh tế xã hội của vùng dự án.

- Dự án mang lại hiệu quả tổng hợp về kinh tế xã hội, không những đóng góp cho ngân sách Nhà nước Lào, ngân sách Nhà nước Việt Nam mà còn mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty, tạo công ăn việc làm ổn định cho công nhân (nhất là các công nhân tại chỗ) và ổn định môi trường sinh thái.

- Dự án sẽ khai thác tài nguyên hợp lý, tạo nên nền sản xuất nông nghiệp bền vững, giữ vững an ninh tại khu vực, tăng sản phẩm cho xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, góp phần phủ xanh đất trống sau khi thanh lý vườn cây.

- Dự án mang lại hiệu quả lợi nhuận đầu tư sản xuất kinh doanh cho Công ty thông qua các thông số tổng hợp về đầu tư tài chính, khả năng thanh toán nợ vay đầu tư... Đặc biệt là đảm bảo chu kỳ thuê đất của Công ty tại Lào.

II. KIẾN NGHỊ:

- Kiến nghị các Sở ban ngành của tỉnh Champasak và Salavan, UBND các huyện và quản lý vùng dự án tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho Công ty trong quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư cũng như quá trình sử dụng đất, tuyển dụng nguồn lực lao động tại chỗ và hoạt động SXKD tại địa phương.

- Xem xét duyệt cho dự án được hưởng các ưu đãi đầu tư theo qui định hiện hành của pháp luật của nước CHDCND Lào đối với dự án đã được thỏa thuận cho thuê đất từ năm 2004 trong quá trình thực hiện triển khai dự án như: Tiền thuê đất, ưu đãi về thuế... nhất là trong giai đoạn vườn cây cao su còn trong thời kỳ chăm sóc kiến thiết cơ bản vì có các mục tiêu và ý nghĩa nhiều mặt.

- Có chính sách ổn định vĩ mô nền kinh tế để tránh ảnh hưởng lớn đến doanh nghiệp như tỷ giá, lãi suất, chính sách xuất nhập khẩu.

TƯ VẤN LẬP DỰ ÁN
CÔNG TY CP TƯ VẤN
TN-MT VÀ TRẮC ĐỊA

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
CAO SU ĐẮK LẮK

DANH SÁCH LÝ LỊCH VƯỜN CÂY TRỒNG TÁI CANH

STT	Tên lô	Diện tích (ha)	Năm KD	Tổ	Giống	Năm trồng	DT rừng bảo tồn (ha)	Diện tích Tái canh (ha)
I	TỔNG NT 1	1.155,69					38,11	1.117,58
1	9.2KH	15,78	KD 10	TỔ 7	RRIV4	2008		15,78
2	10.4KH	3,08	KD 10	TỔ 7	RRIV4	2008		3,08
3	15.1b	12,99	KD 11	TỔ 10	RRIV4	2006		12,99
4	15.1c	3,95	KD 11	TỔ 10	RRIV4	2006		3,95
5	15.3	10,00	KD 11	TỔ 10	PB260	2006		10,00
6	15.4b	4,53	KD 11	TỔ 10	RRIV4	2006		4,53
7	15.2	4,10	KD 11	TỔ 4	RRIV4	2006		4,10
8	15.5	14,30	KD 11	TỔ 4	RRIV4	2006	2,96	11,34
9	7.5a	9,45	KD 11	TỔ 5	RRIV4	2007		9,45
10	9.1	3,91	KD 11	TỔ 7	RRIV4	2006		3,91
11	10.1	8,02	KD 11	TỔ 7	RRIV4	2006		8,02
12	5.3	1,62	KD 12	TỔ 1	PB260	2005		1,62
13	5.4	7,07	KD 12	TỔ 1	PB260	2005		7,07
14	5.5	16,44	KD 12	TỔ 1	PB260	2005		16,44
15	6.3	15,92	KD 12	TỔ 1	PB260	2005		15,92
16	15.1a	7,88	KD 12	TỔ 10	RRIV4	2006		7,88
17	15.4a	7,52	KD 12	TỔ 10	RRIV4	2006		7,52
18	16.1	17,32	KD 12	TỔ 10	RRIV4	2006		17,32
19	16.3a	7,38	KD 12	TỔ 10	RRIV4	2006		7,38
20	16.3b	24,30	KD 12	TỔ 10	RRIV4	2006		24,30
21	16.4	8,80	KD 12	TỔ 10	RRIV4	2006		8,80
22	17.1	25,22	KD 12	TỔ 10	RRIV4	2006		25,22
23	1.1	10,29	KD 12	TỔ 2	PB260	2005		10,29
24	1.2	18,42	KD 12	TỔ 2	PB260	2005		18,42
25	1.3	5,47	KD 12	TỔ 2	PB260	2005		5,47
26	2.1	7,54	KD 12	TỔ 2	PB260	2005		7,54
27	2.2	12,96	KD 12	TỔ 2	PB260	2005		12,96
28	3.4	9,36	KD 12	TỔ 2	GT1	2005		9,36

STT	Tên lô	Diện tích (ha)	Năm KD	Tổ	Giống	Năm trồng	DT rừng bảo tồn (ha)	Diện tích Tái canh (ha)
29	3.5	10,69	KD 12	TỔ 2	PB260	2005		10,69
30	3.6	9,28	KD 12	TỔ 2	PB260	2005		9,28
31	3.8	5,29	KD 12	TỔ 2	PB260	2005		5,29
32	4.4	15,95	KD 12	TỔ 2	GT1	2005		15,95
33	4.5	6,97	KD 12	TỔ 2	GT1	2005		6,97
34	4.6	3,00	KD 12	TỔ 2	PB260	2005		3,00
35	4.7	3,33	KD 12	TỔ 2	PB260	2006		3,33
36	4.8a	3,18	KD 12	TỔ 2	PB260	2005		3,18
37	4.9	8,17	KD 12	TỔ 2	PB260	2005		8,17
38	1.6a	23,15	KD 12	TỔ 3	PB260	2006		23,15
39	4.12b	11,50	KD 12	TỔ 3	RRIV4	2006		11,50
40	7.9	24,86	KD 12	TỔ 3	RRIV4	2006		24,86
41	7.10a	2,26	KD 12	TỔ 3	RRIV4	2006		2,26
42	7.11	20,33	KD 12	TỔ 3	RRIV4	2006		20,33
43	7.14a	8,44	KD 12	TỔ 3	RRIV4	2006		8,44
44	7.5	21,61	KD 12	TỔ 5	PB260	2005		21,61
45	7.6	19,31	KD 12	TỔ 5	PB260	2005		19,31
46	8.1a	5,88	KD 12	TỔ 5	PB260	2005		5,88
47	8.1b	7,27	KD 12	TỔ 5	RRIV4	2005		7,27
48	9.2	16,55	KD 12	TỔ 7	RRIV4	2006		16,55
49	9.3	11,65	KD 12	TỔ 7	RRIV4	2006	6,96	4,69
50	10.2	2,26	KD 12	TỔ 7	RRIV4	2006		2,26
51	10.5	13,73	KD 12	TỔ 7	PB260	2006	6,85	6,88
52	10.6	23,84	KD 12	TỔ 7	RRIV4	2006		23,84
53	11.1	12,51	KD 12	TỔ 7	PB260	2006		12,51
54	11.2	11,04	KD 12	TỔ 7	RRIV4	2006	6,03	5,01
55	13.1	6,92	KD 12	TỔ 9	RRIV4	2006		6,92
56	13.2	23,45	KD 12	TỔ 9	RRIV4	2006		23,45
57	13.3	14,42	KD 12	TỔ 9	RRIV4	2006		14,42
58	13.4	24,79	KD 12	TỔ 9	RRIV4	2006		24,79

STT	Tên lô	Diện tích (ha)	Năm KD	Tổ	Giống	Năm trồng	DT rừng bảo tồn (ha)	Diện tích Tái canh (ha)
59	14.1a	11,24	KD 12	TỔ 9	RRIV4	2006		11,24
60	14.2	23,19	KD 12	TỔ 9	RRIV4	2006		23,19
61	14.3	21,52	KD 12	TỔ 9	RRIV4	2006	6,43	15,09
62	3.1	25,54	KD 13	TỔ 1	RRIV4	2005		25,54
63	3.2	20,19	KD 13	TỔ 1	RRIV4	2005		20,19
64	3.3	10,30	KD 13	TỔ 1	RRIV4	2005		10,30
65	4.1	3,62	KD 13	TỔ 1	RRIV4	2005		3,62
66	4.2	4,20	KD 13	TỔ 1	RRIV4	2005		4,20
67	4.3	13,32	KD 13	TỔ 1	RRIV4	2005		13,32
68	5.1	8,44	KD 13	TỔ 1	RRIV4	2005		8,44
69	5.2	2,12	KD 13	TỔ 1	RRIV4	2005		2,12
70	6.2	31,68	KD 13	TỔ 1	RRIV4	2005		31,68
71	6.4	5,74	KD 13	TỔ 1	RRIV4	2005		5,74
72	1.4a	27,57	KD 13	TỔ 2	RRIV4	2005		27,57
73	2.3	24,33	KD 13	TỔ 2	PB260	2005		24,33
74	4.10a	18,10	KD 13	TỔ 3	PB260	2005		18,10
75	5.6	13,12	KD 13	TỔ 5	RRIV4	2005		13,12
76	5.7	16,01	KD 13	TỔ 5	RRIV4	2005		16,01
77	6.5	3,07	KD 13	TỔ 5	RRIV4	2005		3,07
78	7.1	14,40	KD 13	TỔ 5	RRIV4	2005		14,40
79	7.2	2,46	KD 13	TỔ 5	RRIV4	2005		2,46
80	7.3	3,41	KD 13	TỔ 5	RRIV4	2005		3,41
81	7.4	7,59	KD 13	TỔ 5	RRIV4	2005		7,59
82	7.7	21,76	KD 13	TỔ 5	RRIV4	2005		21,76
83	7.7a	15,90	KD 13	TỔ 5	RRIV4	2005		15,90
84	7.8	21,22	KD 13	TỔ 5	PB260	2005		21,22
85	8.2a	20,28	KD 13	TỔ 5	RRIV4	2005		20,28
86	8.3	12,94	KD 13	TỔ 5	RRIV4	2005		12,94
87	8.4	10,31	KD 13	TỔ 5	RRIV4	2005		10,31
88	16.2	6,51	KD 13	TỔ 10	RRIV4	2006		6,51

STT	Tên lô	Diện tích (ha)	Năm KD	Tổ	Giống	Năm trồng	DT rừng bảo tồn (ha)	Diện tích Tái canh (ha)
89	16.5	21,49	KD 13	TỔ 10	RRIV4	2006	8,88	12,61
90	3.7	10,58	KD 13	TỔ 2	PB260	2006		10,58
91	1.5	38,29	KD 13	TỔ 3	RRIV4	2006		38,29
II	TỔNG NT 2	1.255,41					-	1.255,41
1	A1.7	14,61	KD 10	TỔ8	2008	RRIV4		14,61
2	A1.8	17,47	KD 10	TỔ8	2008	RRIV4		17,47
3	A1.9	18,06	KD 10	TỔ8	2008	RRIV4		18,06
4	A3.1	4,36	KD 10	TỔ8	2008	RRIV4		4,36
5	A3.2	2,94	KD 10	TỔ8	2008	RRIV4		2,94
6	B4.1	20,78	KD 10	TỔ5	2007	RRIV4		20,78
7	B4.2	16,92	KD 10	TỔ5	2007	RRIV4		16,92
8	B4.3	7,38	KD 10	TỔ5	2007	RRIV4		7,38
9	B4.4	10,80	KD 10	TỔ5	2007	RRIV4		10,80
10	B4.6	3,23	KD 10	TỔ5	2007	RRIV4		3,23
11	B4.7	8,13	KD 10	TỔ5	2007	RRIV4		8,13
12	B4.8	3,78	KD 10	TỔ5	2007	RRIV4		3,78
13	B6.2	1,51	KD 10	TỔ5	2007	RRIV4		1,51
14	B6.3	1,56	KD 10	TỔ5	2007	RRIV4		1,56
15	B6.4	10,03	KD 10	TỔ5	2006	RRIV4		10,03
16	C2.4	16,71	KD 10	TỔ1	2007	RRIV4		16,71
17	C3.1	1,27	KD 10	TỔ1	2006	RRIV4		1,27
18	C3.2	2,47	KD 10	TỔ1	2007	RRIV4		2,47
19	G5.5	7,49	KD 10	TỔ9	2008	RRIV4		7,49
20	G5.6	14,36	KD 10	TỔ9	2008	RRIV4		14,36
21	G5.7	11,30	KD 10	TỔ9	2008	RRIV4		11,30
22	G5.8	12,11	KD 10	TỔ9	2008	RRIV4		12,11
23	D3.5b	3,97	KD 10	TỔ2	2006	RRIV4		3,97
24	D4.3	1,74	KD 10	TỔ2	2006	RRIV4		1,74
25	E1.2	23,52	KD 10	TỔ6	2007	RRIV4		23,52
26	D4.5a	10,85	KD 11	TỔ2	2006	RRIV4		10,85
27	D3.8	4,31	KD 11	TỔ2	2006	RRIV4		4,31
28	D4.4	18,90	KD 11	TỔ2	2006	RRIV4		18,90
29	A2.4	9,91	KD 11	TỔ8	2006	PB260		9,91
30	C1.2	26,21	KD 11	TỔ1	2007	RRIV4		26,21
31	C1.1a	24,48	KD 11	TỔ1	2007	RRIV4		24,48
32	C2.3	19,39	KD 11	TỔ1	2007	RRIV4		19,39
33	C2.2	29,93	KD 11	TỔ1	2007	RRIV4		29,93
34	C1.3	23,18	KD 11	TỔ1	2007	RRIV4		23,18
35	C1.4	3,69	KD 11	TỔ1	2007	RRIV4		3,69
36	C2.1	14,85	KD 11	TỔ1	2007	RRIV4		14,85

STT	Tên lô	Diện tích (ha)	Năm KD	Tổ	Giống	Năm trồng	DT rừng bảo tồn (ha)	Diện tích Tái canh (ha)
37	E1.1	15,33	KD 11	Tổ6	2007	RRIV4		15,33
38	B2.5	27,80	KD 12	Tổ6	2005	RRIV4		27,80
39	B3.5	17,87	KD 12	Tổ6	2005	RRIV4		17,87
40	B1.1	14,92	KD 12	Tổ7	2005	RRIV4		14,92
41	B2.2	30,92	KD 12	Tổ7	2005	RRIV4		30,92
42	B2.3	15,94	KD 12	Tổ7	2005	RRIV4		15,94
43	B3.2	44,59	KD 12	Tổ7	2005	RRIV4		44,59
44	B3.3	34,69	KD 12	Tổ7	2005	RRIV4		34,69
45	B3.4	30,85	KD 12	Tổ7	2005	RRIV4		30,85
46	D3.3	9,17	KD 12	Tổ2	2006	RRIV4		9,17
47	D3.4	15,71	KD 12	Tổ2	2006	RRIV4		15,71
48	D3.5a	9,76	KD 12	Tổ2	2006	RRIV4		9,76
49	D3.6	12,68	KD 12	Tổ2	2006	RRIV4		12,68
50	D3.7	5,28	KD 12	Tổ2	2006	RRIV4		5,28
51	D4.1	2,91	KD 12	Tổ2	2006	RRIV4		2,91
52	D4.2	7,78	KD 12	Tổ2	2006	RRIV4		7,78
53	D4.5b	6,69	KD 12	Tổ2	2006	RRIV4		6,69
54	D4.6	1,48	KD 12	Tổ2	2006	RRIV4		1,48
55	D4.7	4,34	KD 12	Tổ2	2006	RRIV4		4,34
56	D4.8	16,83	KD 12	Tổ2	2006	RRIV4		16,83
57	B1.6	20,62	KD 12	Tổ5	2006	RRIV4		20,62
58	B1.7	4,47	KD 12	Tổ5	2006	RRIV4		4,47
59	B2.10	16,65	KD 12	Tổ5	2006	RRIV4		16,65
60	B2.9	22,08	KD 12	Tổ5	2006	RRIV4		22,08
61	B4.5a	8,07	KD 12	Tổ5	2006	RRIV4		8,07
62	B6.1	14,67	KD 12	Tổ5	2006	RRIV4		14,67
63	E2.11	14,59	KD 12	Tổ5	2006	RRIV4		14,59
64	E2.12	26,51	KD 12	Tổ5	2006	RRIV4		26,51
65	E3.17	20,08	KD 12	Tổ5	2006	RRIV4		20,08
66	B1.5	13,91	KD 12	Tổ6	2006	RRIV4		13,91
67	B2.8	22,05	KD 12	Tổ6	2006	RRIV4		22,05
68	A2.2	21,40	KD 12	Tổ8	2006	RRIV4		21,40
69	A2.3	33,47	KD 12	Tổ8	2006	RRIV4		33,47
70	A1.5	16,19	KD 12	Tổ8	2007	RRIV4		16,19
71	A1.1	16,11	KD 12	Tổ8	2007	RRIV4		16,11
72	A1.2	17,25	KD 12	Tổ8	2007	RRIV4		17,25
73	B1.2	27,36	KD 13	Tổ6	2005	RRIV4		27,36
74	B2.4	22,96	KD 13	Tổ7	2005	RRIV4		22,96
75	C1.5	38,20	KD 13	Tổ1	2006	RRIV4		38,20
76	C1.6	1,00	KD 13	Tổ1	2006	RRIV4		1,00
77	C2.5	26,26	KD 13	Tổ1	2006	RRIV4		26,26

STT	Tên lô	Diện tích (ha)	Năm KD	Tổ	Giống	Năm trồng	DT rừng bảo tồn (ha)	Diện tích Tái canh (ha)
78	C2.6	2,60	KD 13	Tổ1	2006	RRIV4		2,60
79	C3.3	26,50	KD 13	Tổ1	2006	RRIV4		26,50
80	C3.4	1,12	KD 13	Tổ1	2006	RRIV4		1,12
81	D3.1	3,70	KD 13	Tổ2	2006	RRIV4		3,70
82	D3.2	14,38	KD 13	Tổ2	2006	RRIV4		14,38
83	B1.4	13,26	KD 13	Tổ6	2006	RRIV4		13,26
84	B2.7	12,94	KD 13	Tổ6	2006	RRIV4		12,94
85	A1.3	11,35	KD 13	Tổ8	2006	RRIV4		11,35
86	A1.4	12,41	KD 13	Tổ8	2006	RRIV4		12,41
87	A2.1	5,51	KD 13	Tổ8	2006	RRIV4		5,51
III	TỔNG NT 3						120,92	862,84
1	4.2	22,82	KD 10	TỔ 1	2007	RRIV4		22,82
2	3.5a	9,19	KD 10	TỔ 2	2007	RRIV4		9,19
3	4.1b	24,89	KD 10	TỔ 2	2007	RRIV4		24,89
4	2.2	20,24	KD 10	TỔ 4	2007	RRIV4		20,24
5	2.3b	24,76	KD 10	TỔ 4	2007	RRIV4		24,76
6	2.5	7,95	KD 10	TỔ 4	2007	RRIV4		7,95
7	2.7b	9,47	KD 10	TỔ 4	2007	RRIV4		9,47
8	2.18a	8,59	KD 10	TỔ 5	2007	RRIV4	2,02	6,57
9	1.4	37,66	KD 10	TỔ 7	2007	RRIV4		37,66
10	1.5b	16,78	KD 10	TỔ 7	2007	RRIV4		16,78
11	1.5c	13,55	KD 10	TỔ 7	2007	RRIV4		13,55
12	1.10	15,05	KD 10	TỔ 7	2007	RRIV4		15,05
13	5.5a2	9,86	KD 10	TỔ 8	2008	RRIV4		9,86
14	5.14	25,00	KD 10	TỔ 9	2008	RRIV4		25,00
15	3.1	20,69	KD 11	TỔ 2	2007	RRIV4		20,69
16	3.2a	5,19	KD 11	TỔ 2	2007	RRIV4		5,19
17	3.2b	4,48	KD 11	TỔ 2	2007	RRIV4		4,48
18	3.3a	17,06	KD 11	TỔ 2	2007	RRIV4		17,06
19	3.3b	1,49	KD 11	TỔ 2	2007	RRIV4		1,49
20	3.5b1	9,59	KD 11	TỔ 2	2007	RRIV4		9,59
21	3.5b2	7,93	KD 11	TỔ 2	2007	RRIV4		7,93
22	3.7	22,22	KD 11	TỔ 3	2007	RRIV4		22,22
23	3.9	20,94	KD 11	TỔ 3	2007	RRIV4		20,94
24	3.10	13,87	KD 11	TỔ 3	2007	RRIV4	7,80	6,07
25	2.1a	3,24	KD 11	TỔ 4	2007	RRIV4		3,24
26	2.1b	4,17	KD 11	TỔ 4	2007	RRIV4		4,17
27	2.3a1	28,12	KD 11	TỔ 4	2007	RRIV4		28,12
28	2.3a2	6,09	KD 11	TỔ 4	2007	RRIV4		6,09
29	2.4	16,86	KD 11	TỔ 4	2007	RRIV4		16,86
30	2.6	13,88	KD 11	TỔ 4	2007	RRIV4		13,88

STT	Tên lô	Diện tích (ha)	Năm KD	Tổ	Giống	Năm trồng	DT rừng bảo tồn (ha)	Diện tích Tái canh (ha)
31	2.8	24,83	KD 11	TỔ 4	2007	RRIV4		24,83
32	2.9	21,97	KD 11	TỔ 4	2007	RRIV4		21,97
33	2.10	26,72	KD 11	TỔ 4	2007	RRIV4	14,72	12,00
34	2.11	19,73	KD 11	TỔ 4	2007	RRIV4	10,43	9,30
35	2.15	20,65	KD 11	TỔ 5	2007	RRIV4		20,65
36	2.16	8,80	KD 11	TỔ 5	2007	RRIV4		8,80
37	2.18b	8,40	KD 11	TỔ 5	2007	RRIV4		8,40
38	2.19a	22,53	KD 11	TỔ 5	2007	RRIV4		22,53
39	1.1	4,58	KD 11	TỔ 7	2007	RRIV4		4,58
40	1.2	22,39	KD 11	TỔ 7	2007	RRIV4		22,39
41	1.3	24,48	KD 11	TỔ 7	2007	RRIV4		24,48
42	1.9	16,09	KD 11	TỔ 7	2007	Pb260		16,09
43	1.11	17,03	KD 11	TỔ 7	2007	RRIV4	2,17	14,86
44	1.12	31,46	KD 11	TỔ 7	2007	RRIV4	26,56	4,90
45	1.5aKD12	12,11	KD 12	TỔ 7	2007	RRIV4		12,11
46	1.6	17,23	KD 12	TỔ 7	2007	Pb260		17,23
47	1.7	25,39	KD 12	TỔ 7	2007	Pb260		25,39
48	1.8	11,16	KD 12	TỔ 7	2007	Pb260		11,16
49	2.14	21,98	KD 12	TỔ 5	2007	RRIV4	3,84	18,14
50	2.19b	9,65	KD 12	TỔ 5	2007	RRIV4		9,65
51	2.20	24,57	KD 12	TỔ 6	2007	RRIV4	17,87	6,70
52	2.21	21,07	KD 12	TỔ 6	2007	RRIV4		21,07
53	2.22	22,40	KD 12	TỔ 6	2007	RRIV4	20,47	1,93
54	2.7a	12,09	KD 12	TỔ 4	2007	RRIV4		12,09
55	3.6	29,00	KD 12	TỔ 2	2007	RRIV4		29,00
56	3.8	17,69	KD 12	TỔ 3	2007	RRIV4		17,69
57	4.1a	15,41	KD 12	TỔ 2	2007	RRIV4		15,41
58	4.5a	13,85	KD 12	TỔ 3	2007	RRIV4	2,18	11,67
59	4.5b	18,87	KD 12	TỔ 3	2007	RRIV4	12,86	6,01
IV	TỔNG NT 4						-	845,81
1	A1.4	7,15	KD 10	TỔ 1	2008	RRIV4		7,15
2	A1.5	11,35	KD 10	TỔ 1	2008	RRIV4		11,35
3	A1.6	11,87	KD 10	TỔ 1	2008	RRIV4		11,87
4	A2.3	8,75	KD 10	TỔ 1	2008	RRIV4		8,75
5	A3.3b	7,58	KD 10	TỔ 1	2008	RRIV4		7,58
6	B2.6	1,64	KD 10	TỔ 2	2007	RRIV4		1,64
7	E1.1a	4,27	KD 10	TỔ 4	2008	RRIV4		4,27
8	E1.2	8,78	KD 10	TỔ 4	2008	RRIV4		8,78
9	E1.3	17,22	KD 10	TỔ 4	2008	RRIV4		17,22
10	E1.4	11,36	KD 10	TỔ 4	2008	RRIV4		11,36
11	E1.5	0,59	KD 10	TỔ 4	2008	RRIV4		0,59

STT	Tên lô	Diện tích (ha)	Năm KD	Tổ	Giống	Năm trồng	DT rừng bảo tồn (ha)	Diện tích Tái canh (ha)
12	E2.1a	10,65	KD 10	Tổ 4	2008	RRIV4		10,65
13	E2.1b	2,79	KD 10	Tổ 4	2008	RRIV4		2,79
14	E2.2	9,92	KD 10	Tổ 4	2008	RRIV4		9,92
15	E2.3	20,83	KD 10	Tổ 4	2008	RRIV4		20,83
16	E2.4	24,67	KD 10	Tổ 4	2008	RRIV4		24,67
17	E2.5	21,07	KD 10	Tổ 4	2008	RRIV4		21,07
18	E3.3a	6,10	KD 10	Tổ 4	2008	RRIV4		6,10
19	E3.4b	6,94	KD 10	Tổ 4	2008	RRIV4		6,94
20	E4.4	13,20	KD 10	Tổ 4	2008	RRIV4		13,20
21	E4.5a	12,11	KD 10	Tổ 4	2008	RRIV4		12,11
22	D1.1	3,81	KD 10	Tổ 5	2008	RRIV4		3,81
23	D1.2	10,24	KD 10	Tổ 5	2008	RRIV4		10,24
24	D2.1	0,63	KD 10	Tổ 5	2008	RRIV4		0,63
25	D2.2	18,10	KD 10	Tổ 5	2008	RRIV4		18,10
26	D2.3	19,26	KD 10	Tổ 5	2008	Pb260		19,26
27	D2.4	17,00	KD 10	Tổ 5	2008	Pb260		17,00
28	D2.5	20,07	KD 10	Tổ 5	2008	Pb260		20,07
29	D2.6	1,40	KD 10	Tổ 5	2008	RRIV4		1,40
30	D3.2	3,30	KD 10	Tổ 5	2008	RRIV4		3,30
31	D3.3	10,33	KD 10	Tổ 5	2008	Pb260		10,33
32	D3.4	12,17	KD 10	Tổ 5	2008	Pb35		12,17
33	A1.1	20,50	KD 12	Tổ 1	2007	RRIV4		20,50
34	A1.2	24,44	KD 12	Tổ 1	2007	RRIV4		24,44
35	A1.3	24,54	KD 12	Tổ 1	2007	RRIV4		24,54
36	A2.1	20,08	KD 12	Tổ 1	2007	RRIV4		20,08
37	A2.2	21,45	KD 12	Tổ 1	2007	RRIV4		21,45
38	A2.4	21,19	KD 12	Tổ 1	2007	RRIV4		21,19
39	A3.1	12,85	KD 12	Tổ 1	2007	RRIV4		12,85
40	A3.2	11,66	KD 12	Tổ 1	2007	RRIV4		11,66
41	A3.5	20,88	KD 12	Tổ 1	2007	RRIV4		20,88
42	A3.3a	16,40	KD 12	Tổ 1	2006	RRIV4		16,40
43	A3.4a	4,92	KD 12	Tổ 1	2006	RRIV4		4,92
44	B1.1	18,28	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		18,28
45	B1.2	20,93	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		20,93
46	B1.3	14,70	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		14,70
47	B1.4	21,51	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		21,51
48	B1.5a	17,42	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		17,42
49	B1.5b	7,22	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		7,22
50	B1.6	17,72	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		17,72
51	B2.2	12,29	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		12,29
52	B2.3	10,22	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		10,22

STT	Tên lô	Diện tích (ha)	Năm KD	Tổ	Giống	Năm trồng	DT rừng bảo tồn (ha)	Diện tích Tái canh (ha)
53	B2.4	11,80	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		11,80
54	B2.5	6,77	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		6,77
55	B3.1	13,76	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		13,76
56	B3.2	32,03	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		32,03
57	B3.3	15,51	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		15,51
58	B3.4	30,26	KD 12	Tổ 2	2007	RRIV4		30,26
59	B4.1	20,19	KD 12	Tổ 3	2007	RRIV4		20,19
60	B4.2a	15,87	KD 12	Tổ 3	2007	RRIV4		15,87
61	B4.3b	9,10	KD 12	Tổ 3	2007	RRIV4		9,10
62	B4.4a	14,91	KD 12	Tổ 3	2007	RRIV4		14,91
63	E3.3b	0,82	KD 7	Tổ 4	2009	RRIV4		0,82
64	E1.1b	0,44	KD 9	Tổ 4	2008	RRIV4		0,44
301	TỔNG						159,03	4.081,64

Số: 42 / TTr- HDQT

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Vv chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn UpCOM sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 ;
- Căn cứ Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 120/2020/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 31/12/2020 quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/04/2023;
- Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HDQT ngày 28/3/2025 của HDQT Công ty;

Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk đã được lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và giao dịch tại sàn UpCOM với mã chứng khoán là **DRI**.

Trong thời gian tới, để quảng bá hình ảnh, thương hiệu của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk, đồng thời nâng cao tính thanh khoản cho cổ phiếu của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chuyển sàn giao dịch cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk từ Thị trường giao dịch các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) sang Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với chi tiết như sau:

1. Chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk từ UpCOM sang HOSE:

1.1. Thông qua việc hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk tại UpCOM.

- Số lượng cổ phần đăng ký hủy giao dịch: 73.200.000 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mã cổ phiếu: DRI

1.2. Thông qua việc đăng ký niêm yết giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

- Số lượng cổ phần đăng ký niêm yết: 73.200.000 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mã cổ phiếu: DRI

2. Thông qua việc ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan:

- Chủ động chuẩn bị, hoàn tất hồ sơ, thủ tục cần thiết liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu trên HOSE (bao gồm cả việc ủy quyền lại cho Tổng giám đốc Công ty ký kết các Hợp đồng liên quan đến thủ tục niêm yết và các công việc có liên quan đến niêm yết cổ phiếu);

- Chủ động quyết định thời điểm niêm yết thích hợp và giá niêm yết cổ phiếu nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông của Công ty, phù hợp với tình hình thị trường đồng thời tuân thủ theo các quy định của pháp luật có liên quan;

- Được toàn quyền quyết định và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến thủ tục, hồ sơ, trình tự đăng ký niêm yết cổ phiếu tại HOSE, bao gồm cả việc quyết định và xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) trong quá trình thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN VIỆT TƯỢNG

Số: 13 / TTr- HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 31 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Vv miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2022 – 2027)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/04/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 25/04/2024 của HĐQT DRI thống nhất tạm đình chỉ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT đối với ông Bùi Quang Ninh – thành viên HĐQT không điều hành tại DRI;

Căn cứ Đơn từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT của ông Lê Thanh Cần ngày 07/03/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty;

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, cụ thể như sau:

- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Bùi Quang Ninh – Phó chủ tịch HĐQT. Lý do: ông Bùi Quang Ninh đang bị khởi tố vì phạm pháp luật tại Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk (nay là Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk), không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn thành viên HĐQT DRI.

- Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Lê Thanh Cần – Thành viên HĐQT. Lý do: ông Lê Thanh Cần có đơn từ nhiệm để nghỉ chế độ hưu trí.

- Thời gian miễn nhiệm: kể từ ngày ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025.

Vậy Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 xem xét miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk nhiệm kỳ III (2022-2027) đối với ông Bùi Quang Ninh và ông Lê Thanh Cần theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ TN2025;
- HĐQT; Ban kiểm soát;
- Lưu VT. *anh*



NGUYỄN VIỆT TƯỜNG

Số: 26../TB-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 02 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO
V/v đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị
Nhiệm kỳ III (2022-2027)

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6001271719 ngày 24/2/2012 của Sở kế hoạch & Đầu tư Đắk Lắk về việc cấp giấy phép hoạt động cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

- Căn cứ Điều lệ của Công ty sửa đổi bổ sung đã được đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua;

- Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 25/04/2024 của HĐQT DRI thống nhất tạm đình chỉ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT đối với ông Bùi Quang Ninh – thành viên HĐQT không điều hành tại DRI;

- Căn cứ Đơn từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT của ông Lê Thanh Cẩn ngày 07/03/2025;

- Căn cứ Điều 8, Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 28/03/2025 của Hội đồng quản trị Công ty thống nhất trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Bùi Quang Ninh và ông Lê Thanh Cẩn.

Như vậy, HĐQT tại thời điểm miễn nhiệm 02 thành viên HĐQT sẽ khuyết 02 thành viên, để đảm bảo đủ số lượng 07 thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và đáp ứng yêu cầu khi Công ty chuyển đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập HĐQT và tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, tổ chức ngày 24/04/2025, ngoài các nội dung tổ chức theo quy định của ĐHĐCĐ thường niên, kỳ họp này sẽ tiến hành bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT (**01 thành viên điều hành/không điều hành và 01 thành viên độc lập HĐQT**) theo thời gian còn lại của nhiệm kỳ III (2022-2027).

Để chuẩn bị cho việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nói trên, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk thông báo đến quý cổ đông về việc ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng quản trị như sau:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT (theo khoản 1 và khoản 2, điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020):

1.1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp 2020;



- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp 2020 và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp 2020 thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ

1.2. Thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

1.3. Ngoài các quy định về tiêu chuẩn, tư cách thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020; Thành viên HĐQT còn phải đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 8 - Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk và các quy định của pháp luật đối với thành viên HĐQT độc lập. Cụ thể:

- Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức, và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Công ty;

- Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;

- Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;

- Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;

- Phán quyết chuẩn xác;

- Khả năng và ý chí đương đầu với thách thức và tìm tòi cái mới;

- Kỹ năng giao tiếp tốt;

- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

2. Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung:

- Số lượng: 02 người, trong đó: 01 thành viên điều hành/không điều hành và 01 thành viên độc lập HĐQT.

- Nhiệm kỳ: theo thời gian còn lại của nhiệm kỳ III (2022 – 2027).

- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế.

- Bầu cử theo phương pháp bầu dồn phiếu.

3. Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT: theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 - Điều lệ DRI.

4. Đề nghị cổ đông/nhóm cổ đông hoàn thiện hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT đã được HĐQT thông qua ngày 28/03/2025, dự kiến trình cho cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Quý cổ đông xem Quy chế bầu cử và tải các biểu mẫu tại website Công ty www.dri.com.vn chuyên mục Quan hệ cổ đông/Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT đề nghị gửi về thư ký HĐQT trước 10 ngày khai mạc đại hội (chậm nhất là vào ngày **14/04/2025**) để HĐQT xem xét đưa vào danh sách chuẩn bị cho việc bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Hồ sơ dán kín và gửi theo địa chỉ:

Thư ký Hội đồng quản trị Công ty DRI, 59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk. Điện thoại: 02623.867676 – Fax: 02623.865303

6. Trường hợp cổ đông/nhóm cổ đông không ứng cử, đề cử thì Hội đồng quản trị sẽ đề cử theo quy định.

Đề nghị cổ đông/nhóm cổ đông thực hiện quyền ứng cử, đề cử nhân sự thành viên HĐQT theo quy định.

Trân trọng!

Nơi nhận: 

- Các cổ đông;
- Lưu: VT- CT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN VIỆT TƯỢNG

PHIẾU BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(Ngày 24 tháng 4 năm 2025)

Cổ đông:		Số cổ phần:		
Số CMND/Đăng ký KD:		Tổng số CP có quyền biểu quyết:		
TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
Biểu quyết thông qua các báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ TN2025:				
1	i- Báo cáo của HĐQT;			
	ii- Báo cáo của Ban điều hành;			
	iii- Báo cáo Tài chính 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC kiểm toán.			
	iv- Báo cáo của Ban kiểm soát;			
2	Biểu quyết thông qua một số chỉ tiêu Sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025 theo Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025;			
3	Biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2024 theo Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025;			
4	Biểu quyết thông qua thù lao & chi phí hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025 theo Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025;			
5	Biểu quyết thông qua việc ủy quyền cho HĐQT, BKS lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2025 theo Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025;			
6	Biểu quyết thông qua các hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan của Công ty theo Tờ trình số 10/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025;			
7	Biểu quyết phê duyệt Dự án tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cây cao su của Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Nước CHDCND Lào theo Tờ trình số 11/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025;			
8	Biểu quyết thông qua việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn UpCOM sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) theo Tờ trình số 12/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025.			

TP. Buôn Ma Thuột, ngày tháng năm 2025
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu CĐ tổ chức)

Ghi chú:

- Cổ đông đánh dấu (x) vào một trong các cột Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến.
- Phiếu không hợp lệ là phiếu không có ý kiến nào hoặc có từ 2 ý kiến trở lên đối với một nội dung biểu quyết.

Số:/NQ-ĐHĐCĐ

Buôn Ma Thuột, ngày tháng 04 năm 2025

(DỰ THẢO)

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK NĂM 2025**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư cao su Đắc Lắc bắt đầu lúc 8 giờ 00 ngày 24/04/2025 tại Tầng 1 Trung tâm tiệc cưới, Khách sạn Dakruco, địa chỉ 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắc Lắc, với sự có mặt cổ đông tham dự và ủy quyền, đại diện cho cổ phần có quyền biểu quyết chiếm % tổng số cổ phần của công ty DRI đủ điều kiện để tiến hành cuộc họp.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc ngày 24/04/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông nhất thông qua các báo cáo sau đây:

1. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024 và kế hoạch năm 2025;
2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025 của Ban điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc;
3. Báo cáo Tài chính năm 2024 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AFC Việt Nam;
4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và phương hướng năm 2025.

Điều 2. Thông nhất thông qua một số chỉ tiêu Sản xuất kinh doanh và đầu tư chính năm 2025 theo Tờ trình số 06/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025.

Điều 3. Thông nhất phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2024 theo Tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025.

Điều 4. Thông nhất thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025 theo Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025.

Điều 5. Thông nhất ủy quyền cho HĐQT, BKS lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2025 theo Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025.

Điều 6. Thông nhất thông qua các hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan của Công ty theo Tờ trình số 10/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025.

Điều 7. Thống nhất phê duyệt Dự án tái canh trồng mới, chăm sóc, khai thác 4.081,64 ha cây cao su của Công ty TNHH cao su Đắc Lắc tại Nước CHDCND Lào theo Tờ trình số 11/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025.

Điều 8. Thống nhất chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn UpCOM sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) theo Tờ trình số 12/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025.

Điều 9. Đại hội đồng cổ đông thống nhất miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Bùi Quang Ninh và ông Lê Thanh Cần theo Tờ trình số 13/TTr-HĐQT ngày 31/03/2025.

Điều 10. Đại hội đồng cổ đông đã bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2022-2027) gồm các ông bà có tên sau:

- Ông/bà....., sinh ngày:....., trình độ chuyên môn.....

- Ông/bà....., sinh ngày:....., trình độ chuyên môn.....

Điều 11. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên này, theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Kèm theo Nghị quyết này bao gồm các văn bản đã trình ra ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Cuộc họp và có hiệu lực từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS, Ban điều hành Cty;
- CBTT: UBCKNN, HNX, Website Cty;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

NGUYỄN VIỆT TƯỢNG